

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯƠNG NGỌC TRÂM

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT
ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự

Mã số: 62.38.40.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Số liệu, kết quả nghiên cứu đề cập trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

Tác giả luận án

Lương Ngọc Trâm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI	15
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	15
1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu	23
Kết luận Chương 1	26
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI	28
2.1. Những vấn đề lý luận về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội	28
2.2. Quy định của pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội	45
2.3. So sánh chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam với một số nước ở khu vực và trên thế giới	66
Kết luận chương 2	71
Chương 3: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI VÀ THỰC TIỄN QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	73
3.1. Khái quát tình hình người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh	73
3.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh	80
3.3. Những nguyên nhân bất cập hạn chế hiệu quả quyết định hình phạt người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh	89
Kết luận Chương 3	110
Chương 4: ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	112
4.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội	113

4.2	Sửa đổi, bổ sung pháp luật về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên	117
4.3	Ban hành Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nói chung và bị cáo là người chưa thành niên nói riêng theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015	122
4.4	Ban hành Nghị quyết Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý thay thế xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội	127
4.5	Áp dụng những quy định mới có lợi của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cho người chưa thành niên phạm tội	128
4.6	Tuyển chọn, ban hành án lệ về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội	131
4.7	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thành niên	133
4.8	Nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự trong điều tra, truy tố và xét xử người chưa thành niên phạm tội	136
4.9	Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên chuyên giải quyết các vụ án người chưa thành niên	137
4.10.	Áp dụng mô hình tố tụng tư pháp thân thiện đối với người chưa thành niên	137
	Kết luận Chương 4	142
	KẾT LUẬN	142
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ gốc
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
BLDS	Bộ luật Dân sự
BLLĐ	Bộ luật Lao động
TAND	Tòa án nhân dân
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
BCA	Bộ Công an
NCTN	Người chưa thành niên
THTP	Tình hình tội phạm
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
HĐXX	Hội đồng xét xử

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở mọi quốc gia trên thế giới, trẻ em luôn là một đối tượng được sự quan tâm đặc biệt của xã hội vì trẻ em chính là tương lai của đất nước, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nhân tố quyết định sự thành công, phát triển và phồn vinh của nước nhà. Theo quy định tại Điều 1 Công ước Quốc tế về quyền trẻ em đã được Liên Hợp quốc thông qua năm 1989 (CRC) thì trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật áp dụng đối với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn. Ở độ tuổi này thì trẻ em chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm sinh lý, bị hạn chế về trình độ nhận thức cũng như về kinh nghiệm sống, thiếu những điều kiện về bản lĩnh tự lập, khả năng tự kiềm chế chưa cao nên dễ bị kích động, lôi kéo vào những hoạt động phạm tội. Do đó, pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia đều có những quy định riêng phù hợp với đặc điểm về thể chất, tâm sinh lý của trẻ em để xử lý hành vi phạm tội của họ, giúp họ được cải tạo, giáo dục để trở thành người có ích cho xã hội.

Bên cạnh đó, các chuẩn mực chung trong quản lý tư pháp đối với trẻ em còn được quy định trong các điều ước quốc tế như: Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp quốc về việc áp dụng pháp luật đối với NCTN (Quy tắc Bắc Kinh), Hướng dẫn Riyadh của Liên Hợp quốc về việc phòng ngừa NCTN phạm tội (Hướng dẫn Riyadh), Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do (Quy tắc 1990)... Những quy định tại các Điều ước nêu trên nhằm đảm bảo cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN không chỉ dựa trên tính chất và mức độ của hành vi vi phạm pháp luật mà còn phải dựa trên hoàn cảnh cá nhân người phạm tội để thúc đẩy sự phục hồi và hòa nhập xã hội của họ.

Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay cũng phù hợp với quy định của các Điều ước nêu trên. Pháp luật hình sự Việt Nam có sự phân biệt giữa trẻ em và NCTN, theo đó trẻ em là người dưới 16 tuổi còn NCTN là người dưới 18 tuổi. Vì vậy, các quy định về trẻ em phạm tội theo các Điều ước quốc tế tương ứng với các quy định về NCTN phạm tội theo pháp luật Việt Nam. Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội được quy định tại BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); BLTTHS năm 2003 và một số văn bản quy phạm pháp luật như Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số điều của BLHS, Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSNDTC- TANDTC- BCA- BTP- BLĐTBXH hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là NCTN... Tuy nhiên, những quy định này vẫn chưa thật sự hoàn chỉnh nên dẫn đến thực trạng là tình hình tội phạm do NCTN thực hiện diễn biến ngày càng phức tạp. Vấn đề NCTN phạm tội trong giai đoạn hiện nay không chỉ gia tăng về số lượng mà tính chất và mức độ nguy hiểm cũng ngày càng tăng cao, đặc biệt là ở các đô thị lớn như TPHCM.

Từ khi xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp và tham gia vào nền kinh tế thị trường, nước ta đã có những bước tiến vượt bậc trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Nền kinh tế phát triển mạnh mẽ đã tạo ra ngày càng nhiều của cải cho xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân ngày một nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đó, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã dẫn đến nhiều hệ lụy xấu cho xã hội và một trong những hệ lụy xấu đó là sự gia tăng và diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm do NCTN thực hiện tại địa bàn những đô thị lớn, nhất là tại TPHCM.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong hai trung tâm kinh tế, văn hóa và chính trị lớn nhất của cả nước, giữ vai trò đầu tàu trong sự phát triển trên tất cả mọi lĩnh vực của Việt Nam. Bên cạnh mặt tích cực đó, tình hình an ninh trật tự tại TPHCM cũng diễn biến rất phức tạp với sự gia tăng của các loại tội

phạm mà đặc biệt là tội phạm do NCTN thực hiện, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của thành phố. Hàng năm, số vụ phạm tội do NCTN thực hiện chiếm khoảng 35,6% tổng số vụ phạm pháp hình sự xảy ra tại địa bàn này. Từ ngày 01/10/2006 đến ngày 30/4/2007, NCTN gây ra 1.165/2.476 vụ phạm pháp hình sự [71, tr.2]. Có những khoảng thời gian ngắn, trên địa bàn TPHCM xảy ra hàng ngàn vụ phạm pháp hình sự, trong đó có tới gần 37% là do NCTN thực hiện [71, tr.5]. Theo thông tin được đưa ra tại Hội nghị góp ý “Dự án hỗ trợ NCTN vi phạm pháp luật giai đoạn 2013-2016” do Sở Lao động-Thương binh và Xã hội TPHCM phối hợp với Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tổ chức ngày 16/4/2013 thì trong năm 2012, trên địa bàn TPHCM xảy ra hơn 5.000 vụ phạm pháp hình sự, bắt 4.679 đối tượng (chiếm 26,13%), trong đó NCTN là 1.223 đối tượng. Tuy tổng số vụ phạm pháp hình sự và tổng số NCTN phạm tội không nhiều như những năm trước đây nhưng tính chất nguy hiểm và mức độ nghiêm trọng ngày càng cao hơn. Nếu trước đây NCTN thường phạm tội ít nghiêm trọng như trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích... với tính chất đơn lẻ, thủ đoạn đơn giản, suy nghĩ bồng bột thì hiện nay, tội phạm do NCTN thực hiện đã chuyển sang hình thức băng nhóm, tập thể với tính chất của hành vi phạm tội ngày càng nghiêm trọng hơn như: giết người, hiếp dâm, cướp tài sản, các tội phạm về ma túy...;

Nghiên cứu tình hình tội phạm do NCTN thực hiện tại địa bàn TPHCM trong thời gian qua có thể rút ra nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng nêu trên. Đó có thể là nguyên nhân xuất phát từ phía gia đình và nhà trường khi chưa coi trọng vấn đề giáo dục con cái, giáo dục học sinh, nhất là giáo dục về đạo đức, lối sống. Đó có thể là do NCTN chịu ảnh hưởng của văn hóa phẩm độc hại hay công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội còn bị buông lỏng...; Đa số bị can, bị cáo là NCTN không nhận thức đầy đủ về tính nguy hiểm và hậu quả nghiêm trọng của hành vi mình gây ra... và một trong số những

nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó chính là sự bất cập trong việc quyết định hình phạt đối với NCTN.

Dựa trên số liệu về kết quả thụ lý và giải quyết án của TAND TP HCM, từ năm 2007 đến năm 2014, TAND các cấp tại TP HCM đã xét xử 6235 bị cáo là NCTN phạm tội [71]. Trong số những vụ án do NCTN phạm tội mà TAND TP HCM đã xét xử, phần lớn là những vụ án liên quan đến các tội xâm phạm sở hữu như: cướp tài sản, cướp giật tài sản hay trộm cắp tài sản... Tuy nhiên, vẫn có những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng con người như vụ án Trịnh Hoài Thanh và đồng bọn vì xích mích nhỏ nhặt đã thực hiện hành vi giết người. Khi thực hiện hành vi thì bị cáo Trịnh Hoài Thanh chỉ mới 15 tuổi nên bị tuyên phạt 12 năm tù. Ngoài ra, còn nhiều vụ án xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của trẻ em như vụ án Võ Thành Công và Tô Minh Vương thực hiện hành vi hiếp dâm trẻ em. Do hai bị cáo chỉ 17 tuổi khi thực hiện hành vi nên cả hai chỉ bị tuyên phạt là 08 năm tù. Trên cơ sở nghiên cứu các bản án do TAND các cấp tại TP HCM xét xử trong giai đoạn 2007 đến 2014; và cho đến nay, có thể nhận thấy quy định pháp luật hiện hành cũng như thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội còn rất nhiều bất cập, cụ thể như sau:

- Các quy định của BLHS hiện hành năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có nhiều điểm mới chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích chính thức, thực tiễn xét xử có nhiều điểm chưa được tổng kết, hướng dẫn, nếu không giải thích hoặc hướng dẫn cụ thể thì việc áp dụng gặp nhiều khó khăn;

- Trong số các hình phạt không tước tự do áp dụng đối với NCTN phạm tội, có hình phạt chưa thực sự phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý cũng như nhu cầu giáo dục của đối tượng này như: hình phạt cảnh cáo thể hiện sự khiếm trách công khai của Nhà nước đối với người phạm tội. Khi Hội đồng xét xử tuyên án xong, cũng có nghĩa rằng hình phạt được thi hành xong. Vì

không có cơ chế theo dõi, hỗ trợ NCTN phạm tội thực sự nhận thức được lỗi làm mình gây ra, cho nên không phải lúc nào hình phạt cảnh cáo cũng phát huy hiệu quả. Một trong những nguyên nhân làm NCTN phạm tội tái phạm chính là vì luật thiếu cơ chế hỗ trợ giúp những NCTN phạm tội nhận thức được lỗi làm của mình để khắc phục các nguyên nhân, điều kiện phạm tội của mình. Hình phạt tiền áp dụng đối với NCTN phạm tội cũng là vấn đề cần được cân nhắc lại. Hình phạt này đánh vào lợi ích vật chất của người phạm tội, nhưng phần lớn NCTN phạm tội đều không có tài sản và chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của đồng tiền. Do vậy, việc áp dụng hình phạt tiền đối với đối tượng này dường như là không hợp lý;

- Chế tài pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội còn nặng về giam giữ. Cụ thể, trong số 6 chế tài áp dụng đối với NCTN phạm tội, chỉ có hai chế tài có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Đó là đưa vào trường giáo dưỡng hoặc tù có thời hạn. Cả hai chế tài này đều tước tự do của người phạm tội. Đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi trở lên, mặc dù 2/3 trên tổng số sáu chế tài luật quy định là chế tài không tước tự do (biện pháp tư pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn và hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ), thực tế việc áp dụng các chế tài này có nhiều hạn chế vì chính hiệu quả giáo dục, phục hồi thấp của các chế tài đó; có lẽ cũng một phần cũng vì lý do này đã khiến Hội đồng xét xử ngần ngại áp dụng trong thực tiễn.

- Việc áp dụng hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi hiện nay còn có những ý kiến khác nhau: có ý kiến cho rằng, không áp dụng hình phạt cảnh cáo và cải tạo không giam giữ đối với những bị cáo này vì theo quy định tại Điều 29 của BLHS thì hình phạt “*cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng...*”; khoản 1 Điều 31 của BLHS quy định hình phạt “*cải tạo không giam giữ được áp dụng ... đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc*

phạm tội nghiêm trọng...”. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 69 của BLHS cũng quy định nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội là họ có thể được miễn trách nhiệm hình sự nếu họ phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn... Những người có ý kiến này hiểu cụm từ “*phạm tội ít nghiêm trọng*” hoặc “*phạm tội nghiêm trọng*” ở đây là tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng có mức hình phạt như quy định tại khoản 2 Điều 8 của BLHS, mà căn cứ vào Khoản 2 Điều 12 của BLHS thì NCTN từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, họ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý nên không được áp dụng hình phạt cảnh cáo hoặc cải tạo không giam giữ đối với những bị cáo này và như vậy hình phạt cảnh cáo hoặc cải tạo không giam giữ chỉ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, có thể áp dụng hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vì cần phải hiểu cụm từ “*phạm tội ít nghiêm trọng*” hoặc “*phạm tội nghiêm trọng*” quy định tại Điều 29 và Điều 31 của BLHS là tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà NCTN đã thực hiện chứ không phải là tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng như quy định tại Điều 8 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Bộ luật hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 09/12/2015 nhưng đến nay chưa chính thức có hiệu lực. Việc thi hành các nội dung của BLHS năm 2015 có lợi cho NCTN phạm tội vừa áp dụng Nghị quyết 109/NQ-QH13, vừa áp dụng Nghị quyết 144/NQ-QH13, vừa áp dụng Nghị quyết 01/2106/ NQ- HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhưng vẫn chưa đầy đủ dẫn đến gặp nhiều khó khăn và vướng mắc.

- Chưa có đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao chuyên về NCTN phạm tội tiến hành tố tụng, dẫn đến việc quyết định hình phạt không phù hợp với các đặc điểm tâm sinh lý của NCTN...;

Những bất cập nêu trên đã ảnh hưởng nhiều đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM trong thời gian qua, dẫn đến tình trạng quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ, không phù hợp với chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta nói chung, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta về NCTN phạm tội nói riêng.

Vấn đề NCTN phạm tội là một trong những vấn đề đang được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm vì NCTN chính là tương lai của đất nước. Hiện nay, tuy đã có một số công trình nghiên cứu, một số bài viết đề cập đến vấn đề NCTN phạm tội nhưng vẫn chưa có một công trình nghiên cứu ở cấp độ Tiến sĩ, nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện và sâu sắc về vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trên một địa bàn cụ thể như TPHCM. Từ đó đã dẫn đến thực trạng là những bất cập phát sinh từ việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trên địa bàn TPHCM vẫn chưa được phân tích và làm rõ cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Theo các số liệu thống kê về diễn biến và thực trạng tình hình tội phạm thì tỷ lệ NCTN phạm tội trên địa bàn TPHCM gia tăng với tốc độ cao, tính chất nguy hiểm của hành vi ngày càng nghiêm trọng hơn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng nêu trên.

Đề án thành lập Tòa gia đình và NCTN của Tòa án nhân dân tối cao đã được Quốc hội phê chuẩn khi thông qua Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Bộ luật hình sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng đã được Quốc hội thông qua. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của Tòa Gia đình và người chưa thành niên chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu. Nhiều trường hợp quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM trong thời gian qua hoặc là quá nặng, hoặc là quá nhẹ dẫn đến việc cải tạo, giáo dục NCTN không

thật sự hiệu quả, khiến cho tình hình tội phạm do NCTN thực hiện tại TPHCM diễn biến ngày càng phức tạp hơn. Hiện nay, ở Việt Nam vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể và sâu sắc về vấn đề ***“Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh”*** . Chính vì vậy, tác giả chọn đây là đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Luận án xác định mục đích nghiên cứu là đề ra các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội cũng như đưa ra những giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Để đạt được mục đích đã nêu trên, các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án được xác định cụ thể như sau:

- Nghiên cứu có hệ thống nhằm làm rõ cơ sở lý luận về NCTN phạm tội, về quyết định hình phạt và cơ sở lý luận của việc ban hành các quy định về việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội;

- Nghiên cứu so sánh một số quy định về NCTN phạm tội trong các Điều ước quốc tế và pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, những vấn đề pháp lý nảy sinh và từ đó rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam;

- Phân tích thực trạng quy định pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội;

- Phân tích thực trạng áp dụng pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM, qua đó nêu rõ những bất cập, hạn chế và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế đó gắn liền với những đặc trưng riêng của địa bàn này;

- Phân tích, so sánh, đánh giá xu hướng vận động của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội hiện nay trên thế giới, từ đó

đưa ra định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trong giai đoạn sắp tới;

- Nghiên cứu và đề xuất những giải pháp, kiến nghị đảm bảo cho hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM đúng pháp luật, phù hợp với các nguyên tắc xử lý NCTN vi phạm pháp luật của các điều ước Quốc tế. Từ đó, nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trên cả nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

- Lý luận về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội

- Một số nét tổng quan về sự điều chỉnh của pháp luật một số quốc gia và Điều ước quốc tế, pháp luật trong nước về NCTN phạm tội và quyết định hình phạt;

- Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Thực tiễn áp dụng các quy định này tại TPHCM hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận về NCTN phạm tội và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội và thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội;

- Về thời gian, đề tài nghiên cứu việc áp dụng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội từ năm 2000 đến nay;

- Về không gian, đề tài nghiên cứu thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại địa bàn TPHCM.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả xây dựng và hoàn thiện luận án dựa trên phương pháp luận biện chứng duy vật được cung cấp bởi Học thuyết Mác - Lê Nin, phương

pháp luận này đáp ứng được yêu cầu xem xét đối tượng nghiên cứu trong môi trường vật chất mà nó tồn tại, từ đó đánh giá vấn đề từ những yếu tố quy định chúng.

Phương pháp luận này dựa trên một số quan điểm tiếp cận cụ thể:

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng về chính sách hình sự gắn liền với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ đổi mới;

- Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách bảo vệ con người, bảo vệ quyền và các lợi ích của NCTN phạm tội, chính sách tái hòa nhập cộng đồng đối với NCTN phạm tội trong giai đoạn hiện nay;

Chỉ thị số 20- CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới, trong đó có yêu cầu: *“Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em...; tổ chức thực hiện tốt Công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em và các Công ước, Điều ước Quốc tế khác có liên quan mà Nhà nước Việt Nam ký kết hoặc tham gia...”*

- Các lý thuyết về phát triển tâm sinh lý trẻ em như: Thuyết xã hội - tâm lý của Erick Erikson và thuyết về sự phát triển của trẻ em của Jean Piaget. Những lý thuyết này giúp cho người nghiên cứu nắm bắt rõ các giai đoạn phát triển của NCTN, những đặc điểm về tâm lý, thể chất của NCTN, trên cơ sở này đưa ra được những luận điểm đảm bảo tính khoa học cho việc hoàn thiện quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội.

*** Các phương pháp nghiên cứu cụ thể sử dụng trong luận án**

Để làm rõ các vấn đề cần nghiên cứu, luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật

lịch sử. Đây là phương pháp luận khoa học được vận dụng nghiên cứu trong toàn bộ luận án để đánh giá khách quan về việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM.

Theo đó, luận án sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp hệ thống, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp luật học so sánh, đối chiếu, phương pháp thống kê, phương pháp khảo sát, phương pháp lịch sử cụ thể... Để hoàn thành mục đích nghiên cứu thì có sự kết hợp giữa các phương pháp trong từng phần của luận án, phương pháp phân tích và tổng hợp là phương pháp được sử dụng nhiều nhất trong luận án. Đối với mỗi chương có thể nêu ra phương pháp nghiên cứu chủ đạo như sau:

- Chương 2, tác giả sử dụng chủ yếu phương pháp lịch sử cụ thể, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống các thông tin từ các công trình đã được công bố trong và ngoài nước để tạo nền kiến thức chung và giải quyết triệt để cơ sở lý luận của đề tài này.

Bên cạnh đó, tác giả dùng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống, luật học so sánh để khẳng định những quy định về NCTN phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam vẫn còn nhiều điểm chưa hợp lý, chỉ ra được những vấn đề pháp lý cần học hỏi từ kinh nghiệm quốc tế, đưa ra những vấn đề gợi mở cho Việt Nam.

- Chương 3, tác giả sử dụng phương pháp hệ thống, tổng hợp và phân tích để đánh giá các quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trong Bộ luật Hình sự. Đồng thời, tác giả còn sử dụng phương pháp khảo sát, thống kê và xã hội học pháp luật để xem xét về tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn TPHCM và thực trạng quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trên địa bàn này nhằm đánh giá và phát hiện những thành công và những hạn chế cần khắc phục.

Tác giả còn sử dụng phương pháp hệ thống và phương pháp phân tích và tổng hợp để chỉ ra những mặt hạn chế, bất cập và đánh giá hiệu quả của

việc áp dụng quy định pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TP HCM.

- Chương 4, tác giả sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống để đề ra phương hướng cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Thêm vào đó, có kết hợp với phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp luật học so sánh, phương pháp hệ thống để đề ra các giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả trong việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TP HCM.

**** Về hướng tiếp cận của luận án***

- Trên cơ sở tập hợp, hệ thống ở mức đầy đủ nhất có thể các công trình liên quan đến vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội đã được công bố, luận án sẽ kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu đó. Từ đó, đưa ra những quan niệm của mình về vấn đề nghiên cứu.

- Bên cạnh việc phân tích các quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, luận án còn nêu lên thực trạng áp dụng quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TP HCM. Từ đó, luận án chỉ ra những thành công cũng như những hạn chế, bất cập trong quá trình thực thi quy định pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TP HCM để làm tiền đề cho những đề xuất, kiến nghị.

- Trên cơ sở phương hướng đề ra, luận án đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả trong việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TP HCM, góp phần ngăn ngừa tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn này.

5. Những điểm mới của luận án

- Luận án đã góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận liên quan đến khái niệm NCTN và khái niệm NCTN phạm tội trên cơ sở phân tích quy định của các Điều ước quốc tế cũng như quy định pháp luật hình sự Việt Nam.

- Luận án đã phân tích rõ những vấn đề lý luận chung về quyết định hình phạt cũng như quy định pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Từ đó tác giả đã đưa ra khái niệm quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội phù hợp; so sánh chính sách hình sự của Việt Nam với một số nước trên thế giới về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội.

- Luận án đã phân tích rõ các thông số về diễn biến của tình hình tội phạm do NCTN thực hiện tại TPHCM; xác định những thành công đã đạt được cũng như những vướng mắc còn tồn tại qua việc đánh giá về thực tiễn quyết định hình phạt của TAND TPHCM đối với NCTN phạm tội; đồng thời xác định những nguyên nhân bất cập còn tồn tại trong thực tiễn quyết định hình phạt của TAND TPHCM đối với NCTN phạm tội.

- Luận án nêu ra những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội và các giải pháp khác nhằm đảm bảo, nâng cao hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM. Tác giả tiếp tục đề xuất những giải pháp mới hướng dẫn áp dụng nguyên tắc có lợi khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội khi Bộ luật hình sự 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã công bố nhưng chưa chính thức có hiệu lực pháp luật.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Đây là công trình chuyên khảo ở cấp luận án tiến sĩ nghiên cứu về hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM. Công trình đã nghiên cứu các vấn đề lý luận về NCTN phạm tội, quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội; phân tích, đánh giá thực tiễn của hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội do Tòa án nhân dân các cấp thực hiện tại TPHCM và kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

Luận án đóng góp khiêm tốn về mặt khoa học trong việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc bảo đảm các quyền và lợi ích đối với NCTN phạm tội, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi các quyền và lợi ích này trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Luận án là một tài liệu tham khảo có giá trị trong hoạt động lập pháp hình sự, trong thực tiễn áp dụng quy định pháp luật hình sự khi xét xử NCTN phạm tội cũng như trong học tập và nghiên cứu về khoa học pháp lý hình sự.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận thì luận án bao gồm 04 chương sau:

- *Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài.
- *Chương 2:* Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.
- *Chương 3:* Khái quát tình hình người chưa thành niên phạm tội và thực tiễn quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh.
- *Chương 4:* Đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong khoa học pháp lý nước ta cũng như khoa học pháp lý quốc tế, vấn đề quyết định hình phạt nói chung và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội nói riêng đã được các tác giả nghiên cứu từ nhiều góc độ với các mức độ khác nhau.

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là một trong những nội dung cơ bản liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền lợi của NCTN trong tư pháp hình sự. Hiện nay, có một số Công ước quốc tế quy định về vấn đề này, bao gồm: “*Công ước quốc tế về quyền trẻ em đã được Liên Hợp quốc thông qua năm 1989 (CRC); Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với NCTN (Quy tắc Bắc Kinh); Hướng dẫn Riyadh của Liên Hợp Quốc về việc phòng ngừa NCTN phạm tội (Hướng dẫn Riyadh); Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do (Quy tắc 1990)*”.

Vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội hiện nay cũng được các học giả quốc tế hết sức quan tâm, được thể hiện trong một số công trình nghiên cứu sau đây:

- *American juvenile Justice*, là công trình nghiên cứu của Franklin E. Jimring được Oxford University xuất bản vào năm 2005 đề cập đến sự phát triển của ngành tư pháp về NCTN tại Hoa Kỳ. Cuốn sách bao gồm bốn nội dung chính phần chính: Trẻ em phạm tội: Thực trạng và quan điểm pháp luật; Thành lập tư pháp NCTN Hợp chủng quốc Hoa Kỳ; Bảo vệ NCTN phạm tội; Các vấn đề chính sách trong tư pháp NCTN hiện đại. Trong công trình này, tác giả lý giải các nguyên nhân cần phải thành lập Tòa án dành cho NCTN, sự xử lý chuyển hướng đối với tội phạm NCTN... , trên cơ sở này tác giả đã xem

xét vấn đề tư pháp NCTN trên góc nhìn đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn.

- *Bad kids: race and the transformation of Juvenile Court*, được viết bởi Barry C. Feld do Oxford University ấn hành năm 1999, Tác giả đề cập đến quá trình hình thành và thay đổi của hệ thống tư pháp NCTN tại Mỹ. Tác giả đã lý giải những ảnh hưởng từ sự thay đổi trong xã hội như văn hóa, kinh tế, tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa, tình trạng di dân... dẫn đến sự thay đổi trong các gia đình hiện đại, từ đó tác động tới nhận thức và hành vi của NCTN. Trên cơ sở phân tích những thay đổi xã hội, tác giả luận giải về vai trò của tòa án NCTN. Mặt khác, tác giả cũng đặt ra vấn đề khi NCTN thực hiện hành vi phạm tội thì đó là lỗi lầm hay tội phạm. Trên cơ sở này tác giả đã đưa ra quan điểm của mình về tòa án NCTN nghiêng về sự xem xét tâm lý để tìm ra phương thức phù hợp đối với NCTN phạm tội hơn là nghiêng về trừng phạt.

- *Protecting the world's children: Impact of the Convention of the Rights of the Child in Diverse Legal Systems* do Unicef ấn hành năm 2007 lại xem xét vấn đề tư pháp NCTN dưới góc nhìn so sánh các kinh nghiệm lập pháp trong việc đưa CRC vào khung pháp luật của các quốc gia và cung cấp thực tiễn thực thi CRC tại 191 quốc gia với bốn hệ thống pháp luật điển hình: Hệ thống pháp luật Common Law, hệ thống pháp luật Civil Law, hệ thống pháp luật Muslim và hệ thống pháp luật Châu Phi thuộc khu vực tiểu sa mạc Sahara.

- *Protection and Juvenile Justice system for juvenile in conflict with law*, được viết bởi Ms. Maharukh Adenwalla, do Inconpaper xuất bản đã làm rõ khái niệm NCTN, NCTN xung đột với pháp luật, tuổi chịu trách nhiệm hình sự của NCTN; Vai trò của cảnh sát, của người giám sát NCTN thực thi hình phạt cải tạo không giam giữ, vai trò của nhân viên công tác xã hội, của các tổ chức phi chính phủ, của luật sư, của các phương tiện truyền thông đối với NCTN xung đột với pháp luật tại Ấn Độ. Tác giả đã thông qua 13 nghiên

cứu trường hợp điển hình về NCTN xung đột ở Ấn Độ để làm rõ các luận điểm của mình.

- *Justice for Children: Detention as a Last Resort*" (Innovative Initiatives in the East Asia and Pacific Region) (Tur pháp cho trẻ em: Phạt tù như là biện pháp cuối cùng (Sáng kiến ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương), do tổ chức Unicef East Asia And Pacific Regional Office (EAPRO) ấn hành. Công trình tiếp cận vấn đề tur pháp NCTN thông qua thực tiễn ba quốc gia: Philippin, Thái Lan, Campuchia. Tur pháp NCTN không chỉ nhằm mục đích hướng tới NCTN phạm tội mà còn giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em là nạn nhân của nghèo đói, lạm dụng, bóc lột sức lao động, trẻ em là nạn nhân của việc buôn người, nạn nhân của công nghiệp tình dục. Trên cơ sở tiếp cận dưới góc độ những tiêu chuẩn của pháp luật quốc tế, đối chiếu với những hoạt động lập pháp của các quốc gia, thực tiễn thực thi pháp luật bảo vệ quyền trẻ em tại các quốc gia này thông qua các mô hình tur pháp hình sự được thiết lập và ở đó việc áp dụng hình phạt tù đối với NCTN như là biện pháp cuối cùng.

- Báo cáo quốc gia: "*National Report 1999*" (USA) của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về tội phạm NCTN và nạn nhân đưa ra thực trạng và đánh giá các giải pháp của hệ thống Tòa án Mỹ đối với NCTN tham gia vào tổ tụng hình sự, đặc biệt là đối với các trường hợp NCTN phạm tội. Báo cáo nhấn mạnh các phương thức giải quyết mà các tòa án bang và tòa án liên bang đã áp dụng đối với NCTN phạm tội thông qua các án lệ đánh dấu các mốc hình thành các nguyên tắc đối với tur pháp NCTN để bảo đảm quyền lợi của NCTN khi tham gia tổ tụng hình sự theo chuẩn mực của pháp luật quốc tế.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là một vấn đề mang tính thời sự nóng bỏng và nhạy cảm, được sự quan tâm không chỉ của dư luận xã hội mà còn của các nhà nghiên cứu lập pháp, không chỉ trong

nước mà còn cả dư luận quốc tế. Kể từ khi nước ta phê chuẩn và tham gia Công ước CRC vào ngày 20/02/1990, đã có nhiều công trình nghiên cứu khác nhau liên quan đến vấn đề quyết định hình phạt nói chung và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội nói riêng nhằm hoàn thiện quy định pháp luật hình sự nước ta, đảm bảo được các quyền và lợi ích cho NCTN phạm tội, phù hợp với các nội dung của Công ước CRC.

Căn cứ vào đối tượng nghiên cứu của các công trình, có thể xếp thành các nhóm sau:

- *Nhóm các công trình nghiên cứu về lý luận quyết định hình phạt, gồm có:* Lê Cẩm, Phạm Mạnh Hùng, Trịnh Tiến Việt, *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005; Bùi Thị Thanh Hải, *Quyết định hình phạt theo Bộ Luật Hình sự 1999*, Luận văn cử nhân, TPHCM, 2001; Dương Tuyết Miên, *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động – Xã hội, 2007; Đinh Văn Quế, *Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ Luật Hình sự năm 2009*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 16/2005; Lê Tường Vy, *Căn cứ quyết định hình phạt theo pháp luật Hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ, TPHCM, 2007; Tòa án nhân dân tối cao, *Đề án thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên Việt Nam*, 2013; Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Đề án góp ý Dự thảo sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, 2015.

Nhóm công trình nêu trên tập trung phân tích các vấn đề lý luận chung liên quan đến việc quyết định hình phạt như: các căn cứ quyết định hình phạt, điều kiện và cách thức quyết định hình phạt trong một số trường hợp đặc biệt..., nêu lên thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về vấn đề quyết định hình phạt và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về vấn đề này.

- *Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, gồm có:* Hà Anh, *Chế tài*

Hình sự đối với trường hợp trẻ em và NCTN phạm tội, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2006; Trần Văn Dũng, *Quyết định hình phạt cho NCTN phạm nhiều tội*, Tạp chí Luật Học số 05/2000; Trần Văn Dũng, *Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 10/2003; Đào Thị Nga, *Quyết định hình phạt đối với NCTN*, Luận văn thạc sĩ, 1997; Đặng Thị Thanh Thảo, *Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, Luận văn cử nhân, 2011; Lê Vũ Huy, *Bảo đảm quyền con người của NCTN phạm tội bằng các quy định về hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, 2011; Nguyễn Minh Hải, *Về nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 16/2009; Dương Tuyết Miên, *Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Luật Học số 04/2009; Đoàn Tấn Minh, *Cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về NCTN phạm tội trong Luật Hình sự năm 1999*, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Tạp chí Kiểm Sát số 20/2009; Đinh Văn Quế, *Quyết định hình phạt tù đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 05/2003; Quách Hữu Thái, *Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 06/2010; Phạm Văn Thiệu, *Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có án treo và NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 05/2008; Vũ Thị Thúy, *Bàn về việc áp dụng hình phạt trực xuất đối với NCTN phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 21/2010; Nguyễn Mạnh Tiến, *Bàn về quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 21/2010; Nguyễn Đức Tuất, *Quyết định hình phạt thế nào khi NCTN chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 01/2010; Trịnh Tiên Việt, *Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng dụng đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 13/2010, số 14/2010; Nguyễn Thị Trúc Vương, *Trách nhiệm hình sự của NCTN phạm tội theo luật Hình sự Việt Nam*. Luận văn cử nhân, TPHCM,

2001; Vũ Ngọc Bình, *Tư pháp với NCTN và quyền trẻ em*, Nxb CTQG, 1997; Nguyễn Thị Tố Nga, *Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với NCTN phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự*, Luận văn Thạc sĩ ngành Luật hình sự, 2011; Đặng Thanh Nga, *Một số đặc điểm tâm lý của NCTN phạm tội*, Tạp chí luật học, Số 1/2008; Nguyễn Khắc Quang, *Quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 4 (288)/2012, tr52-56; Nguyễn Hữu Thế Trạch, *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thiết lập tòa án NCTN*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 3/211, tr20-26; Quách Thành Vinh, *Mấy vấn đề áp dụng pháp luật đối với NCTN phạm tội bị xử phạt tù*, Tạp chí TAND, Số 6(03)/2011, tr10-11; Vụ Pháp chế, Bộ Công an, *Những quy định của pháp luật Việt Nam đối với NCTN vi phạm pháp luật*, 1998; Vụ pháp luật Hình sự-Hành chính, Bộ Tư pháp, *Quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2005; Vụ pháp luật Hình sự-Hành chính, Bộ Tư pháp, *Bảo vệ quyền của NCTN trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2006; Vụ Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, *Thuật ngữ tư pháp NCTN*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2009. Trường cán bộ Tòa án, Công tác xét xử của Tòa án nhân dân đối với trẻ em vi phạm pháp luật, NXB Công an nhân dân, 2000.

Trong các công trình nghiên cứu nêu trên, có một số công trình đáng chú ý như sau:

+ Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Lê Vũ Huy, *Bảo đảm quyền con người của NCTN phạm tội bằng các quy định về hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*, năm 2011. Trong công trình này, tác giả tập trung phân tích các quy định về hình phạt và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam gắn liền với việc bảo đảm quyền con người của NCTN và đưa ra những bất cập của các quy định đó khi áp dụng trên thực tế như bất cập trong quy định tại Điều 71 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), bất cập trong quy định hình phạt phần các tội phạm,

trong trường hợp phạm nhiều tội, có nhiều bản án... và đưa ra kiến nghị hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của NCTN phạm tội.

+ Luận văn cử nhân Luật học của tác giả Đặng Thị Thanh Thảo, *Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, năm 2011. Trong đề tài này, tác giả đã tiến hành phân tích khái niệm NCTN và NCTN phạm tội, phân tích việc quyết định các loại hình phạt có thể áp dụng đối với NCTN, nêu lên thực tiễn quyết định hình phạt đối với người chưa phạm tội trong phạm vi cả nước và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

+ Bài viết của tác giả Trần Văn Dũng, *Quyết định hình phạt cho NCTN phạm nhiều tội*, Tạp chí Luật Học số 05/2000. Ở bài viết này, tác giả đã phân tích và nêu ra những điểm chưa rõ ràng, cụ thể trong quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm từ hai tội trở lên được quy định tại Điều 75 BLHS như cách thức xác định tội nặng nhất, mức hình phạt cao nhất ở Điều 74 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đưa ra một số quan điểm của mình nhằm giải thích những điểm chưa rõ ràng này.

+ Bài viết của tác giả Vũ Thị Thúy, *Bàn về việc áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTN phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 21/2010. Tác giả đã phân tích được điểm bất hợp lý tại Điều 74 BLHS khi chỉ quy định bốn loại hình phạt, đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài vẫn có thể áp dụng một loại hình phạt khác là hình phạt trục xuất. Tác giả cũng đưa ra quan điểm về những trường hợp phạm tội có thể áp dụng loại hình phạt này nhằm bảo đảm cho quyền lợi của NCTN phạm tội là người nước ngoài.

+ Bài viết của tác giả Nguyễn Khắc Quang, *Quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 4 (288)/2012. Tác giả đã nêu và phân tích những điểm xung đột có thể xảy ra khi đồng thời áp dụng cùng lúc cả hai quy định về

quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt là quyết định hình phạt đối với NCTN tại chương X và quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt tại Điều 52 BLHS như: mức tối thiểu và tối đa của hình phạt khi áp dụng cùng lúc hai quy định này, quy định nào được ưu tiên áp dụng trước... và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

+ Bài viết của tác giả Nguyễn Hữu Thế Trạch, *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thiết lập tòa án NCTN*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 3/2011. Tác giả nêu ra một trong số những nguyên nhân dẫn đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN chưa thật sự hợp lý là do chưa có đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao chuyên về NCTN phạm tội tiến hành tố tụng, dẫn đến việc quyết định hình phạt không phù hợp với các đặc điểm tâm sinh lý của NCTN. Đồng thời đưa ra những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thành lập tòa án dành riêng cho NCTN để giải quyết vấn đề này, đảm bảo quyền lợi cho NCTN khi bị xét xử và quyết định hình phạt.

+ Hai bài viết của tác giả Nguyễn Mạnh Tiên, *Bàn về quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 21/2010 và tác giả Quách Thành Vinh, *Mấy vấn đề áp dụng pháp luật đối với NCTN phạm tội bị xử phạt tù*, Tạp chí TAND, Số 6(03)/2011, tr10-11. Trong hai bài viết này, các tác giả đã đưa ra những vướng mắc khi áp dụng các quy định về quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù đối với NCTN phạm tội. Những vướng mắc này chính là những khó khăn của các cán bộ xét xử khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, cần phải nhanh chóng được hướng dẫn.

+ Công trình nghiên cứu của Trường cán bộ Tòa án, Công tác xét xử của Tòa án nhân dân đối với trẻ em vi phạm pháp luật hoàn thành vào năm 2000 đã đánh giá thực trạng hoạt động xét xử của các Tòa án địa phương Việt Nam đối với đối tượng phạm tội đặc biệt này và nêu ra những giải pháp hữu hiệu nhằm hoàn thiện hơn trong công tác xét xử.

+ Đề án khoa học của Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên Việt Nam hoàn thành năm 2013. Kết quả của Đề án đã được Nhà nước, Quốc hội ghi nhận, thông qua tại Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Theo đó, NCTN phạm tội sẽ được thay thế hình phạt nặng nề bằng các biện pháp thay thế xử lý hình sự chủ yếu mang tính giáo dục, cải tạo thông qua quyết định của Thẩm phán Tòa gia đình và người chưa thành niên.

1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Qua nghiên cứu các công trình về quyết định hình phạt nói chung và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội nói riêng ở nước ngoài và trong nước như đã đề cập ở trên, tác giả có một số nhận xét, đánh giá về các kết quả nghiên cứu như sau:

1.2.1. Những thành tựu trong nghiên cứu mà Luận án kế thừa, tiếp tục phát triển

Các công trình nghiên cứu đã đề cập và phân tích cơ sở lý luận cũng như cơ sở thực tiễn của việc quy định trường hợp quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thành một trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt, giảm nhẹ hơn so với trường hợp người đã thành niên phạm tội. Khái niệm chung về NCTN và NCTN phạm tội cũng đã được các công trình nghiên cứu đưa ra và phân tích, sự khác biệt về các đặc điểm tâm, sinh lý giữa NCTN và người đã thành niên cũng đã được các công trình nghiên cứu chỉ rõ. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc quy định hình phạt áp dụng đối với NCTN sẽ nhẹ hơn so với trường hợp thông thường. Đây là cơ sở xuất phát điểm để tác giả luận án tiếp tục đi sâu phân tích cơ sở lý luận về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội.

Thông qua việc nghiên cứu các công trình đã giúp người nghiên cứu khái quát được toàn cảnh hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước về vấn đề quyết định hình phạt nói chung cũng như quyết định hình phạt đối

với NCTN nói riêng. Trên cơ sở này tác giả luận giải, làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về quyết định hình phạt đối với NCTN hiện nay, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về vấn đề này.

Việc nghiên cứu các công trình của các học giả quốc tế giúp tác giả có được một cái nhìn bao quát về vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN trên thế giới, từ đó tiếp cận vấn đề này ở Việt Nam dưới góc nhìn đa chiều trên nền tảng của luật học so sánh. Các hệ thống pháp luật trên thế giới, các hệ thống pháp luật quốc gia tiếp nhận vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN từ pháp luật quốc tế như Công ước CRC, Quy tắc Bắc Kinh,... nhưng đã có các cách giải quyết khác nhau phù hợp với thực tiễn của từng quốc gia, trong từng giai đoạn phát triển, từ đó giúp cho tác giả tránh được việc nhìn nhận vấn đề một cách phiến diện.

Các công trình nghiên cứu trong nước đã đề cập và phân tích các quy định pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội như: căn cứ quyết định hình phạt, nguyên tắc áp dụng hình phạt... Đồng thời, các công trình đã nêu ra những bất cập của qui định pháp luật hiện hành khi áp dụng trên thực tế và đưa ra kiến nghị hoàn thiện Trên cơ sở các nghiên cứu này, tác giả tiếp tục phân tích sâu, đưa ra những bình luận, nhận định khoa học riêng của mình về vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội nhằm để tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật hình sự hiện hành, góp phần bảo vệ quyền lợi cho NCTN phạm tội.

1.2.2. Những vấn đề còn bỏ ngỏ hoặc chưa được giải quyết thấu đáo cần phải tiếp tục nghiên cứu

Qua các công trình nghiên cứu đã được công bố cho thấy việc nghiên cứu về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

Các công trình đã đưa ra và phân tích những vấn đề lý luận chung về NCTN và trách nhiệm hình sự đối với NCTN. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một

số vấn đề quan trọng liên quan đến NCTN đang có sự tranh luận như độ tuổi tối thiểu của NCTN phạm tội, đặc điểm về thể chất và tinh thần với khả năng chịu hình phạt... nhưng vẫn chưa được công trình nghiên cứu phân tích rõ.

Nhiều công trình đã nêu ra được những bất cập trong quy định pháp luật hình sự hiện hành về vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Tuy nhiên, các công trình này phần lớn chỉ đề cập đến một hoặc một số bất cập của luật thực định nhưng chưa đi sâu vào phân tích rõ ràng và cụ thể các bất cập đó; chưa luận giải và đề xuất được những giải pháp cụ thể và toàn diện nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam. Có thể thấy phần lớn các công trình khoa học pháp lý về vấn đề này được công bố dưới hình thức các bài viết được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật hoặc tham luận trong các Hội thảo quốc gia và quốc tế. Do đó các công trình vẫn chưa thể giải quyết một cách thỏa đáng, hệ thống tất cả các vấn đề pháp lý liên quan đến vấn đề này.

Chưa có công trình nghiên cứu nào liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM. Đây là đô thị lớn nhất Việt Nam, đứng đầu trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục. Tuy nhiên, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn này diễn biến rất phức tạp với số lượng tội phạm cao nhất nước, trong đó có tội phạm do NCTN thực hiện. Tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn này có những đặc điểm riêng biệt so với các địa bàn khác. Vì vậy, những nguyên nhân dẫn đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội chưa thật sự hợp lý sẽ có những nguyên nhân đặc thù chỉ có ở địa bàn TPHCM, không có ở các địa bàn khác. Đồng thời, có những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội chỉ có thể áp dụng tại địa bàn TPHCM chứ không thể áp dụng chung cho cả nước. Hầu hết các công trình nghiên cứu hiện nay chỉ đưa ra những đề xuất, kiến nghị áp dụng chung trong phạm vi cả

nước; nếu áp dụng những đề xuất, kiến nghị đó trên địa bàn TPHCM thì sẽ không đạt được hiệu quả cao vì đặc điểm riêng biệt của địa bàn này.

Hiện nay, chưa có công trình khoa học ở cấp độ tiến sĩ nào nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận của quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội; thực trạng quy định pháp luật hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội; thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM; đánh giá những bất cập khi áp dụng trên thực tế và trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội ở góc độ lý luận, đánh giá thực trạng, dự báo và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM là cần thiết và không trùng lặp với bất kỳ công trình nghiên cứu nào đã thực hiện trước đây.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua các công trình nghiên cứu đã được công bố cho thấy việc nghiên cứu về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Các công trình đã đưa ra và phân tích những vấn đề lý luận chung về NCTN phạm tội nhưng vẫn còn một số vấn đề quan trọng liên quan đến NCTN đang có sự tranh luận như độ tuổi tối thiểu của NCTN phạm tội, đặc điểm về thể chất và tinh thần với khả năng chịu hình phạt, ai là người có thẩm quyền quyết định biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội nhưng vẫn chưa được công trình nghiên cứu phân tích rõ.

- Nhiều công trình đã nêu ra được những bất cập trong quy định pháp luật hình sự hiện hành về vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội nhưng chỉ đề cập đến một hoặc một số bất cập của luật thực định nhưng chưa đi sâu vào phân tích rõ ràng và cụ thể các bất cập đó; chưa luận giải và

đề xuất được những giải pháp cụ thể và toàn diện nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

- Chưa có công trình nghiên cứu nào liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM. Tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn này có những đặc điểm riêng biệt so với các địa bàn khác. Vì vậy, những nguyên nhân dẫn đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội chưa thật sự hợp lý sẽ có những nguyên nhân đặc thù chỉ có ở địa bàn TPHCM, không có ở các địa bàn khác. Đồng thời, có những giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả của việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội chỉ có thể áp dụng tại địa bàn TPHCM chứ không thể áp dụng chung cho cả nước. Hầu hết các công trình nghiên cứu hiện nay chỉ đưa ra những đề xuất, kiến nghị áp dụng chung trong phạm vi cả nước; nếu áp dụng những đề xuất, kiến nghị đó trên địa bàn TPHCM thì sẽ không đạt được hiệu quả cao vì đặc điểm riêng biệt của địa bàn này.

Do đó, trong công trình này, tác giả sẽ nghiên cứu vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội ở góc độ lý luận, đánh giá thực trạng, dự báo và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích của đối tượng này.

CHƯƠNG 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI
NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

2.1. Những vấn đề lý luận về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

2.1.1. Khái niệm chung về người chưa thành niên phạm tội

2.1.1.1. Khái niệm người chưa thành niên

Người chưa thành niên là một đối tượng đặc biệt, được các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hết sức quan tâm chăm sóc và bảo vệ. Nghiên cứu khái niệm NCTN là nghiên cứu về phạm vi các đối tượng được coi là NCTN trong quy định pháp luật quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam hiện hành. Những quy định trong các văn bản pháp luật quốc tế cũng như văn bản pháp luật Việt Nam đã căn cứ vào sự phát triển về thể chất và tinh thần của con người theo độ tuổi để lấy độ tuổi làm ranh giới xác định NCTN và người đã thành niên. Độ tuổi được coi là NCTN sẽ được xác định theo hai phạm vi, gồm phạm vi pháp luật quốc tế và phạm vi pháp luật Việt Nam.

- **Thứ nhất**, trong phạm vi pháp luật quốc tế thì độ tuổi được coi là NCTN được quy định trong các văn bản sau đây:

+ Tại Quy tắc 2.1 mục a của Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp Quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do thông qua ngày 14/12/1990 có quy định: "*Người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Giới hạn tuổi dưới mức này cần phải được pháp luật xác định và không được tước quyền tự do của NCTN*". Theo quy định trong Quy tắc này thì NCTN được xác định là người dưới 18 tuổi;

+ Trong hướng dẫn Riyadh của Liên Hợp Quốc về việc phòng ngừa NCTN phạm tội (Hướng dẫn Riyadh) năm 1990, tuy các quy định không nêu

ra một cách cụ thể về khái niệm NCTN nhưng cũng đã thể hiện rõ tư tưởng “*NCTN là những người dưới 18 tuổi*”;

+ Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua ngày 20/11/1989 cũng xác định độ tuổi được coi là trẻ em khi quy định: “*Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn*”.

Từ các văn bản nêu trên, có thể xác định: khái niệm NCTN và khái niệm trẻ em trong quy định pháp luật quốc tế hiện nay có sự đồng nhất với nhau - đều người dưới 18 tuổi; đối với người ở độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên thì được coi là người đã thành niên và đồng thời cũng không còn là trẻ em. Tuy nhiên, đối với các quốc gia khác nhau thì việc xác định độ tuổi cho NCTN còn tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa, lịch sử cũng như các yêu cầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nên Công ước quốc tế về quyền trẻ em vẫn để ngỏ cho các quốc gia thành viên của Công ước quyền xác định độ tuổi thành niên sớm hơn mốc 18 tuổi nhưng phải được quy định trong pháp luật của quốc gia đó.

- **Thứ hai**, ở phạm vi pháp luật Việt Nam thì độ tuổi được coi là NCTN được quy định trong nhiều văn bản khác nhau, cụ thể như sau:

+ Theo quy định của pháp luật dân sự thì việc xác định độ tuổi được coi là NCTN được phải dựa vào Điều 18 BLDS 2005: “*Người chưa đủ 18 tuổi là NCTN*”;

+ Trong pháp luật lao động, độ tuổi của NCTN được quy định tại Điều 161 BLLĐ 2012: “*Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi*”;

+ Theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành thì việc xác định độ tuổi của NCTN phải căn cứ vào Điều 68 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Dựa vào quy định tại Điều luật này thì NCTN phạm tội là người dưới 18 tuổi. Bộ luật hình sự năm 2015 đã thay thế cụm từ “*người chưa thành*

niên" thành cụm từ "*người dưới 18 tuổi*" và về nội dung độ tuổi không thay đổi so với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Dựa vào các quy định nêu trên, có thể thấy được: các văn bản pháp luật Việt Nam cũng căn cứ vào độ tuổi để xác định ranh giới giữa người đã thành niên và NCTN nhưng vẫn có sự khác biệt giữa quy định của BLHS, BLDS và BLLĐ trong cách thức phân định ranh giới này khi BLDS sử dụng cụm từ "*chưa đủ*" còn BLLĐ và BLHS dùng từ "*dưới*". Tuy nhiên, trong quy định của các văn bản đã nêu thì người đã thành niên đều được xác định là người tròn 18 tuổi và đủ ngày, đủ tháng còn NCTN là người chưa tròn 18 tuổi. Như vậy, việc xác định độ tuổi của NCTN theo quy định của pháp luật Việt Nam có sự đồng nhất với các văn bản pháp luật quốc tế.

Bên cạnh đó, khái niệm trẻ em trong quy định của pháp luật Việt Nam lại không đồng nhất với khái niệm trẻ em trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em của Liên Hợp quốc. Theo quy định tại Điều 1 của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004 thì "*Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi*" trong khi Công ước này quy định "*Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi*". Tuy nhiên, việc quy định trẻ em là người có độ tuổi dưới 16 của pháp luật Việt Nam không trái với quy định của Công ước về quyền trẻ em vì Công ước để ngỏ cho các quốc gia thành viên quyền xác định độ tuổi thành niên sớm hơn mốc 18 tuổi như phân tích ở trên.

Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam thì khái niệm NCTN và khái niệm trẻ em là hoàn toàn khác biệt khi xác định NCTN là người chưa đủ 18 tuổi còn trẻ em là người chưa đủ 16 tuổi. Sự tồn tại của hai khái niệm khác nhau như trên có thể gây khó khăn trong việc bảo vệ quyền của NCTN. Trong quy định pháp luật quốc tế thì khái niệm NCTN và trẻ em là đồng nhất nên việc bảo vệ NCTN sẽ thực hiện theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 của Liên Hợp quốc còn việc bảo vệ NCTN theo pháp luật Việt Nam thì vẫn chưa có một văn bản riêng biệt. Hiện nay, các quy định về bảo

vệ quyền lợi của NCTN được ghi nhận một cách tập trung vào đối tượng NCTN dưới 16 tuổi bằng các quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004. Trong khi đó, việc bảo vệ quyền lợi cụ thể của những NCTN từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi chưa được ghi nhận chính thức trong bất kỳ văn bản luật riêng biệt nào.

Từ những quy định trong các văn bản pháp luật quốc tế và các văn bản pháp luật Việt Nam nêu trên, có thể đưa ra định nghĩa về NCTN như sau:

Người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi.

2.1.1.2. Khái niệm người chưa thành niên phạm tội trong luật hình sự Việt Nam

Theo quy định tại Điều 68 BLHS thì “*Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự...*”. Như vậy, theo pháp luật hình sự Việt Nam thì NCTN phạm tội là một phạm trù pháp lý bao gồm những người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi bị BLHS cấm đều phải chịu trách nhiệm hình sự mà còn phụ thuộc vào mức độ nhận thức của họ tại thời điểm thực hiện tội phạm. Do đó, trên cơ sở phân định mức độ nhận thức của NCTN mà Điều 12 BLHS quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

"1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng."

Căn cứ vào quy định nêu trên, NCTN phạm tội chỉ bao gồm các đối tượng ở hai nhóm tuổi sau:

- Người từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm, bất kể đó là loại tội phạm gì và được thực hiện với bất kỳ lỗi gì;

- Người từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Trong trường hợp này, nếu NCTN thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm rất nghiêm trọng thì họ chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi tội phạm đó được thực hiện với lỗi cố ý. Nếu họ thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng nhưng với lỗi vô ý thì sẽ không bị coi là có tội và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp tội phạm mà người từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự cho dù tội phạm đó được thực hiện với lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý.

Do đó, nếu NCTN thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không thuộc hai trường hợp sau đây thì họ không phải là người phạm tội vì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự:

- Trường hợp 1: Tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, người thực hiện hành vi chưa đủ 14 tuổi;

- Trường hợp 2: Tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, người thực hiện hành vi từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi. Tuy nhiên, hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện chỉ là:

- + Tội phạm ít nghiêm trọng với lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý;
- + Tội phạm nghiêm trọng với lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý;
- + Tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi vô ý.

Từ những quy định nêu trên, có thể đưa ra định nghĩa về NCTN phạm tội như sau: ***Người chưa thành niên phạm tội theo quy định của BLHS là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.***

Như vậy, tuổi chịu trách nhiệm hình sự là dấu hiệu bắt buộc khi xác định trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Một người chưa đủ tuổi theo quy định tại Điều 12 BLHS thì người đó không thể trở thành chủ thể của tội phạm và đương nhiên họ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, việc xác định chính xác tuổi còn nhằm giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đúng các chính sách, chủ trương, nguyên tắc và đường lối xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của TANDTC thì cách xác định tuổi theo qui định của luật hình sự là tính theo tuổi tròn, tuổi đủ, nghĩa là phải đủ ngày, đủ tháng. Chẳng hạn như một người thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm người đó đạt độ tuổi là 17 tuổi 11 tháng 28 ngày thì vẫn được coi là người chưa đủ 18 tuổi và người đó vẫn là NCTN.

Việc xác định tuổi của người thực hiện tội phạm sẽ căn cứ trên những giấy tờ ghi nhận ngày sinh của họ có giá trị pháp lý như: giấy khai sinh, giấy chứng sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ đăng ký hộ khẩu... của họ. Tuy nhiên, trên thực tế có những trường hợp không xác định được ngày, tháng, năm sinh của người thực hiện tội phạm vì những lý do khách quan như họ không có giấy khai sinh, không có giấy tờ tùy thân... gây nhiều khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ tư pháp và Bộ lao động, thương binh và xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12 tháng 07 năm 2011 về hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là NCTN, trong đó có hướng dẫn về việc tính tuổi của người phạm tội là NCTN. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSNDTC- TANDTC- BCA- BTP- BLĐTBXH ngày 12 tháng 07 năm 2011 thì tuổi chịu trách nhiệm hình sự sẽ tính như sau:

- Nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh của người phạm tội;

- Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong quý đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của quý đó làm ngày sinh của người phạm tội;

- Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong nửa đầu năm hay nửa cuối năm thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc 31 tháng 12 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của người phạm tội;

- Nếu không xác định được nửa năm nào, quý nào, tháng nào trong năm thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm sinh đó làm ngày sinh của người phạm tội.

Trong trường hợp đặc biệt, nếu không xác định được năm sinh của người phạm tội thì tiến hành trưng cầu giám định để xác định tuổi của người phạm tội.

Những quy định nêu trên của Thông tư liên tịch số 01/2011 đã được luật hóa trong BLHS năm 2015.

Như vậy, căn cứ vào quy định của Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH thì việc xác định tuổi của người thực hiện tội phạm được thực hiện theo nguyên tắc suy đoán có lợi cho họ. Nguyên tắc này xuất phát từ các quy định của BLTTHS khi xác định: *“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”* [54, tr.03] và *“Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”* [54, tr.04]. Do đó, trong trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng không xác định được chính xác ngày, tháng, năm sinh của người thực hiện tội phạm thì các cơ quan này

xác định tuổi theo nguyên tắc suy đoán có lợi, tức xác định mức tuổi thấp nhất cho họ.

2.1.2. Đặc điểm cơ bản của người chưa thành niên phạm tội

Qua nghiên cứu về những trường hợp phạm tội do NCTN thực hiện, có thể thấy được NCTN phạm tội có một số đặc điểm cơ bản sau đây:

- Thứ nhất, NCTN là người đang ở trong quá trình phát triển về thể chất và tâm, sinh lý. Họ chưa có sự nhận thức đầy đủ về những chuẩn mực, giá trị đạo đức; chưa có cuộc sống tự lập cũng như tính tự chủ còn rất thấp; tò mò, hiếu kì, muốn tìm hiểu, thử nghiệm những điều chưa biết. Hơn nữa, NCTN còn là đối tượng rất dễ dàng tiếp thu, bắt chước những hành vi, sự việc ngoài đời, nhất là những hành động mang tính chất phiêu lưu, mạo hiểm. Nhiều lúc họ có sự nhầm lẫn, ảo tưởng giữa những hành vi mang tính chất kích động, bạo lực với những hành động anh hùng nên đã dẫn đến việc phạm tội;

- Thứ hai, độ tuổi từ đủ 14 đến chưa đủ 18 tuổi thuộc vào giai đoạn mất cân bằng tạm thời về cảm xúc. Theo y học, ở giai đoạn này thì tuyến nội tiết hoạt động mạnh làm ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương và dễ gây nên những xúc động mạnh, những phản ứng vô cơ cũng như những hành vi bất thường. Trong khi đó sự mất cân bằng giữa tim và hệ mạch gây thiếu máu cục bộ trên vỏ não làm hệ tim mạch rối loạn dẫn đến mệt mỏi, dễ bị kích thích và dễ nổi nóng. Khi không làm chủ được cảm xúc của mình, họ có những hành động thiếu suy nghĩ, mù quáng. Đồng thời, NCTN chưa có nhiều kinh nghiệm sống nên khả năng kiềm chế không cao, từ đó dẫn đến việc phạm tội. Trên thực tế, có nhiều trường hợp NCTN phạm tội cố ý gây thương tích, giết người,... chỉ vì những mâu thuẫn, những xích mích nhỏ trong cuộc sống;

- Thứ ba, NCTN luôn mong muốn trở thành người lớn và muốn được đối xử như người lớn. Ở độ tuổi này, NCTN tự cho mình không còn là trẻ con, không muốn phụ thuộc vào người lớn, thích suy nghĩ và hành động theo cách riêng của mình. Để khẳng định sự trưởng thành, NCTN thường có khuynh

hướng phản ứng lại sự kiểm soát, giám sát của gia đình như bỏ học, tụ tập thành băng, nhóm ăn chơi lêu lổng và từ đó họ thực hiện tội phạm;

- Thứ tư, giai đoạn từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi là giai đoạn dậy thì của NCTN. Ở giai đoạn này, NCTN có sự phát triển mạnh mẽ về cảm xúc giới tính cũng như có sự đánh giá về bản thân. NCTN bắt đầu có kích thích quan tâm đến người khác giới, có những cảm giác và cảm xúc giới tính mới lạ. Trong giai đoạn này, những cảm xúc được giữ kín và chứa đựng nhiều tâm trạng vui, buồn, nhớ nhung, thích được âu yếm, quan tâm,... có lúc lại chán nản, bi quan, thù ghét người này, người kia, bất mãn với cách cư xử của người khác đối với mình. Không ít hành vi phạm tội xảy ra chỉ vì NCTN ghen tuông hoặc vì họ bị từ chối tình cảm mà không kiềm chế được hành động của mình;

- Thứ năm, NCTN có sự hạn chế về ý thức pháp luật thể hiện ở cả ba yếu tố: sự hiểu biết pháp luật, niềm tin đối với pháp luật và thái độ, hành động thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của pháp luật. Thực tế cho thấy nhận thức và quan điểm về pháp luật của NCTN chưa được hình thành đầy đủ hoặc bị lệch lạc theo cách hiểu chủ quan của họ. Những khiếm khuyết này ở NCTN phạm tội khá phổ biến với tính chất và cường độ mạnh hơn người trưởng thành vì sự lệch lạc trong ý thức pháp luật của họ thường xuyên có sự tác động qua lại với các khuyết tật khác của cá nhân và nhất là tác động tiêu cực của môi trường xã hội. Ý thức pháp luật là nhân tố rất quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của NCTN nên khi họ không hiểu biết đúng đắn về pháp luật thì họ dễ dàng thực hiện tội phạm. Có nhiều trường hợp NCTN phạm tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS) hay tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS) nhưng khi thực hiện hành vi thì họ không biết mình phạm tội vì không hiểu rõ các quy định của pháp luật hình sự.

Do đó, khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án cần phải căn nhắc các đặc điểm nêu trên của họ để lựa chọn loại hình phạt với

mức hình phạt hợp lý nhằm giúp họ nhận ra những sai lầm, khuyết điểm của mình. Việc quyết định hình phạt đối với NCTN cần thực hiện theo hướng giúp đỡ, giáo dục và tạo điều kiện để họ sửa chữa những sai lầm, trở thành những công dân có ích cho xã hội.

2.1.3. Khái niệm và căn cứ quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là việc HĐXX các cấp căn cứ vào các quy định tại phần Chung và phần các tội phạm của BLHS và những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác lựa chọn một hình phạt tương ứng cho người đã được xác định phạm một tội hay nhiều tội cụ thể ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi và không được Tòa án áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự.

Khái niệm quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội nêu trên là khái niệm theo nghĩa rộng. Trong trường hợp cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, HĐXX Tòa án các cấp vẫn có thể áp dụng hình thức xử lý miễn trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng một trong các biện pháp tư pháp. Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là hoạt động tổ tụng rất quan trọng, là hoạt động cuối cùng của HĐXX để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội đặc biệt là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, nhất là áp dụng hình phạt tù. Các công việc mà HĐXX phải thực hiện theo trình tự cụ thể như sau:

- Xác định mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội như đối với trường hợp người phạm tội là người đã thành niên.

- Trường hợp NCTN phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì hình phạt áp dụng đối với họ là 3/4 mức hình phạt áp dụng đối với NCTN.

- Trường hợp NCTN phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì hình phạt áp dụng đối với họ là 1/2 mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên.

Theo cách tính nêu trên, nếu mức hình phạt tù được xác định đối với NCTN phạm tội thấp hơn mức tối thiểu của mức hình phạt tù có thời hạn thì cần áp dụng loại hình phạt khác nhẹ hơn mà không được áp dụng hình phạt tù dưới 03 tháng. Trường hợp mức hình phạt tù được xác định có số dư ngày không tròn tháng thì chỉ nên áp dụng mức hình phạt tù bằng số tròn tháng.

2.1.4. Các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội

Như đã nói ở trên, do chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý nên khả năng nhận thức cũng như khả năng tự kiểm chế của NCTN không cao và họ dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội khi bị lôi kéo, dụ dỗ. Đối với vấn đề NCTN phạm tội thì một phần trách nhiệm thuộc về phía gia đình và xã hội. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án cần phải cân nhắc đến các đặc điểm về tâm sinh lý, các yếu tố gia đình và xã hội để đưa ra những phán quyết xác đáng nhằm bảo đảm quyền lợi của NCTN. Vì vậy, khi xử lý hành vi phạm tội của NCTN thì ngoài căn cứ quyết định hình phạt các cơ quan tiến hành tố tụng cần chú ý đến một số nguyên tắc như sau:

** Nguyên tắc thứ nhất:*

“Việc xử lý NCTN phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của NCTN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm”.

Nguyên tắc này đặt ra mục đích xử lý NCTN phạm tội là nhằm giáo dục họ trở thành công dân có ích cho xã hội trên cơ sở giúp đỡ họ sửa chữa

sai lầm, phát triển lành mạnh. Việc xử lý NCTN phạm tội ở đây được hiểu là áp dụng các biện pháp cần thiết đối với NCTN phạm tội để đạt được mục đích giáo dục họ chứ không đơn thuần chỉ là truy cứu trách nhiệm hình sự hay áp dụng hình phạt. Các biện pháp khác có thể áp dụng như miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, án treo...

Bộ luật hình sự ghi nhận nguyên tắc này do xuất phát từ việc NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm sinh lý, trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống còn hạn chế. Bên cạnh đó, NCTN lại có đặc điểm nổi bật là khả năng thích nghi cao, dễ thay đổi, thêm vào đó ý thức phạm tội chưa sâu sắc nên khả năng cải tạo, uốn nắn, giáo dục NCTN rất cao. Do đó, khi điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của NCTN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do họ thực hiện vì khả năng nhận thức của NCTN còn hạn chế, mà khả năng nhận thức lại là một trong những căn cứ xác định tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Do chưa phát triển hoàn thiện, đầy đủ về các mặt cho nên không phải trong mọi trường hợp phạm tội cụ thể, NCTN đều có khả năng nhận thức đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện, hậu quả cũng như khả năng điều khiển hành vi phạm tội. Mặc khác, sự hình thành, phát triển nhân cách và các đặc điểm nhân thân của NCTN chịu ảnh hưởng rất lớn bởi sự giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội. Nguyên nhân và điều kiện dẫn đến việc NCTN phạm tội phần lớn xuất phát từ môi trường sống của họ. Vì lẽ đó, khi điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của NCTN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không những phải xác định năng lực trách nhiệm hình sự của NCTN phạm tội mà còn phải xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội từ đó khi quyết định hình phạt cơ quan có thẩm quyền sẽ đưa ra giải pháp thích hợp, nhằm cải tạo, giáo dục NCTN có hiệu quả.

*** Nguyên tắc thứ hai:**

“Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.”

Đây là nguyên tắc xác định vấn đề miễn trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội. Theo nguyên tắc này, NCTN phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự ngoài những trường hợp áp dụng đối với người đã thành niên. Hay nói các khác, quy định này bổ sung thêm trường hợp miễn trách nhiệm hình sự ngoài các trường hợp được quy định tại Điều 25 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015. Điều này thể hiện sự khoan hồng đặc biệt và chính sách nhân đạo của Nhà nước Việt Nam đối với NCTN phạm tội, phù hợp với quy định về bảo vệ quyền lợi của NCTN phạm tội đã được ghi nhận tại điểm b khoản 3 Điều 40, Điều 41 CRC, là cần có các biện pháp xử lý trẻ em vi phạm pháp luật hình sự mà không phải sử dụng đến quá trình tố tụng tư pháp.

Như vậy, ngoài các trường hợp được quy định tại Điều 25 BLHS (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 thì NCTN phạm tội còn có thể được miễn trách nhiệm hình sự nếu có đáp ứng được các điều kiện sau đây:

+ Phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng: Theo quy định tại Điều 8 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và BLHS năm 2015 thì tội ít nghiêm trọng là tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 3 năm tù; tội nghiêm trọng là tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 7 năm tù. Ở điều kiện thứ nhất này, NCTN phải phạm một tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là không quá 7 năm tù;

+ Gây hại không lớn: nghĩa là hậu quả và tác hại của tội phạm không lớn;

+ Có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 BLHS (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015: nghĩa là có từ hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 BLHS, không phân biệt các tình tiết này được quy định ở khoản 1 hay khoản 2 Điều 46 BLHS;

+ Được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

*** Nguyên tắc thứ ba:**

“Việc truy cứu trách nhiệm hình sự NCTN phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.”

Nguyên tắc này bảo đảm cho NCTN vi phạm pháp luật phải được đối xử theo cách thức nhằm nâng cao ý thức của họ về nhân phẩm và giá trị cá nhân để NCTN hội nhập vào xã hội, trên tinh thần hạn chế việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN vi phạm pháp luật được quy định trong các Công ước của Liên Hợp quốc [32, tr.11]. Chỉ trong trường hợp cần thiết thì cơ quan tiến hành tố tụng mới truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội. Nếu xét thấy không thật sự cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp khác như xử lý hành chính, miễn trách nhiệm hình sự,...

Trong trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội thì cũng không có nghĩa là các cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng hình phạt mà các cơ quan này có thể áp dụng các biện pháp tư pháp, hoặc thậm chí miễn hình phạt cho NCTN phạm tội nếu đáp ứng được các quy định của pháp luật. Điều này thể hiện chủ trương dành tất cả những gì tốt nhất cho NCTN và cũng nhằm hạn chế việc thực hiện cưỡng chế hình sự của Nhà nước ta.

Khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, những đặc

điểm nhân thân và yêu cầu phòng ngừa tội phạm. Đây là những yếu tố xác định tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và khả năng cải tạo giáo dục đối với NCTN. Do đó, khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải cân nhắc đến các yếu tố này nhằm bảo đảm tốt nhất quyền con người của NCTN, thực hiện triệt để chủ trương hạn chế cưỡng chế hình sự.

*** Nguyên tắc thứ tư:**

“Khi xét xử nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp như giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng”.

Nguyên tắc này được đưa ra cũng nhằm để bảo đảm thực hiện nguyên tắc cần có các biện pháp nhằm thay thế cho hình phạt áp dụng đối với trẻ em nhằm bảo đảm quyền lợi của trẻ được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 40 và Điều 41 của Công ước CRC. Điều 69 BLHS (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 đã quy định nguyên tắc này nhằm hạn chế việc áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội bằng việc áp dụng các biện pháp tư pháp để thay thế. Nguyên tắc này cụ thể hóa một trong những nội dung của nguyên tắc thứ ba: *“Việc truy cứu trách nhiệm hình sự NCTN phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết”*. Nguyên tắc này yêu cầu Tòa án phải lựa chọn giữa việc áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với họ, trong đó việc áp dụng biện pháp tư pháp để thay thế cho hình phạt được ưu tiên áp dụng. Điều này đã thể hiện rõ hơn chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong đường lối xử lý đối với NCTN phạm tội: việc áp dụng hình phạt đối với NCTN chỉ được thực hiện khi thật sự cần thiết và đều nhằm bảo đảm tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của NCTN, cho dù họ là người phạm tội.

Hai biện pháp tư pháp quy định tại Điều 70 BLHS (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 được áp dụng riêng đối với NCTN phạm tội và có tác dụng thay thế hình phạt. Nếu có đủ căn cứ về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các đặc điểm về nhân thân cũng như yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm mà không cần phải áp dụng hình phạt đối với NCTN thì Tòa án có thể áp dụng các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 BLHS hiện hành. Các biện pháp tư pháp này bao gồm giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng. Khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội, Tòa án có thể chỉ cần áp dụng các biện pháp tư pháp nếu các biện pháp này đáp ứng được các yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

*** Nguyên tắc thứ năm:**

“Không xử phạt chung thân hoặc tử hình đối với NCTN phạm tội.

Khi áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho NCTN phạm tội được hưởng mức nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội.”

Nguyên tắc trên cho thấy chính sách hình sự của nhà nước ta là không áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình đối với NCTN phạm tội. Quy định này không những thể hiện tính nhân đạo trong quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, mà còn phù hợp với xu hướng chung của thế giới là hạn chế áp dụng và từng bước tiến tới bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình. Đồng thời, quy định này cũng phù hợp với nội dung của Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị năm 1966 và Công ước về quyền trẻ em năm 1989.

Nhằm tăng cường khả năng áp dụng các hình phạt không phải là hình phạt tù cũng như hạn chế áp dụng hình phạt tù, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc Hội đã bổ sung quy định *“khi áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù”* để mở ra khả năng cho NCTN tự cải tạo, giáo dục để trở thành người có ích cho xã hội. Nguyên tắc này thể hiện chủ trương *“chỉ áp dụng hình phạt tù đối với trẻ em khi đó là biện pháp cuối cùng và trong thời gian thích hợp ngắn nhất, đảm bảo không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện”* được quy định tại Điểm b Điều 37 Công ước CRC. BLHS hiện hành quy định về bốn loại hình phạt có thể được áp dụng đối với NCTN phạm tội tại Điều 71 BLHS, trong đó chỉ có một hình phạt tước tự do là hình phạt tù có thời hạn. Nguyên tắc này thể hiện chủ trương của Nhà nước ta là hạn chế tối đa việc tước tự do đối với NCTN phạm tội mà luôn tạo điều kiện thuận lợi để họ có thể trở về với gia đình, được nhận sự giáo dục, chăm sóc từ gia đình để cải tạo họ thành con người có ích cho xã hội. Chủ trương này rất hợp lý bởi vì môi trường gia đình chính là nơi tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của NCTN, và đây cũng chính là nơi mà NCTN được hưởng các quyền được sống chung với cha mẹ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng từ người thân trong gia đình. Bộ luật hình sự năm 2015 cũng có những điều luật tương ứng quy định tương tự.

Bên cạnh đó, căn cứ vào quy định tại Điều 74 và Điều 75 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 thì trong trường hợp buộc phải áp dụng hình phạt tù đối với NCTN phạm tội thì mức hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với họ phải thấp hơn so với mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên. Đồng thời, Tòa án không được áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và cũng không được áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội. Yêu cầu này xuất phát từ thực tiễn nếu áp dụng hình phạt tiền và các hình

phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội là không có ý nghĩa thiết thực, không đảm bảo tính khả thi trên thực tế.

*** Nguyên tắc thứ sáu:**

“Án đã tuyên đối với NCTN phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”

Nguyên tắc này có thể được hiểu là: Sau khi bị kết án và chưa được xóa án tích, nếu người này phạm tội mới thì bản án đã tuyên đối với tội do họ thực hiện khi chưa đủ 16 tuổi không có ý nghĩa trong việc xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm theo Điều 49 BLHS hiện hành.

Như vậy, nguyên tắc này đã thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta là: Đảm bảo sự phát triển bình thường, không thành kiến, tạo điều kiện tái hòa nhập cộng đồng cũng như xóa bỏ các mặc cảm tội lỗi của NCTN phạm tội khi họ chưa đủ 16 tuổi.

2.2. Quy định pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

Khi tiến hành xây dựng các quy định của BLHS, nhà làm luật đã rất quan tâm đến vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Đây là một đối tượng chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm sinh lý. Người chưa thành niên bị hạn chế về khả năng nhận thức cũng như về kinh nghiệm sống, thiếu những điều kiện về bản lĩnh tự lập cùng với khả năng tự kiểm chế chưa cao nên họ dễ bị kích động, dễ bị lôi kéo vào hoạt động phạm tội. Việc quyết định hình phạt đối với NCTN là phải nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để họ nhận ra sai lầm của mình mà sửa chữa, từ đó trở thành những người có ích cho xã hội. Vì vậy, nhà làm luật đã xây dựng một chương riêng quy định về việc xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại Chương X của BLHS hiện hành và Chương tương ứng của BLHS năm 2015. Trong Chương này, nhà làm luật đã đề ra các nguyên tắc cụ thể mà Tòa án bắt buộc phải tuân thủ khi quyết định hình phạt

đối với NCTN phạm tội nhằm bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Quy định pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội bao gồm các nội dung sau:

2.2.1. Các quy định về hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong BLHS, do Tòa án áp dụng nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội”. [53, tr.10]

Với tính chất là một trong những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước, khi quy định và áp dụng hình phạt thì Nhà nước cũng mong muốn đạt đến một kết quả nhất định trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, quy định tại Điều 27 BLHS hiện hành đã xác định cụ thể mục đích của hình phạt là: *“Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”* [53, tr 11].

Như vậy, khi áp dụng hình phạt, Tòa án cần phải đảm bảo mục đích phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng với mục đích chính là cải tạo, giáo dục người phạm tội. Điều 28 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 quy định hệ thống hình phạt gồm bảy hình phạt chính và bảy hình phạt bổ sung, trong đó có những hình phạt có tính nghiêm khắc rất cao, tước bỏ những quyền thiết thân nhất của con người, kể cả quyền được sống. Tuy nhiên, do NCTN phạm tội là những người chưa phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần nên việc áp dụng các hình phạt có tính cưỡng chế nghiêm khắc quá cao không phải là một lựa chọn hợp lý. Do đó, không phải tất cả các hình phạt được quy định trong BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 đều có thể được áp dụng đối với NCTN

phạm tội mà sẽ có những hình phạt được áp dụng và những hình phạt không được áp dụng đối với họ.

2.2.1.1. Các loại hình phạt không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

Theo quy định tại khoản 5 Điều 69 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 thì khi quyết định hình phạt, Tòa án:

“Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với NCTN phạm tội.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội”.

Như vậy, đối với các hình phạt chính thì BLHS quy định có hai loại không được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Đây là hai loại hình phạt có tính nghiêm khắc cao nhất trong hệ thống hình phạt Việt Nam bao gồm:

*** Hình phạt tù chung thân.**

Theo quy định tại Điều 34 BLHS hiện hành thì hình phạt tù chung thân là hình phạt tù không có thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.

Trong hệ thống hình phạt Việt Nam thì hình phạt tù chung thân là hình phạt đặc biệt nghiêm khắc. Đây là hình phạt nặng hơn tù có thời hạn và nhẹ hơn hình phạt tử hình. Hình phạt tù chung thân có nội dung pháp lý là tước đi tự do của người bị kết án, cách ly họ ra khỏi cộng đồng và phải chịu sự chi phối của những quy định rất chặt chẽ và nghiêm ngặt trong mọi lĩnh vực như lao động, học tập, rèn luyện để giáo dục, cải tạo họ trở thành người lương thiện và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, sự tước tự do của hình phạt là tù chung thân là không có thời hạn, nghĩa là có khả năng tước sự tự do của người phạm tội đến cuối cuộc đời của họ.

*** Hình phạt tử hình**

Theo quy định tại Điều 35 BLHS hiện hành thì hình phạt tử hình là loại hình phạt đặc biệt, có nội dung cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt vì đã tước bỏ quyền sống của người bị kết án, tử hình chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Tử hình là loại hình phạt có nội dung cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt. Tính nghiêm khắc của hình phạt này thể hiện ở sự tước bỏ quyền được sống của người phạm tội nhằm loại trừ họ ra khỏi đời sống xã hội vì xét thấy người phạm tội không còn khả năng cải tạo, giáo dục và vì sự cần thiết của việc phòng ngừa chung. Theo quy định tại Điều 35 BLHS hiện hành thì hình phạt tử hình chỉ được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, quan điểm hiện nay của Nhà nước ta là hạn chế áp dụng hình phạt tử hình. Ngay cả khi có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội thì việc lựa chọn hình phạt tử hình phải là khả năng cuối cùng khi Tòa án xét thấy không thể áp dụng loại hình phạt khác được quy định trong chế tài vì tính chất đặc biệt nghiêm trọng của tội phạm. Trong chế tài của các tội phạm, hình phạt tử hình luôn được quy định trong chế tài lựa chọn với hình phạt tù có thời hạn và tù chung thân.

Tuy nhiên, đối với NCTN phạm tội thì tuyệt đối không được áp dụng hai loại hình phạt này khi Tòa án quyết định hình phạt đối với họ. Khi phạm tội thì trạng thái thể chất và tinh thần của NCTN là chưa hoàn thiện, họ chưa hoàn toàn xác định được tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cũng như chưa hoàn thiện về nhân cách nên khả năng cải tạo, giáo dục họ trong một khoảng thời gian nhất định là có thể thực hiện được. Họ có thể được uốn nắn để trở thành những công dân có ích cho xã hội nên việc cách ly vĩnh viễn họ khỏi xã hội là không cần thiết. Do đó, BLHS quy định không áp dụng hình phạt tù chung thân và tử hình đối với NCTN phạm tội nhằm tạo cơ hội cho họ sửa đổi và sửa chữa lỗi lầm. Quy định này cũng phù hợp với yêu cầu “không

được áp dụng hình phạt tử hình và tù chung thân mà không có khả năng phóng thích cho những người phạm tội dưới 18 tuổi” của Điều 6 Công ước năm 1966 và Điều 37 Công ước CRC.

Đồng thời, theo quy định của Điều luật này thì Tòa án cũng “*không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. BLHS quy định không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi xuất phát từ các lý do như: NCTN trong độ tuổi này thường đang trong độ tuổi đi học, chưa có việc làm, chưa có thu nhập hoặc có nhưng chưa ổn định và cũng chưa có tài sản riêng... Bên cạnh đó, NCTN trong độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 còn chưa được pháp luật cho phép tự tham gia vào các quan hệ xã hội một cách độc lập. Do đó, nếu áp dụng hình phạt tiền với đối tượng này sẽ đem lại gánh nặng cho gia đình vì gia đình là nơi bảo trợ các khoản chi phí, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình rèn luyện, tu dưỡng, sửa chữa sai lầm của họ. Vì thế khả năng họ chấp hành được hình phạt này không cao và cũng không đáp ứng được yêu cầu của hình phạt. Hình phạt này chỉ có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi và cũng chỉ trong trường hợp người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng nhằm đảm bảo cho tính khả thi của hình phạt tiền áp dụng đối với NCTN phạm tội bởi vì để có tài sản riêng và thu nhập để chấp hành hình phạt tiền thì phải phù hợp với các quy định của các ngành luật khác như luật dân sự, luật lao động.

Bên cạnh đó, đối với hình phạt bổ sung thì Tòa án “*không áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội*”. Việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là nhằm hỗ trợ cho hình phạt chính và hướng tác động chủ yếu của hình phạt bổ sung là để loại bỏ những điều kiện mà người bị kết án có thể sử dụng để tiếp tục thực hiện tội phạm. Chức năng này của hình phạt bổ sung sẽ giúp hình phạt chính đạt được mục đích phòng ngừa riêng bằng việc ngăn ngừa người bị kết án phạm tội mới. Tuy nhiên, do những đặc điểm riêng

biệt của NCTN phạm tội về sự phát triển, nhận thức, tâm sinh lý nên nếu áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội thì không những không đạt được mục đích của hình phạt bổ sung mà còn có thể trở thành gánh nặng cho họ và tác động tiêu cực đến khả năng cải tạo, giáo dục của họ. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội là không cần thiết.

2.2.1.2. Các loại hình phạt được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

Khi xét thấy cần phải áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 71 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 để xác định các loại hình phạt cụ thể có thể được áp dụng đối với họ, bao gồm bốn loại sau đây:

*** Hình phạt cảnh cáo**

Cảnh cáo là sự khiển trách công khai của Nhà nước đối với người bị kết án [17, tr.236]. Hình phạt cảnh cáo không có khả năng gây thiệt hại về tài sản hoặc hạn chế quyền tự do thân thể của người phạm tội nhưng với tính chất là sự khiển trách công khai của Nhà nước, cảnh cáo cũng gây ra những thiệt hại nhất định về mặt tinh thần. Cảnh cáo là hình phạt chính nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt Việt Nam. Theo quy định tại Điều 71 và Điều 29 BLHS hiện hành thì hình phạt cảnh cáo được áp dụng như sau:

“Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.”

Như vậy, để áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTN phạm tội thì phải đáp ứng được ba điều kiện:

+ Tội phạm do NCTN thực hiện phải là loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghĩa là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm ấy là đến ba năm tù. Tuy nhiên, không phải NCTN nào cũng có thể được áp dụng hình phạt cảnh cáo. Theo quy định tại Điều 12 BLHS hiện hành thì: Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách

nhiệm hình sự về mọi tội phạm; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, NCTN từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi khi thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng thì không phải chịu trách nhiệm hình sự nên không thể áp dụng hình phạt cảnh cáo. Do đó, chỉ NCTN từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng mới có thể bị áp dụng hình phạt cảnh cáo;

+ Người chưa thành niên phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nghĩa là có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên được quy định tại Điều 46 BLHS. Điều 29 BLHS không đòi hỏi các tình tiết giảm nhẹ này phải được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS hiện hành. Do đó, đây có thể là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 46 BLHS;

+ Chưa đến mức miễn hình phạt. Điều kiện để được miễn hình phạt theo quy định tại Điều 54 BLHS là: Người phạm tội phải có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS hiện hành và đáng được khoan hồng đặc biệt. Như vậy, NCTN phạm tội khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng không đáng để được khoan hồng đặc biệt thì áp dụng hình phạt cảnh cáo để răn đe, giáo dục họ.

Khi đáp ứng đầy đủ ba điều kiện nêu trên thì Tòa án xem xét và quyết định áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTN phạm tội.

*** Hình phạt tiền**

Phạt tiền là hình phạt tước đi của người bị kết án một khoản tiền nhất định để sung công quỹ Nhà nước [17, tr.237]. Hình phạt tiền tước đi những quyền lợi về vật chất của người bị kết án, tác động về kinh tế để thông qua đó tác động lên ý thức của người phạm tội nhằm đạt được mục đích của hình phạt. Căn cứ để áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội được quy định tại Điều 72 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015:

“Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng”.

Theo quy định tại Điều 28 BLHS hiện hành thì hình phạt tiền có thể được áp dụng với tư cách là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, khi áp dụng đối với NCTN phạm tội thì hình phạt tiền chỉ có thể được áp dụng với tư cách là hình phạt chính vì hình phạt bổ sung không được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Đồng thời, để áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội thì ngoài các quy định chung được quy định tại Điều 30 BLHS hiện hành, Tòa án còn phải xem xét các điều kiện riêng biệt được quy định tại Điều 72 BLHS hiện hành. Như vậy, các điều kiện để áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội gồm:

+ Hình phạt tiền chỉ được áp dụng là hình phạt chính đối với người phạm tội ít nghiêm trọng nghĩa là có mức cao nhất của khung hình phạt không quá 3 năm tù; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính và một số tội phạm khác do BLHS quy định [53, tr.11];

+ Hình phạt tiền chỉ áp dụng đối với NCTN phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu người đó có thu nhập hoặc tài sản riêng.

> Phạt tiền chỉ được áp dụng là hình phạt chính cho NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vì người từ đủ 16 tuổi đã được pháp luật cho phép tham gia vào một số quan hệ xã hội độc lập nên họ có thể lao động, có nghề nghiệp và có thu nhập. Do đó, việc áp dụng hình phạt tiền đối với họ là hoàn toàn hợp lý;

> Người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thu nhập hoặc tài sản riêng. Có thu nhập được hiểu là khoản tiền họ kiếm được trên thực tế từ hợp đồng lao động hoặc từ các hoạt động sản xuất kinh doanh do chính họ thực hiện. Tài sản riêng của NCTN là tài sản mà họ có được do thừa kế hoặc tặng cho. Hình phạt chỉ được áp dụng đối với cá nhân

người phạm tội nên khi áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội thì đòi hỏi họ phải có thu nhập hoặc tài sản riêng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Khi NCTN đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên thì Tòa án sẽ đánh giá và xem xét việc áp dụng hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

*** Hình phạt cải tạo không giam giữ**

Cải tạo không giam giữ là hình phạt chính được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, có nơi làm việc ổn định hoặc nơi thường trú rõ ràng khi xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội [17, tr.238]. Đây là hình phạt mà người bị kết án không bị tước tự do, không bị buộc cách ly khỏi xã hội và họ có cơ hội được cải tạo ngoài xã hội với sự giám sát, giúp đỡ của cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, gia đình và cộng đồng.

Theo mức độ nghiêm khắc tăng dần của loại hình phạt thì hình phạt cải tạo không giam giữ là loại hình phạt nghiêm khắc thứ hai sau hình phạt tù có thời hạn được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Người bị áp dụng hình phạt này tuy không bị tước quyền tự do thân thể, không bị cách ly khỏi cộng đồng nhưng họ phải chịu sự giám sát, quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương và gia đình. Việc quy định hình phạt cải tạo không giam giữ trong hệ thống hình phạt giúp Tòa án có thể lựa chọn và áp dụng đối với những trường hợp phạm tội mà nếu áp dụng hình phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền thì chưa đủ nghiêm khắc để trừng trị và giáo dục người phạm tội, đồng thời cũng chưa đủ nghiêm khắc để răn đe những người “không vững vàng” ngoài xã hội, nhưng nếu như áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì lại quá nghiêm khắc và không cần thiết trong khi người phạm tội hoàn toàn có khả năng tự cải tạo trong môi trường sống bình thường mà không cần cách ly họ khỏi xã hội.

Căn cứ theo quy định tại Điều 31 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 thì hình phạt cải tạo không giam giữ có thể được Tòa án áp dụng đối với NCTN phạm tội nếu đáp ứng được các điều kiện sau:

+ Tội phạm do NCTN thực hiện phải là loại tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng. Theo quy định tại Điều 8 BLHS thì tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù còn tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất khung hình phạt đối với tội ấy là đến 7 năm tù. Như vậy, khi đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 về tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ áp dụng cho NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;

+ Người phạm tội đang có nơi làm việc ổn định hoặc nơi thường trú rõ ràng. Đây là điều kiện để Tòa án có thể cân nhắc việc giao NCTN bị kết án cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi NCTN cư trú, sinh sống nhằm đảm bảo việc theo dõi, giám sát, giáo dục tại cơ sở đối với họ trong thời gian chấp hành hình phạt;

+ Tòa án xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội. Khi xem xét điều kiện này, Tòa án sẽ phân tích, đánh giá một cách toàn diện những tình tiết ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của NCTN, những đặc điểm nhân thân của NCTN phạm tội có ảnh hưởng đến khả năng tự cải tạo và giáo dục của họ.

Như vậy, khi NCTN phạm tội đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên thì Tòa án sẽ xem xét, đánh giá toàn diện để quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với họ. Tuy nhiên, Tòa án cũng nên cân nhắc, đánh giá thêm ảnh hưởng, tác động của gia đình đối với NCTN phạm tội. Vì gia đình có vai trò rất lớn trong việc giáo dục, quản lý, giám sát, và hình thành ý chí phấn đấu cải tạo đối với NCTN bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam

giữ. Chỉ khi sự kết hợp giữa các cơ quan có trách nhiệm và gia đình tích cực và có hiệu quả thì mới đạt được mục đích của hình phạt cải tạo không giam giữ.

*** Tù có thời hạn**

Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội trong thời gian nhất định để học tập, lao động, cải tạo [17, tr.240].

Trong hệ thống hình phạt Việt Nam thì hình phạt tù có thời hạn giữ một vị trí rất quan trọng trong việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Đây là loại hình phạt có lịch sử lâu đời và được áp dụng phổ biến trong thực tiễn quyết định hình phạt.

Tù có thời hạn là loại hình phạt tước tự do của người phạm tội, buộc họ phải cách ly khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, học tập, lao động trong môi trường chịu sự chi phối của những quy định rất chặt chẽ và nghiêm khắc. Việc tước bỏ quyền tự do của người bị áp dụng là nội dung pháp lý chủ yếu của loại hình phạt này. Đây được coi là loại hình phạt có hiệu quả giáo dục và phòng ngừa tội phạm cao. Do đó, hình phạt này có thể áp dụng đối với đối với mọi loại tội phạm và mọi đối tượng phạm tội, trong đó có NCTN.

Như vậy, trong các loại hình phạt có thể được áp dụng đối với NCTN phạm tội có thì đến ba loại hình phạt không tước tự do (chiếm tỷ lệ 75%) và chỉ có một loại hình phạt tước tự do là tù có thời hạn (chiếm tỷ lệ 25%). Điều đó cho thấy đường lối xử lý trách nhiệm hình sự của Nhà nước ta đối với NCTN phạm tội là tạo điều kiện tốt nhất để cho họ được tự do cư trú, tự do đi lại, tự do sinh hoạt trong cộng đồng,... để tự cải tạo, giáo dục và chỉ trong trường hợp thật sự cần thiết thì Nhà nước mới cách ly họ khỏi xã hội để thuận lợi trong việc cải tạo, giáo dục. Từ đó, có thể khẳng định: Nhà trường, gia đình và xã hội chính là môi trường cải tạo, giáo dục tốt nhất cho NCTN phạm tội.

2.2.2. Các quy định về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

Đối với NCTN phạm tội thì Tòa án sẽ áp dụng hình phạt khi xét thấy cần thiết. Tuy nhiên, việc quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội sẽ có những điểm khác biệt, hay cụ thể hơn là việc quyết định hình phạt sẽ mang tính chất khoan hồng hơn so với người đã thành niên phạm tội. NCTN phạm tội sẽ được áp dụng mức hình phạt thấp hơn so với người đã thành niên phạm tội tương ứng. Do đó, BLHS đã quy định những giới hạn cụ thể của từng loại hình phạt được phép áp dụng đối với NCTN phạm tội cũng như cách thức quyết định hình phạt đối với họ, phù hợp với yêu cầu của các Công ước quốc tế. Việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội sẽ bao gồm hai trường hợp:

2.2.2.1. Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm một tội

Đối với trường hợp NCTN phạm một tội thì Tòa án chỉ có thể áp dụng một trong bốn loại hình phạt được quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình là hai loại hình phạt không được áp dụng đối với NCTN phạm tội theo quy định tại Điều 69 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015, phù hợp với yêu cầu “*không được áp dụng hình phạt tử hình và tù chung thân mà không có khả năng phóng thích cho những người phạm tội dưới 18 tuổi*” quy định tại Điều 6 Công ước 1966 và Điều 37 Công ước CRC. Việc quyết định áp dụng bốn loại hình phạt này được thực hiện như sau:

- Quyết định hình phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên phạm tội

Với tính chất là sự khiển trách công khai của Nhà nước đối với người phạm tội nhằm tác động về mặt tinh thần đối với họ, hình phạt cảnh cáo không có những định lượng nhất định nên không thể giảm nhẹ hay tăng nặng.

Do đó, hình phạt cảnh cáo được áp dụng đối với NCTN như những trường hợp thông thường.

Hình phạt cảnh cáo được Tòa án tuyên đọc một cách công khai khi tuyên án tại phòng xét xử. Khi Hội đồng xét xử tuyên phạt công khai tại phiên tòa thì tại thời điểm đó NCTN bị kết án đã chấp hành xong hình phạt.

- Quyết định hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội.

Khi quyết định mức phạt tiền cụ thể, Tòa án dựa trên cơ sở tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình hình tài chính của NCTN bị kết án và sự biến động giá cả để quyết định hình phạt tiền nhằm đảm bảo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh của NCTN phạm tội để đảm bảo tính khả thi của hình phạt tiền trên thực tế.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 30 BLHS thì mức phạt tiền được Tòa án quyết định tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động giá cả, nhưng không thấp hơn một triệu đồng. Bên cạnh đó, Điều 72 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 quy định về mức phạt tiền được áp dụng đối với NCTN phạm tội là: *“không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định”*. Như vậy, khi quyết định hình phạt tiền đối với NCTN phạm tội thì Tòa án quyết định mức phạt tiền không quá một phần hai mức tối đa của hình phạt tiền mà điều luật quy định. Chẳng hạn như người 17 tuổi thực hiện hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 153 BLHS hiện hành về Tội buôn lậu với khung hình phạt là *“phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, ...”* thì Tòa án chỉ được quyết định mức phạt tiền tối đa là năm mươi triệu đồng.

- Quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội

Việc quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội được quy định tại Điều 73 BLHS:

“Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.”

Dựa vào quy định nêu trên, có thể thấy được: Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định và không thấp hơn mức tối thiểu của loại hình phạt này là 6 tháng. Sự ưu đãi về thời gian chấp hành hình phạt hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội đã được ghi nhận tại Điều 69 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015. Chẳng hạn như người 17 tuổi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS hiện hành có khung hình phạt là: *“cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Nếu Tòa án quyết định loại hình phạt được áp dụng đối với người 17 tuổi này là hình phạt cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cụ thể mà Tòa án có thể quyết định là từ sáu tháng đến một năm sáu tháng cải tạo không giam giữ. Đồng thời, nếu người phạm tội đã bị tạm giam, tạm giữ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian tạm giam, tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo nguyên tắc một ngày tạm giam, tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ [53, tr.11].

Ngoài ra, khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội thì không khấu trừ thu nhập của họ. Quy định này xuất phát từ việc NCTN vẫn còn phụ thuộc vào gia đình; họ chưa tham gia lao động, sản xuất, chưa có công ăn việc làm hoặc nếu có thì thu nhập cũng thấp và không ổn định. Vì vậy, nếu áp dụng khấu trừ thu nhập đối với NCTN phạm tội sẽ gây khó khăn trong việc thi hành trên thực tế, qua đó không đạt được mục đích

của hình phạt. Bên cạnh đó, hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt không cách ly NCTN khỏi xã hội nên việc khấu trừ thu nhập có thể sẽ trở thành gánh nặng cho chính bản thân NCTN phạm tội và gia đình họ.

Với đặc trưng cơ bản của loại hình phạt này là NCTN phạm tội không bị cách ly khỏi xã hội; họ vẫn chung sống với gia đình nhưng chịu sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi họ làm việc, thường trú thì ý nghĩa của hình phạt này là nhằm giáo dục, giúp đỡ NCTN phạm tội tự cải tạo, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội.

Trong những loại hình phạt có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội thì hình phạt tù có thời hạn là hình phạt mang tính cưỡng chế cao nhất nên việc quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội được BLHS quy định rất chặt chẽ tại Điều 74 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015.

“ Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị phạt tù có thời hạn theo quy định sau đây:

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười tám năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;

2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.”

Hình phạt tù có thời hạn được coi là hình phạt nghiêm khắc nhất đối với NCTN phạm tội vì việc áp dụng hình phạt này sẽ tước đi sự tự do của NCTN trong một khoảng thời gian nhất định; buộc họ phải cách ly khỏi xã hội, phải lao động, học tập trong trại giam, trại cải tạo với chế độ giam giữ, cải tạo rất chặt chẽ. Việc áp dụng hình phạt tù chỉ được thực hiện khi NCTN không có đủ điều kiện để áp dụng các hình phạt khác như cảnh cáo, phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ và họ có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có đặc điểm nhân thân xấu và môi trường sống không thuận lợi cho việc giáo dục, cải tạo nếu để NCTN ở ngoài xã hội. Vì vậy, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội khi xét thấy thật sự cần thiết phải cách ly họ khỏi xã hội để tạo điều kiện tốt nhất cho việc giáo dục, cải tạo NCTN phạm tội.

Khi quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội thì họ sẽ được "*hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng*" [53, tr.22]. Việc quyết định mức hình phạt cụ thể đối với họ được chia làm hai trường hợp như sau:

+ *Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 thì: "*Nếu điều luật áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù...*". Do hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình là hai hình phạt không được phép áp dụng đối với NCTN phạm tội nên trong trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội có khung hình phạt quy định mức hình phạt cao nhất tù chung thân hoặc tử hình thì Tòa án chỉ được áp dụng hình phạt cao nhất là 18 năm tù. Chẳng hạn như người 16 tuổi thực hiện hành vi giết người được quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS hiện hành có mức hình phạt từ 12 đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình thì Tòa án chỉ được quyết định mức hình phạt cao nhất đối với người này là 18 năm tù.

Trong trường hợp *"nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định"*. Như vậy, nếu mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng không quy định hình phạt tù chung thân hay tử hình mà chỉ quy định loại hình phạt tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất mà Tòa án được phép áp dụng đối với NCTN là không quá ba phần tư mức phạt cao nhất của khung hình phạt đó. Chẳng hạn như người 17 tuổi thực hiện hành vi giết người được quy định tại khoản 2 Điều 93 BLHS hiện hành có khung hình phạt 7 năm đến 15 năm tù thì Tòa án chỉ có thể quyết định mức hình phạt cao nhất đối với người này là $\frac{3}{4}$ của 15 năm tù, tức 11 năm 3 tháng tù.

+ *Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 thì: *"Nếu điều luật áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù..."*. Như vậy, trong trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội có khung hình phạt quy định mức hình phạt cao nhất tù chung thân hoặc tử hình thì Tòa án chỉ được áp dụng hình phạt cao nhất là 12 năm tù. Chẳng hạn như người 15 tuổi thực hiện hành vi giết người được quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS hiện hành có mức hình phạt từ 12 đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình thì Tòa án chỉ được quyết định mức hình phạt cao nhất đối với người này là 12 năm tù.

Trong trường hợp *"nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định"*. Như vậy, nếu mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng không quy định hình phạt tù chung thân hay tử hình mà chỉ quy định loại hình phạt tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất mà Tòa án được phép áp dụng đối với NCTN là không quá một phần hai mức phạt cao nhất của khung hình phạt đó. Chẳng hạn như người 15 tuổi thực hiện hành vi giết người được quy định tại

khoản 2 Điều 93 BLHS hiện hành có khung hình phạt 7 năm đến 15 năm tù thì Tòa án chỉ có thể quyết định mức hình phạt cao nhất đối với người này là $\frac{1}{2}$ của 15 năm tù, tức 7 năm 6 tháng tù.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, và cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày tù.

Hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTN phạm tội với tính chất là hình phạt có tính nghiêm khắc nhất vì buộc NCTN phải cách ly khỏi xã hội để giáo dục, cải tạo trong trại giam. Vì tính nghiêm khắc của hình phạt tù có thời hạn và chính sách khoan hồng đặc biệt đối với NCTN phạm tội nên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội có những đặc điểm riêng biệt như đã nêu trên. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn như là một biện pháp cuối cùng khi mà các biện pháp khác không thể hoặc không khả thi trong việc cải tạo, giáo dục NCTN phạm tội. Chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội trong trường hợp cần thiết và mức hình phạt tù có thời hạn cũng thấp hơn đối với người thành niên phạm tội tương ứng, qua đó hướng đến khả năng cải tạo, giáo dục và tạo cơ hội cho NCTN phạm tội tái hòa nhập cộng đồng và làm lại cuộc đời.

2.2.2.2. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội

Trường hợp phạm nhiều tội có thể được hiểu là trường hợp một người đã phạm nhiều tội khác nhau được quy định trong luật hình sự mà những tội này chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự cũng như người phạm tội chưa bị kết án lần nào, nay bị Tòa án đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó.

Trong khoa học pháp lý hình sự hiện nay, có ba trường hợp bị coi là phạm nhiều tội. Cụ thể như sau:

- **Trường hợp thứ nhất:** Người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội khác nhau và mỗi hành vi này cấu thành một tội độc lập và không có liên quan với nhau. Chẳng hạn như một người có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Điều 140 BLHS hiện hành rồi sau đó lại thực hiện hành vi giết người theo Điều 93 BLHS hiện hành.

- **Trường hợp thứ hai:** Người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội khác nhau, mỗi hành vi cấu thành một tội khác nhau, nhưng chúng có liên quan với nhau và cùng nhằm một mục đích phạm tội. Chẳng hạn một người thực hiện hành vi giết người để cướp tài sản của nạn nhân. Trong trường hợp này thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội phạm: Tội giết người (Điều 93 BLHS hiện hành) và Tội cướp tài sản (Điều 133 BLHS hiện hành).

- **Trường hợp thứ ba:** Người phạm tội chỉ thực hiện một hành vi nhưng hành vi đó lại thỏa mãn dấu hiệu pháp lý của nhiều tội khác nhau. Chẳng hạn một người do có mâu thuẫn cá nhân với người khác mà dùng súng để bắn chết nạn nhân thì sẽ phạm hai tội: Tội giết người (Điều 93 BLHS hiện hành) và Tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng (Điều 230 BLHS hiện hành).

Trên thực tế có một số trường hợp NCTN phạm nhiều tội nên vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội là một trong những vấn đề quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Với chính sách hình sự đặc biệt đối với NCTN phạm tội nên việc quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội cũng có những đặc trưng riêng biệt, nhất là trong vấn đề tổng hợp hình phạt. Khi tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội, Tòa án ngoài việc căn cứ vào Điều 50 và Điều 51 BLHS hiện hành như đối với người đã thành niên phạm nhiều tội thì Tòa án còn phải căn cứ vào Điều 74 và Điều 75 BLHS hiện hành và các điều luật tương ứng của BLHS năm 2015.

Theo quy định tại Điều 75 BLHS hiện hành thì việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội được thực hiện như sau:

“ Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

1. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này;

2. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội.”

Như vậy, Điều 75 BLHS chỉ được áp dụng khi NCTN phạm nhiều tội, trong đó có tội được thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện khi đã đủ 18 tuổi. Khi áp dụng Điều 75 BLHS hiện hành thì có một số vấn đề cần chú ý như sau:

- Thứ nhất: BLHS quy định **“tội nặng nhất”** có hai cách hiểu khác nhau:

+ Tội nặng nhất là tội danh nặng nhất trong các tội phạm mà NCTN thực hiện. Khi đó, để xác định tội danh nào là tội danh nặng nhất thì phải xác định tội danh có có hình phạt nặng nhất. Vấn đề xác định tội nặng nhất được quy định tại Nghị quyết 04/2004/NQ-HĐTP TANDTC ngày 05/11/2004. Chẳng hạn một người phạm hai tội: Tội cướp tài sản tại khoản 1 Điều 133 BLHS hiện hành khi 17 tuổi và Tội trộm cắp tài sản tại khoản 4 Điều 138 BLHS hiện hành khi 19 tuổi. Theo quan điểm này, Tội cướp tài sản được xem là tội nặng hơn Tội trộm cắp tài sản vì Điều 133 quy định hình phạt nặng nhất là tử hình (khoản 4 Điều 133) trong khi đó hình phạt nặng nhất được quy định tại Điều 138 BLHS hiện hành là tù chung thân (khoản 4 Điều 138). Vì vậy sẽ tổng hợp hình phạt không vượt quá mức hình phạt cao nhất được quy định tại Điều 74 BLHS.

+ Tội nặng nhất là loại tội phạm nặng nhất theo Điều 8 BLHS, nghĩa là tội có mức cao nhất của khung hình phạt cao nhất trong các tội mà NCTN đã phạm. Chẳng hạn một người phạm hai tội: Tội cướp tài sản tại

khoản 1 Điều 133 BLHS hiện hành khi 17 tuổi và Tội trộm cắp tài sản tại khoản 4 Điều 138 BLHS khi 19 tuổi. Theo quan điểm này Tội trộm cắp tài sản được xem là tội nặng hơn Tội cướp tài sản vì Tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 là tội phạm rất nghiêm trọng còn tội Trộm cắp tài sản theo khoản 4 Điều 138 BLHS là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên trường hợp này thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội.

– *Thứ hai:* Khi quyết định hình phạt đối với những tội phạm mà người phạm tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi thì phải áp dụng các quy định về quyết định hình phạt đặc trưng cho NCTN phạm tội theo quy định tại Chương X BLHS. Đối với những tội mà người phạm tội thực hiện khi đã đủ 18 tuổi thì quyết định hình phạt như đối với người thành niên phạm tội.

– *Thứ ba:* Khi đã xác định được tội nặng nhất thì việc tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội mà có tội phạm được thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi, có tội phạm được thực hiện đã đủ 18 tuổi sẽ có những điểm đặc biệt như sau:

+ Khi tổng hợp hình phạt, nếu tội phạm nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS hiện hành và điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 có hai quan điểm khác nhau:

- *Quan điểm thứ nhất:* Nếu người đó phạm tội nặng nhất khi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười tám năm tù. Tuy nhiên, nếu bị cáo phạm tội nặng nhất khi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù;
- *Quan điểm thứ hai:* Trong tất cả các trường hợp, nếu tội nặng nhất được thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá 18 năm tù – mức hình phạt cao

nhất được quy định tại Điều 74 BLHS hiện hành. Quan điểm này đã bao quát cả khoản 1 và khoản 2 Điều 74 BLHS.

+ Khi tổng hợp hình phạt, nếu tội phạm nặng nhất được thực hiện khi người đó đủ 18 tuổi thì vấn đề tổng hợp hình phạt áp dụng như đối với người đã thành niên phạm nhiều tội, nghĩa là mức hình phạt tù có thời hạn được tổng hợp cao nhất là 30 năm tù.

Hiện nay, BLHS Việt Nam không quy định cụ thể vấn đề tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội, mà các tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định về hình phạt đối với NCTN phạm tội, nếu NCTN phạm nhiều tội thì khi tổng hợp hình phạt, mức hình phạt chung cao nhất sẽ không thể nào cao hơn mức hình phạt quy định tại Điều 74 BLHS. Nếu trong tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi có mức tổng hợp cao hơn mức quy định tại Điều 74 BLHS sẽ dẫn đến mâu thuẫn, không thống nhất trong vấn đề quyết định hình phạt nói riêng và trong chính sách hình sự của Nhà nước đối với NCTN phạm tội nói chung.

2.3. So sánh chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam với một số nước ở khu vực và trên thế giới

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, ở mỗi quốc gia, pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng phải đảm bảo những cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà mỗi quốc gia là thành viên; vì vậy, việc nghiên cứu dưới góc độ luật học so sánh nhiều khía cạnh khác nhau về các vấn đề của pháp luật Việt Nam cũng như các nước trong khu vực và trên thế giới có ý nghĩa chính trị, pháp lý và xã hội sâu sắc

Về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội: Theo tinh thần của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, và Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em thì hình phạt tử hình hoặc tù chung thân sẽ không được áp dụng với những người dưới 18 tuổi ở thời điểm

thực hiện hành vi phạm tội. Hầu hết các quốc gia quy định là không áp dụng hình phạt tù chung thân và tử hình đối với NCTN phạm tội; ví dụ: BLHS Liên bang Nga quy định: “*Không áp dụng tù chung thân đối với người chưa đủ 18 tuổi*” và “*Tử hình không áp dụng đối với người chưa đủ 18 tuổi*”. BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: “*Tử hình chỉ được áp dụng đối với những người phạm tội nghiêm trọng nhất trừ người phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi khi xét xử*”. BLHS Việt Nam năm 1999 cũng có quy định “*Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với NCTN phạm tội*”. Tuy nhiên, trên thế giới vẫn còn một số nước duy trì hình phạt tử hình đối với NCTN phạm tội, không có sự phân biệt giữa hình phạt dành cho người thành niên phạm tội và NCTN phạm tội (một số nước Hồi giáo). Có thể thấy, pháp luật hình sự Việt Nam nhân đạo và đã có sự tương đồng với xu thế chung của thế giới trong việc lựa chọn, xây dựng, áp dụng nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội, thể hiện sự tương thích ở mức độ tương đối trong quy định về trách nhiệm hình sự của NCTN phạm tội.

Về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em quy định: “*Trong phạm vi của công ước này trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng với trẻ em đó quyết định tuổi vị thành niên sớm hơn*”, hoặc những Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên hợp quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do có quy định: “*Những NCTN là người dưới 18 tuổi*”. Tuy nhiên, mỗi quốc gia đều lựa chọn cho mình một độ tuổi thích hợp để áp dụng, tùy thuộc vào hoàn cảnh, tính chất, vị trí địa lý, đặc điểm, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục, tập quán, văn hoá của Quốc gia mình.

Một số nước trên thế giới như Nhật Bản, Liên bang Nga quy định hành vi của người dưới 14 tuổi không bị xử phạt và NCTN là người lúc thực hiện tội phạm đã đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi. BLHS Việt Nam quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự của NCTN là từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Tuy

nhiên, một số quốc gia xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam (Singapo xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 07 tuổi; Indônêxia xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 08 tuổi; Anh xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 10 tuổi; Trung Quốc xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 12 tuổi; Pháp xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 13 tuổi). Trong khi đó, một số quốc gia quy định độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với Việt Nam (Lào xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 15 tuổi; Cuba xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 16 tuổi; Braxin xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 18 tuổi). Điều này cho thấy sự khác biệt rất lớn trong quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự của NCTN phạm tội của các quốc gia trên thế giới. Việc khác nhau như vậy là do mỗi quốc gia có truyền thống lịch sử, văn hóa, quan niệm về đạo đức, phong tục, tập quán khác nhau. Mặt khác, còn do sự phát triển không đồng đều về kinh tế, chính trị, xã hội, sự khác biệt về đặc điểm sinh học của từng chủng người cũng như CSHS và yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ở mỗi quốc gia. Các quốc gia có quyền lựa chọn độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Liên Hợp quốc vẫn khuyến khích các nước nâng cao độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự nhằm phát huy tinh thần nhân đạo trong xử lý NCTN phạm tội.

Hệ thống hình phạt chính áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội: Hình phạt là chế tài quan trọng nhằm thể hiện sự giáo dục và trừng trị các hành vi nguy hiểm cho xã hội. Mỗi quốc gia xây dựng cho mình một hệ thống hình phạt khác nhau nhằm áp dụng phù hợp đối với từng loại tội phạm. Đối với NCTN phạm tội, hệ thống hình phạt chính được áp dụng thường ít hơn và nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội. Có thể thấy các quốc gia đều tuân thủ và thực hiện một nguyên tắc chung đó là nguyên tắc nhân đạo trong xử lý NCTN phạm tội.

Đối với một số quốc gia, quy định về hình phạt chính áp dụng cho NCTN cũng có một số điểm tương đồng với BLHS Việt Nam. BLHS Liên

bang Nga, quy định về các loại hình phạt đối với NCTN gồm: *Phạt tiền; Tước quyền tiến hành hoạt động nhất định; Lao động cải tạo; Lao động bắt buộc; Phạt giam; Phạt tù có thời hạn*". Có thể thấy, BLHS Liên bang Nga quy định các hình phạt chủ yếu nhằm mục đích giáo dục và cải tạo NCTN phạm tội, hình thành cho họ ý thức lao động, ý thức về hành vi phạm tội cũng như hậu quả mà họ gây nên. Các hình phạt đưa ra đối với đối tượng này phải đảm bảo tính chất vừa nhân đạo, vừa giáo dục, giúp đỡ hơn là trừng phạt, phù hợp với việc xác định NCTN là một đối tượng đặc biệt trong hoạt động tư pháp.

BLHS Nhật Bản quy định hình phạt áp dụng đối với NCTN bao gồm *"Tử hình; Tù có lao động bắt buộc; Tù không có lao động bắt buộc; Phạt tiền; Phạt giam hình sự; Phạt tiền về tội hình sự nhỏ; Phạt giam vì không nộp đủ tiền phạt"*. Theo quy định trên thì hình phạt tử hình được áp dụng đối với NCTN phạm tội và đây là điểm khác biệt giữa BLHS Nhật Bản với BLHS các nước, trong đó có Việt Nam.

BLHS Lào quy định các hình phạt chính áp dụng đối với NCTN bao gồm: *Phê bình công khai; Phạt cải tạo không giam giữ; Tù giam*. Điểm tương đồng của BLHS Lào và BLHS Việt Nam về quy định hình phạt chính áp dụng cho NCTN phạm tội là hình phạt cải tạo không giam giữ. BLHS Lào quy định phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội. Chỉ trong những trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật mới được xem là hình phạt chính. BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định hệ thống hình phạt chính áp dụng đối với NCTN, bao gồm: *Quản chế; Phạt giam hình sự; Phạt tù*. BLHS của Cộng hòa Pháp quy định hình phạt áp dụng đối với NCTN bao gồm: *Phạt tù; Phạt tiền, phạt tiền theo ngày, lao động công ích; Tước hoặc hạn chế quyền nhất định*. BLHS của Cộng hòa Liên bang Đức quy định hình phạt áp dụng đối với NCTN bao gồm: *Phạt tù; Phạt tiền; Phạt tài sản*.

Thông qua việc so sánh hệ thống hình phạt chính áp dụng đối với NCTN phạm tội ở một số quốc gia, có thể nhận thấy hầu như các quốc gia khi quy định hình phạt đối với NCTN phạm tội đều áp dụng hai loại hình phạt là: phạt

tiền và phạt tù. Hầu hết các quốc gia đều lựa chọn đây là hình phạt chính để xử lý NCTN phạm tội. Có thể thấy, đây là hai loại hình phạt đặc trưng và phổ biến nhất, là những hình phạt gắn liền khi xây dựng hệ thống chế tài hình sự ở một quốc gia.

Về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội: Việc quyết định hình phạt bao giờ cũng phải xuất phát từ tính nhân đạo, coi mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội là chủ yếu. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, quy định của pháp luật hình sự ở các quốc gia đều cân nhắc việc giảm nhẹ đặc biệt nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho NCTN.

BLHS Liên bang Nga quy định tương ứng với mỗi hình phạt có một chế tài áp dụng khác nhau, trong đó quy định: *“Phạt tù được quyết định đối với người bị kết án chưa thành niên với thời hạn không quá 10 năm”*. BLHS Việt Nam quy định mức phạt tù đối với NCTN từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là không quá 18 năm; NCTN từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là không quá 12 năm. Điều này cho thấy tính chất nghiêm khắc hơn của Bộ luật Hình sự Việt Nam so với BLHS Liên bang Nga. Tuy nhiên, đối với hình phạt tiền cả hai BLHS đều có điểm tương đồng vì xuất phát từ nguyên tắc: *“Phạt tiền chỉ áp dụng trong trường hợp NCTN có thu nhập hoặc tài sản riêng”* (BLHS Liên bang Nga) và *“Phạt tiền được áp dụng đối với NCTN phạm tội... nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng”* (BLHS Việt Nam).

Trong BLHS Liên bang Nga cũng có quy định về áp dụng biện pháp giáo dục bắt buộc đối với NCTN phạm tội. Tương đồng với BLHS Việt Nam quy định các biện pháp tư pháp (Điều 70). Bản chất của biện pháp giáo dục hay biện pháp tư pháp đều cùng chung mục đích là nhằm giáo dục NCTN, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ trong trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải áp dụng hình phạt chính.

BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu TNHS về một số tội phạm nhất định và ngay cả đối với những tội này thì khi quyết định hình phạt Tòa án cũng giảm nhẹ hình phạt

cho họ. Điều 17 BLHS quy định “*Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, cố ý gây thương tích nặng, vô ý gây thương tích nặng hoặc gây chết người, hiếp dâm, cướp, buôn bán ma túy, đốt nhà, phá hoại, đầu độc. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi sẽ bị xử theo khung hình phạt nhẹ hơn hoặc được giảm nhẹ hình phạt*”. Do không chỉ rõ giới hạn giảm nhẹ hình phạt áp dụng cho NCTN phạm tội dễ dẫn đến tình trạng tùy tiện trong áp dụng nhưng đã thể hiện đúng nguyên tắc nhân đạo trong đường lối xử lý khi quyết định hình phạt cho người chưa thành niên với mức nhẹ hơn so với khung bình thường.

Như vậy, có thể thấy rằng tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế xã hội, lịch sử lập pháp, truyền thống và các yếu tố về tâm sinh lý của con người, cũng như về tình hình tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên mà ở mỗi quốc gia có những quy định về độ tuổi, mức độ chịu trách nhiệm hình sự, cách thức xử lý hành vi phạm tội, hình phạt... đối với NCTN khác nhau. Tuy nhiên, mục đích xem xét, xử lý hành vi phạm tội của NCTN nhằm tạo điều kiện tốt nhất để các em sửa chữa sai lầm, phấn đấu trở thành người có đức, có tài giúp ích cho xã hội. Pháp luật của các nước đều hướng tới bảo vệ quyền con người của NCTN.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Vấn đề NCTN phạm tội là một vấn đề được các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đặc biệt quan tâm. Những quy định trong các văn bản pháp luật quốc tế cũng như văn bản pháp luật Việt Nam đã căn cứ vào sự phát triển về thể chất và tinh thần của con người theo độ tuổi để lấy độ tuổi làm ranh giới xác định NCTN và người đã thành niên. Theo đó, NCTN là người chưa đủ 18 tuổi.

Trong quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành thì NCTN phạm tội chỉ bao gồm các đối tượng ở hai nhóm tuổi sau:

- Người từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm, bất kể đó là loại tội phạm gì và được thực hiện với bất kỳ lỗi gì;

- Người từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Đối với người từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng nhưng với lỗi vô ý thì sẽ không bị coi là có tội và không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án phải căn cứ vào các quy định tại Chương X của BLHS hiện hành và Chương tương ứng của BLHS năm 2015. Việc quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội sẽ mang tính chất khoan hồng hơn so với người đã thành niên phạm tội. BLHS hiện hành cũng như BLHS năm 2015 đã quy định những giới hạn cụ thể của từng loại hình phạt và cách thức quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội phải hướng đến mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Thông qua việc nghiên cứu, so sánh pháp luật hình sự nói chung cũng như pháp luật đối với NCTN phạm tội giữa Việt Nam với một số Quốc gia trên thế giới có thể nhận ra được những điểm giống và khác nhau cơ bản giữa pháp luật hình sự Việt Nam với pháp luật hình sự một số quốc gia về vấn đề trách nhiệm hình sự của NCTN; làm sáng tỏ CSHS và nguyên tắc xử lý ở mỗi quốc gia đối với NCTN phạm tội, từ đó đưa ra nhận xét về ưu, nhược điểm trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam so với pháp luật hình sự các nước trên thế giới, nhằm đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện CSHS đối với NCTN ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3

**KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
PHẠM TỘI VÀ THỰC TIỄN QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI
NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

3.1. Khái quát tình hình người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn vừa qua, tình hình tội phạm do NCTN thực hiện diễn biến rất phức tạp với số lượng các vụ phạm tội ngày càng gia tăng và tính chất nguy hiểm cho xã hội cũng ngày càng nghiêm trọng. Số bị cáo đã bị Tòa án các cấp tại TPHCM đưa ra xét xử và tuyên bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật trong những năm vừa qua được thể hiện qua các số liệu thống kê tổng số NCTN phạm tội do TAND TPHCM và TAND của 24 quận, huyện trên địa bàn TPHCM xét xử như sau:

Bảng 1.1. Tổng hợp số NCTN phạm tội ở TPHCM giai đoạn 2007 - 2014

Stt	Năm	Tổng số	Thành phố		Quận, huyện	
			SL	%	SL	%
1	2007	585	58	9.9	527	90.1
2	2008	675	99	14.7	576	85.3
3	2009	850	146	17.2	704	82.8
4	2010	773	120	15.5	653	84.5
5	2011	788	108	13.7	680	86.3
6	2012	838	127	15.2	711	84.8
7	2013	859	130	15.1	729	84.9
8	2014	867	145	16.9	722	83.1
6	Tổng hợp	6235	933	14.9	5302	85.1

Nguồn: Thống kê hoạt động xét xử các VAHS của Tòa án nhân dân TPHCM

Những tội phạm cụ thể do NCTN thực hiện được thể hiện cụ thể ở bảng thống kê sau đây:

Bảng 1.2. Tổng hợp THTP theo tội danh NCTN thực hiện bị xét xử trong giai đoạn 2007 - 2014

Stt	Tội danh	Tổng số	Tỷ lệ %
1	Cướp tài sản, Cướp giạt tài sản	2910	46.7
2	Trộm cắp tài sản	1507	24.2
3	Các tội phạm về ma túy	722	11.6
4	Cố ý gây thương tích	586	9.4
5	Giết người	211	3.4
6	Các tội khác	131	2.1
7	Tội đua xe trái phép, tổ chức đua xe trái phép	87	1.4
8	Hiếp dâm	81	1.3

Nguồn: Thống kê hoạt động xét xử các VAHS của Tòa án nhân dân TPHCM

Từ bảng tổng hợp về các tội danh NCTN bị xét xử từ 2007 - 2014 ở trên, có thể thấy rằng: Các tội phạm cụ thể do NCTN thực hiện chiếm tỷ lệ cao là tội cướp, cướp giạt tài sản; trộm cắp tài sản; các tội về ma túy; cố ý gây thương tích; giết người. Việc NCTN thực hiện những tội phạm nêu trên là một thực trạng đáng lo ngại cho tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn TPHCM. Số liệu thống kê cũng cho thấy những năm qua tình trạng NCTN phạm tội có sử dụng bạo lực phát triển mạnh. Những hành vi cướp, cướp giạt, cố ý gây thương tích, giết người, hiếp dâm..., ngày càng phổ biến với số vụ phạm tội tăng cao theo thời gian và tính chất nguy hiểm cho xã hội ngày càng nghiêm trọng.

Căn cứ vào độ tuổi của NCTN phạm tội mà THTP do NCTN thực hiện được chia thành hai nhóm: THTP do NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện và THTP do NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện.

Kết quả thống kê số liệu NCTN phạm tội theo độ tuổi được thể hiện ở Bảng 1.3 dưới đây:

Bảng 1.3. Tổng hợp số NCTN phạm tội theo độ tuổi từ 2007 - 2014

Stt	Năm	TS	Độ tuổi			
			Tuổi 14-16		Tuổi 16-18	
			SL	%	SL	%
1	2007	585	37	6.3	548	93.7
2	2008	675	48	7.1	627	92.9
3	2009	850	74	8.7	776	91.3
4	2010	773	62	8.0	711	92.0
5	2011	788	103	13.1	685	86.9
6	2012	838	87	10.4	751	89.6
7	2013	859	83	9.7	776	90.3
8	2014	867	89	10.3	778	89.7
9	Tổng hợp	6235	583	9.4	5652	90.6

Nguồn: Thống kê hoạt động xét xử các VAHS của Tòa án nhân dân TPHCM

Từ bảng thống kê 1.3 ở trên, có thể nhận thấy:

- **Năm 2007** có 585 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 37 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 6.3%; 548 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 93.7%.

- **Năm 2008** có 675 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 48 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 7.1%; 627 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 92.9%.

- **Năm 2009** có 850 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 74 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 8.7%; 776 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 91.3%.

- **Năm 2010** có 773 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 62 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 8%; 711 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 92%.

- **Năm 2011** có 788 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 103 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 13.1%; 685 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 86.9%.

- **Năm 2012** có 838 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 87 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 10.4%; 751 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 89.6%.

- **Năm 2013** có 859 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 83 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 9.7%; 776 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 90.3%.

- **Năm 2014** có 867 trường hợp NCTN phạm tội, trong đó có 89 trường hợp từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chiếm 10.3%; 778 trường hợp từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, chiếm 89.7%.

Như vậy, đa số NCTN phạm tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi (90.6%). Đây là độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm (khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999). Tuy nhiên điều đáng chú ý là số NCTN phạm tội từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi cũng chiếm tỷ lệ đáng kể (9.4%). Điều đó cho thấy những hành vi phạm tội mà độ tuổi này vi phạm là cố ý. Thực trạng này thật sự đáng lo ngại.

Đồng thời, chúng ta có thể thấy được THTP do NCTN thực hiện trên địa bàn TPHCM trong giai đoạn vừa qua có tính chất nghiêm trọng. Tính chất nghiêm trọng đó thể hiện ở một số đặc điểm sau đây:

- Thứ nhất, trong nhiều trường hợp, NCTN thực hiện các tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng mà BLHS quy định. Trong những tội phạm mà NCTN thực hiện thì các tội phạm chiếm tỷ lệ cao là: Cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản. Bên cạnh đó, các tội phạm mang tính bạo lực, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm người khác như: Giết người, cố ý gây thương tích, hiếp dâm... ngày càng có chiều hướng gia tăng. Đặc biệt là trường hợp trong cùng một vụ án, NCTN thực hiện nhiều hành vi phạm tội khác nhau mà mức độ nguy hiểm cho xã hội của mỗi hành vi là rất cao như trường hợp của Nguyễn Văn Dương thực hiện cùng lúc ba hành vi hiếp dâm, giết người và cướp tài sản trong cùng một vụ án xảy ra ngày 19/10/2010 tại TPHCM. Theo cáo trạng của VKSND TPHCM thì Nguyễn Văn Dương (sinh năm 1993, cư ngụ ở Vũng Tàu) cùng vợ (không đăng ký kết hôn) thuê nhà trọ ở cùng với dì vợ (27 tuổi) và em vợ tại quận Bình Tân để đi làm công nhân. Sáng ngày 19/10/2010, vợ gọi dậy đi làm nhưng Dương bảo mệt không đi được. Dì vợ thấy thế cần nhắn: “Mày làm mà nghỉ hoài sao khá nổi” khiến Dương tức giận. Khi chỉ còn dì vợ ở nhà, Dương nằm trên gác nghe tiếng nước chảy. Biết dì đang tắm, Dương xé lớp keo dán san gỗ rồi nhìn qua khe hở. Nảy sinh ý định tà dâm, Dương lấy con dao nhọn đứng chờ ngoài cửa nhà tắm. Khi dì vợ bước ra, Dương kề dao vào cổ dì và hỏi: “Hồi này bà chửi tôi cái gì?”. Quá sợ hãi, dì vợ của Dương la lên rồi chạy ra phía cửa phòng nhưng bị Dương kéo lại bóp cổ cho bất tỉnh rồi thực hiện hành vi giao cấu. Khi dì vợ tỉnh dậy chửi mắng, Dương siết cổ nạn nhân cho đến chết. Sau đó Dương đi mua thùng xốp đựng nước đá về bỏ xác dì vợ vào. Sau khi lột hết nữ trang của nạn nhân đem bán, Dương gọi xe ba gác chở thùng xốp đón xe về miền Tây phi tang. Với ý định vứt xác nạn nhân sang cồn bên kia tỉnh Vĩnh Long, Dương thuê hai xe ôm chở mình và thùng xốp xuống bến đò. Hai người xe ôm hỏi thì Dương bảo thùng thịt rừng mang giao cho khách. Thấy Dương bỏ thùng xốp ở cồn vắng rồi thuê chở tiếp ra cầu Mỹ Thuận, hai tài xế xe ôm

nghi ngờ. Một người xe ôm quay lại kiểm tra và phát hiện trong thùng xốp là xác một người phụ nữ. Sau đó hai tài xế xe ôm tìm cách liên hệ lực lượng dân phòng tại trạm thu phí cầu Mỹ Thuận bắt Dương giao cho công an. Ngày 22/09/2011, TAND TP HCM đưa vụ án ra xét xử và tuyên mức án 18 năm tù đối với Nguyễn Văn Dương cho cả ba tội danh hiếp dâm, giết người và cướp tài sản vì khi thực hiện những hành vi này, Dương chưa đủ 18 tuổi. Đây là mức án cao nhất áp dụng với NCTN phạm tội” [73].

- Thứ hai, nhiều vụ án do NCTN thực hiện có dấu hiệu đồng phạm với thủ đoạn nguy hiểm cùng với phương thức thực hiện rất tinh vi, xảo quyệt. Các tội phạm mang tính chất nguy hiểm cao, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe con người như: Tội cướp tài sản, tội giết người,...do NCTN thực hiện đều có dấu hiệu đồng phạm. Chẳng hạn như trường hợp phạm tội sau đây: Theo cáo trạng VKSND quận Tân Phú, khoảng hơn 19h ngày 27/05/2009, Dương Hồng Lâm (SN 1994) điều khiển xe gắn máy biển số 51T8-8758 đến tiệm Internet số 57 Lương Trúc Đàm, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú gặp Võ Chí Khanh (SN 1994), Trần Gia Khanh (SN 1994), Sầu A Thuận (SN 1990) cùng rủ nhau đi chơi trên hai xe máy. Khi cả bốn đến đường Nguyễn Sơn thì gặp Hồ Minh Quân (SN 1994), Lai Đông Hưng (SN 1993), Lâm liền rủ cả nhóm lấy dao, mã tấu đi chém nhóm của Đào Duy Quang (SN 1991) vì trước đó hai ngày có mâu thuẫn với Lâm. Cả nhóm đồng ý, Chí Khanh liền gọi cho Ngô Tấn Đạt (SN 1992) ngụ tại 106/22 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú nói Đạt đưa 03 cây dao mã tấu mà Chí Khanh gửi trước đó. Lâm chở Hưng, Quân chở Thuận, Gia Khanh chở Chí Khanh trên 03 xe máy đến hẻm nhà Đạt, Đạt mang ra 03 cây dao mã tấu đưa cho Chí Khanh. Chí Khanh cầm 01 cây dao mã tấu (của Lâm dài khoảng 80 cm, cán màu trắng, lưỡi răng cưa, đầu nhọn), 02 cây dao mã tấu còn lại thì đưa cho Hưng, Thuận mỗi người 01 cây. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày khi cả bọn đến quán chè trước nhà số 83 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Lâm

thấy Đào Duy Quang ngồi ăn chè cùng nhóm nên la lên “Nó kia, chém nó”. Cả bọn nhảy xuống xe, Hưng, Chí Khanh cầm dao mã tấu đến chém Quang nhưng Quang chạy thoát. Nguyễn Minh Tiến là bạn của Quang hoảng sợ bỏ chạy nhưng bị té ngã, Chí Khanh chạy đến chém 02 nhát vào lưng và đầu gối của Tiến, Hưng chém 02 nhát vào cẳng tay phải của Tiến làm Tiến bất tỉnh, cả bọn ra xe chạy thoát. Ngày 27/09/2011, TAND quận Tân Phú đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt Dương Hồng Lâm, Trần Gia Khanh 02 năm 06 tháng tù; Hồ Minh Quân 02 năm tù; Lai Đông Hưng, Sầu A Thuận, Võ Chí Khanh 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” [73].

- Cuối cùng, các tội phạm do NCTN thực hiện tại TPHCM đã gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng. Hậu quả đó không chỉ thể hiện trực tiếp ở những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, tài sản bị hành vi phạm tội xâm hại mà còn thể hiện ở các thiệt hại phi vật chất như thiệt hại về tình hình trật tự, an toàn xã hội, về an ninh chính trị...trên địa bàn TPHCM. Quan trọng hơn, hành vi phạm tội của NCTN còn đe dọa đến sự phát triển của thế hệ trẻ - nguồn lực quan trọng của quốc gia.

Tóm lại, dựa trên những số liệu thống kê cũng như thông qua sự phân tích, nhận xét, đánh giá cụ thể nêu trên, THTP do NCTN thực hiện trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2007 - 2014 có những đặc điểm như sau:

- Số lượng NCTN phạm tội ngày càng gia tăng. Nếu như năm 2007 chỉ có tổng cộng 585 NCTN phạm tội bị xét xử trên toàn địa bàn TPHCM thì đến năm 2014 có tới 867 NCTN phạm tội bị xét xử với tỷ lệ gia tăng là 48,2% sau 08 năm;

- Tội phạm do NCTN thực hiện có xu hướng bạo lực cao, tính chất và mức độ rất phức tạp, nguy hiểm với các tội phạm như giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích, cướp giật tài sản luôn chiếm tỷ trọng lớn;

- NCTN phạm tội đa số là nam giới với độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi và hầu hết đều thực hiện hành vi tội phạm khi đang ở trong quá trình học tập tại nhà trường;

- Thiệt hại do hành vi phạm tội của NCTN gây ra là rất lớn, bao gồm cả thiệt hại về thể chất (tính mạng, sức khỏe con người), thiệt hại về vật chất (tài sản) và cả thiệt hại phi vật chất (nhân phẩm con người, an toàn, trật tự công cộng...).

3.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh

Một trong những nhiệm vụ quan trọng được đặt ra nhằm để góp phần đấu tranh có hiệu quả trong công tác phòng ngừa và chống tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn TPHCM là hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của Tòa án. Hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội không chỉ nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật mà còn phải đảm bảo được mục đích giáo dục NCTN phạm tội. Thông qua hoạt động quyết định hình phạt, Tòa án phải giúp cho NCTN nhận thức được tính nguy hiểm trong hành vi phạm tội của mình cũng như nhận thức được những hậu quả nghiêm trọng do hành vi của mình gây ra cho người khác, cho xã hội để từ đó họ sửa chữa những sai lầm, trở thành những công dân có ích cho xã hội. Nếu hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án chỉ mang tính chất trừng trị hành vi của NCTN phạm tội thì sẽ không đảm bảo được mục đích phòng ngừa đối với đối tượng này. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án cần tránh tình trạng quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ, không phù hợp với các chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta về NCTN phạm tội.

Trong giai đoạn 2007 – 2014, có tổng cộng 6235 bị cáo là NCTN đã bị đưa ra xét xử, trong đó TAND TPHCM xét xử 933 bị cáo (tỷ lệ 14,9%) và TAND của 24 quận, huyện trên địa bàn TPHCM xét xử tổng cộng 5302 bị

cáo (tỷ lệ 85,1%). Căn cứ vào số liệu thống kê do TAND TPHCM tổng hợp về kết quả xét xử đối với NCTN phạm tội trong giai đoạn 2007 – 2014 thì việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM trong thời gian qua đã được thực hiện như sau:

Stt	Năm	Tổng số	Kết quả xét xử											
			CTKGG		Án treo		Dưới 3 năm tù		Từ 3-7 năm tù		Từ 7-15 năm tù		Từ 15-18 năm tù	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2007	585	0	0	149	25.5	375	64.1	49	8.4	9	1.5	3	0.5
2	2008	675	2	0.3	195	28.9	418	62.2	48	7.1	8	1.2	4	0.6
3	2009	850	1	0.1	115	13.5	552	64.9	142	16.7	28	3.3	12	1.4
4	2010	773	4	0.5	126	16.3	535	69.2	95	12.3	8	1.0	5	0.6
5	2011	788	2	0.1	160	20.3	486	61.7	108	13.7	22	2.8	10	1.3
6	2012	838	3	0.4	160	19.1	569	67.8	81	9.7	19	2.3	6	0.7
7	2013	859	4	0.5	157	18.2	575	66.8	97	11.2	17	1.9	9	1.4
8	2014	867	3	0.3	165	19.1	577	66.6	95	10.9	20	2.3	7	0.8
9	Tổng hợp	6235	19	0.3	1227	19.8	4087	65.4	715	11.5	131	2.1	56	0.9

Nguồn: Thống kê hoạt động xét xử các VAHS của Tòa án nhân dân TPHCM

Kết quả thống kê nêu trên cho thấy:

- **Năm 2007 có 585 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử**, trong đó không có trường hợp nào áp dụng hình phạt CTKGG; 149 trường hợp án treo, chiếm 25.5%; 375 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 64.1%; 49 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 8.4%; 09 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù giam, chiếm 1.5% và 03 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 0.5%.

- **Năm 2008 có 675 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử**, trong đó có 02 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG, chiếm 0.3%; 195

trường hợp án treo, chiếm 28.9%; 418 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 62.2%; 48 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 7.1%; 08 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù, chiếm 1.2% và 04 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 0.6%.

- **Năm 2009 có 850 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử**, trong đó có 01 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG, chiếm 0.1%; 115 trường hợp án treo, chiếm 13.5%; 552 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 64.9%; 142 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 16.7%; 28 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù, chiếm 3.3% và 12 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 1.4%.

- **Năm 2010 có 773 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử**, trong đó có 04 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG, chiếm 0.5%; 126 trường hợp án treo, chiếm 16.3%; 535 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 69.2%; 95 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 12.3%; 08 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù, chiếm 1.0% và 05 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 0.6%.

- **Năm 2011 có 788 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử**, trong đó có 02 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG, chiếm 0.1%; 160 trường hợp án treo, chiếm 20.3%; 486 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 61.7%; 108 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 13.7%; 22 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù, chiếm 2.8% và 10 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 1.3%.

- **Năm 2012 có 838 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử**, trong đó có 03 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG, chiếm 0.4%; 160 trường hợp án treo, chiếm 19.1%; 569 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 67.8%; 81 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 9.7%; 19 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù, chiếm 2.3% và 06 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 0.7%.

- Năm 2013 có 859 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử, trong đó có 04 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG, chiếm 0.5%; 157 trường hợp án treo, chiếm 18.2%; 575 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 66.8%; 97 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 11.2%; 17 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù, chiếm 1.9% và 09 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 1.4%.

- Năm 2014 có 867 trường hợp NCTN phạm tội bị đưa ra xét xử, trong đó có 03 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG, chiếm 0.3%; 165 trường hợp án treo, chiếm 19.1%; 577 trường hợp bị kết án dưới 03 năm tù giam, chiếm 66.6%; 95 trường hợp bị kết án từ 03 đến dưới 07 năm tù giam, chiếm 10.9%; 20 trường hợp bị kết án từ 07 đến dưới 15 năm tù, chiếm 2.3% và 07 trường hợp bị kết án từ 15 đến 18 năm tù giam, chiếm 0.8%.

Như vậy, trong 08 năm qua, hình phạt ít áp dụng nhất là CTKGG (chỉ có 19 trường hợp áp dụng hình phạt CTKGG trong 6235 trường hợp NCTN phạm tội) trong khi các trường hợp còn lại thì Tòa án áp dụng án treo và hình phạt tù. Trong đó mức án phổ biến nhất là phạt tù dưới 03 năm (65.4%). Các mức án nặng hơn từ 03 - 07 năm vẫn được áp dụng (11.5%) và đặc biệt vẫn còn 2.1% và 0.9% NCTN phạm tội bị kết án ở mức từ 07 - 15 năm và 15 - 18 năm.

Căn cứ vào thực tiễn quyết định hình phạt của Tòa án trên địa bàn TPHCM, có thể nhận thấy là hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng vẫn còn tồn tại một số vướng mắc cần khắc phục, cụ thể như sau:

3.2.1. Một số kết quả đã đạt được trong hoạt động quyết định hình phạt đối với do người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội trong thời gian qua tại TPHCM nhìn chung là đúng quy định của pháp luật, hầu như không phát hiện thấy sai sót ảnh hưởng nghiêm trọng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN. Việc áp dụng hình phạt và các quy

tắc quyết định hình phạt đối với NCTN của Tòa án đều đúng với các căn cứ được quy định trong pháp luật hình sự.

Thứ hai, khi quyết định hình phạt đối với NCTN thì Tòa án cũng đã thực hiện đúng chính sách hình sự của Nhà nước ta là nhân đạo và khoan hồng đối với NCTN nên mức hình phạt được áp dụng thường nằm ở mức thấp nhất hoặc dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Chẳng hạn như một số trường hợp sau đây:

- Theo bản án số 741/2007/HSST ngày 31/7/2007 của TAND TP HCM thì bị cáo Trần Doãn Minh (sinh ngày 20/01/1990) đã có hành vi cướp giật tài sản vào ngày 28/02/2007, cấu thành tội phạm tại khoản 2 Điều 136 BLHS với khung hình phạt từ ba năm đến mười năm tù. Trong trường hợp này, TAND TP HCM đã tuyên án với bị cáo Minh là 2 năm 6 tháng tù, là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định.

- Bị cáo Dương Văn Tài sinh ngày 11/5/1991 đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà Phạm Thị Tô Quyên vào ngày 25/02/2007. Do tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 81.000.000 đồng nên hành vi vừa bị cáo cấu thành tội cướp giật tài sản tại khoản 2 Điều 136 BLHS với khung hình phạt từ ba năm đến mười năm tù. Theo bản án số 106/2008/HSST ngày 20/5/2008 của TAND TP HCM thì bị cáo Tài bị tuyên hình phạt là 03 năm tù, bằng với mức thấp nhất của khung hình phạt.

Cuối cùng, trong việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án đã chú trọng đến khả năng tự cải tạo, giáo dục của người phạm tội cũng như mở rộng việc giúp đỡ người phạm tội sửa chữa sai lầm cho gia đình và xã hội. Vì vậy, trong nhiều trường hợp, Tòa án đã áp dụng án treo nhằm để giúp cho NCTN không bị cách ly khỏi xã hội mà vẫn có khả năng tự cải tạo mình. Theo số liệu thống kê nêu trên thì trong tổng số 6235 bị cáo là NCTN bị xét xử thì có đến 1227 bị cáo được cho hưởng án treo, chiếm tỷ lệ 19,8%. Đối với hình phạt không tước tự do của người phạm tội như hình phạt cải tạo

không giam giữ cũng đã được Tòa án áp dụng đối với NCTN phạm tội dù số lượng bị cáo được áp dụng là tương đối ít (có 19/6235 trường hợp được áp dụng, chiếm tỷ lệ 0,3%).

3.2.2. Một số vướng mắc còn tồn tại trong hoạt động quyết định hình phạt đối với do người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh

Tuy hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội tại TPHCM không có sai sót nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN nhưng vẫn còn tồn tại một số vướng mắc cần phải khắc phục, bao gồm:

Thứ nhất, trong một số trường hợp, việc quyết định hình phạt của TAND tại TPHCM đối với NCTN phạm tội là quá nhẹ so với quy định tại khung hình phạt của điều luật. Tuy mức hình phạt mà Tòa án tuyên đối với bị cáo trong những trường hợp này nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước nhưng việc quyết định mức hình phạt như các trường hợp sau đây là không đúng với căn cứ được quy định trong pháp luật hình sự:

- Bị cáo Lê Hoàng Phúc (17 tuổi) phạm tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 BLHS (khung hình phạt từ ba năm đến mười năm tù), bị TAND Quận 9 - TPHCM áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 68, Điều 69, Điều 74 BLHS tuyên phạt 02 năm tù (không áp dụng Điều 47 BLHS) (bản án hình sự sơ thẩm 72/2011/HSST ngày 27/5/2011 của TAND Quận 9 - TPHCM). Như vậy, Tòa án đã thực hiện việc quyết định hình phạt tù theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP, quyết định hình phạt dành cho bị cáo Phúc bằng ba phần tư mức hình phạt đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng (Điều 74). Trong trường hợp này, Tòa án đã quyết định hình phạt nhẹ hơn chế tài (dưới mức tối thiểu là ba năm tù theo quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS) mà không áp dụng Điều 47 BLHS. Tuy nhiên, Điều 74 chỉ không chế mức tối đa của hình phạt tù được áp dụng đối với NCTN phạm tội mà không quy định mức tối thiểu được áp dụng là

bao nhiêu. Do đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải xác định mức thấp nhất của hình phạt được áp dụng theo các quy định chung. Hay nói cách khác, vì quy định riêng dành cho NCTN phạm tội không quy định về giới hạn tối thiểu nên muốn quyết định hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt của điều luật thì cần thỏa mãn quy định chung tại Điều 47 BLHS. Nếu Tòa án không áp dụng Điều 47 BLHS thì Tòa án chỉ có thể quyết định hình phạt thấp nhất là 3 năm tù (mức thấp nhất quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS) mà không có quyền quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định.

- Theo bản án số 661/2007/HSST ngày 06/7/2007 của TAND TP HCM thì bị cáo Nguyễn Ngọc Mận (sinh ngày 14/4/1990) và bị cáo Phan Minh Trọng (sinh ngày 18/01/1992) đã có hành vi cắt dây dẫn điện thuộc hệ thống chiếu sáng tại khu vực đường số 42, khu Bình Phú 2, phường 10, Quận 6, TP HCM vào đêm 13/9/2006 khiến hệ thống này không hoạt động được. Theo văn bản hướng dẫn từ các cơ quan chuyên ngành thì hệ thống chiếu sáng nêu trên thuộc công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia nên hành vi của 02 bị cáo này đã cấu thành tội phạm tại khoản 1 Điều 231 BLHS với khung hình phạt từ ba năm đến mười hai năm tù. Trong trường hợp này, TAND TP HCM đã căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 231 BLHS, khoản 1 Điều 74 BLHS, khoản 5 Điều 69 BLHS, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 BLHS để tuyên phạt bị cáo Mận mức hình phạt là 1 năm 6 tháng tù. Đối với bị cáo Trọng, TAND TP HCM đã căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 231 BLHS, khoản 2 Điều 74 BLHS, khoản 5 Điều 69 BLHS, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 BLHS để tuyên phạt bị cáo này mức hình phạt là 1 năm tù. Như vậy, cả hai mức hình phạt mà TAND TP HCM đã áp dụng đối với hai bị cáo đều dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định. Việc quyết định của TAND TP HCM trong trường hợp này cũng tương tự với trường hợp quyết định hình phạt của TAND Quận 9 nêu trên, đều không áp dụng Điều 47 BLHS nhưng vẫn quyết định hình phạt dưới mức thấp

nhất của khung hình phạt. Đối với trường hợp này thì cũng có ý kiến cho rằng: Quy định tại Điều 74 BLHS không chỉ khống chế mức tối đa mà còn được áp dụng để quyết định mức hình phạt tù tối thiểu đối với NCTN phạm tội. Tuy nhiên, nếu hiểu theo quan điểm này thì việc quyết định hình phạt như trên của TAND TPHCM cũng không đúng quy định của pháp luật hình sự vì:

+ Tòa án nhân dân TPHCM căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 74 BLHS để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Mận là 1 năm 6 tháng tù. Tuy nhiên, nếu áp dụng khoản 1 Điều 74 để quyết định mức hình phạt tù tối thiểu tại khoản 1 Điều 231 BLHS thì Tòa án chỉ có thể tuyên mức thấp nhất là $\frac{3}{4} \times 3$ năm tù, tức 2 năm 3 tháng tù.

+ Tòa án nhân dân TPHCM căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 74 BLHS để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Trọng là 1 năm tù. Nếu áp dụng khoản 1 Điều 74 để quyết định mức hình phạt tù tối thiểu tại khoản 1 Điều 231 BLHS thì Tòa án chỉ có thể tuyên mức thấp nhất là $\frac{1}{2} \times 3$ năm tù, tức 1 năm 6 tháng tù.

Như vậy, tuy Điều 74 BLHS quy định không rõ ràng nhưng việc áp dụng điều luật này của Tòa án cho dù theo quan điểm có lợi nhất đối với NCTN phạm tội thì mức hình phạt Tòa án tuyên cũng không đúng quy định pháp luật. Việc quyết định hình phạt như trên tuy có lợi cho NCTN phạm tội nhưng lại không có căn cứ pháp lý nên không phù hợp với quy tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, việc quy định hình phạt đối với NCTN phạm tội quá nhẹ sẽ không đảm bảo được tính răn đe cũng như không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

Thứ hai, căn cứ vào số liệu mà TAND TPHCM thống kê về kết quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, có thể thấy được một vướng mắc hiện nay là những hình phạt không mang tính tước tự do được áp dụng quá ít so với việc áp dụng hình phạt mang tính tước tự do. Điều 71 BLHS quy định về bốn loại hình phạt chính có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội là

cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Trong những loại hình phạt này thì chỉ có hình phạt tù có thời hạn là mang tính tức tực tự do, cách ly người phạm tội ra khỏi cộng đồng xã hội còn ba loại hình phạt còn lại không hạn chế sự tự do của người phạm tội. Tuy nhiên, trong 08 năm qua, chỉ có 19 trường hợp áp dụng hình phạt không mang tính tức tực tự do và đều là hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong khi đó, có đến 6216 trường hợp NCTN phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Tuy trong những trường hợp đó, có 1227 bị cáo được cho hưởng án treo nhưng sự chênh lệch trong việc áp dụng các loại hình phạt này là quá lớn. Hai loại hình phạt là hình phạt cảnh cáo và hình phạt tiền tuy được quy định trong pháp luật hình sự nhưng Tòa án lại không áp dụng trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM.

Thứ ba, không thể áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài. Đây là vướng mắc không chỉ tồn tại trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trên địa bàn TPHCM mà còn tồn tại các địa phương khác trên cả nước. Điều 71 BLHS hiện hành khi quy định về các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội đã sử dụng thuật ngữ như sau: "*NCTN phạm tội **chỉ** bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm...*". Việc sử dụng thuật ngữ này khẳng định ngoài bốn hình phạt được quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành thì Tòa án không có quyền áp dụng bất cứ một hình phạt nào khác đối với NCTN phạm tội. Vì vậy, trong trường hợp Tòa án muốn áp dụng hình phạt trục xuất khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài thì sẽ không áp dụng được vì không có căn cứ pháp lý. Nếu Tòa án áp dụng hình phạt trục xuất với tư cách là hình phạt chính thì sẽ vi phạm quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành, còn áp dụng hình phạt trục xuất với tư cách là hình phạt bổ sung thì sẽ vi phạm nguyên tắc tại khoản 5 Điều 69 BLHS hiện hành.

3.3. Những nguyên nhân bất cập hạn chế hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn vừa qua, tuy hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của TAND các quận, huyện và TAND TPHCM đã đạt được một số kết quả tích cực nhưng vẫn còn tồn tại một số vướng mắc cần phải khắc phục.

So với BLHS hiện hành năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), BLHS năm 2015 đã có những quy định mới về nguyên tắc xử lý, về các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được miễn TNHS; về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, khi vừa áp dụng BLHS hiện hành vừa áp dụng quy định có lợi cho người chưa thành niên phạm tội tại BLHS năm 2015, hoạt động quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội ở TPHCM nói riêng và cả nước nói chung lại xuất hiện thêm một số vướng mắc mới. Chẳng hạn như khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015 đã kế thừa chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc xử lý hình sự đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội được ghi nhận trong BLHS hiện hành; đồng thời, cụ thể hóa thêm một bước theo hướng thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với đối tượng này. Tuy nhiên, có ba trường hợp đã mở rộng phạm vi trách nhiệm theo hướng nghiêm khắc hơn so với quy định của BLHS hiện hành năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Theo đó, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự cả đối với tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng thuộc 03 tội danh: (1) cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác; (2) hiếp dâm; (3) Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Nhìn chung, trong tổng thể chính sách xử lý hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi

thì quy định chưa thật sự phản ánh rõ xu hướng tiếp tục nhân đạo hóa đối với đối tượng này.

Những vướng mắc phát sinh là do có sự tác động của nhiều nguyên nhân khác nhau và những nguyên nhân này được chia thành bốn nhóm cụ thể sau đây:

3.3.1. Nguyên nhân từ bất cập trong quy định pháp luật hình sự hiện hành

Bên cạnh những quy định đã tương đối hoàn thiện thì nhiều văn bản pháp luật hình sự Việt Nam vẫn còn những bất cập trong các quy định về hình phạt cũng như những quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Một số quy định hiện nay vẫn còn nhiều thiếu sót, chưa đầy đủ hoặc quy định không rõ ràng, rất dễ dẫn đến việc áp dụng không thống nhất tại địa bàn TPHCM nói riêng và cả nước nói chung. Thực tiễn hoạt động áp dụng quy định pháp luật hình sự để quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của Tòa án trên địa bàn TPHCM trong giai đoạn vừa qua là minh chứng cụ thể nhất khi xảy ra những trường hợp quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ đối với NCTN phạm tội, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của NCTN cũng như các lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, một trong những yêu cầu cấp bách đặt ra đối với các cơ quan tiến hành tố tụng mà cụ thể là các cấp Tòa án tại TPHCM là phải xác định những bất cập, thiếu sót hiện nay trong quy định của pháp luật hình sự về hình phạt và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Đây sẽ là cơ sở để đưa ra những giải pháp khắc phục nhằm giúp cho công tác quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của Tòa án tại TPHCM nói riêng và các Tòa án trên cả nước nói chung sẽ ngày càng đạt hiệu quả cao hơn, góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do đối tượng này thực hiện. Những bất cập trong quy định pháp luật hình sự hiện hành bao gồm hai loại, đó là những bất cập trong quy định về

hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội và những bất cập trong quy định về quyết định hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội.

3.3.2. Bất cập trong quy định về hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

Hiện nay, một số điều luật tại Phần chung và Phần các tội phạm của BLHS hiện hành và BLHS năm 2015 về hình phạt vẫn còn quy định bất hợp lý, từ đó dẫn đến thực trạng là các Tòa án tại TPHCM nói riêng và cả nước nói chung thường xuyên phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội chứ không áp dụng các loại hình phạt khác. Những bất cập còn tồn tại hiện nay trong quy định của BLHS về hình phạt bao gồm:

Thứ nhất, quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 về những hình phạt có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội có nhiều điểm bất hợp lý. Theo quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 thì chỉ có bốn loại hình phạt có thể được áp dụng đối với NCTN phạm tội gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, và tù có thời hạn. Đồng thời, Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 khi quy định các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội còn sử dụng thuật ngữ như sau: "*NCTN phạm tội **chỉ** bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây...*". Việc sử dụng thuật ngữ này đã khẳng định ngoài bốn loại hình phạt được quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 thì Tòa án không có quyền áp dụng bất cứ một hình phạt nào khác đối với NCTN phạm tội. Do đó, đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài, nếu Tòa án muốn áp dụng hình phạt trục xuất theo Điều 32 BLHS hiện hành và Điều 37 BLHS năm 2015 thì sẽ vi phạm quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015.

Việc không quy định hình phạt trục xuất tại Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đối với quyền lợi của

NCTN phạm tội là người nước ngoài vì khi không có căn cứ pháp lý áp dụng hình phạt trục xuất đối với họ thì phải áp dụng các loại hình phạt khác, có thể là áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn. Trong khi đó, nếu áp dụng hình phạt trục xuất với tư cách là hình phạt chính đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài thì sẽ không áp dụng bất cứ một hình phạt nào khác đối với họ vì Tòa án chỉ được phép áp dụng duy nhất một hình phạt chính cho mỗi tội phạm được thực hiện.

Hiện nay, do sự bất hợp lý trong việc quy định hình phạt tại Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 nên đã dẫn đến thực trạng là NCTN phạm tội là người nước ngoài có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn tại Việt Nam. Việc phải chấp hành hình phạt này của NCTN phạm tội là người nước ngoài sẽ gây ra những trở ngại đối với các cơ quan có thẩm quyền như rào cản ngôn ngữ khác nhau; chế độ cải tạo, giam giữ đối với những người này; điều kiện giam giữ, sinh hoạt... Bên cạnh đó, do họ là người chưa có đầy đủ sự phát triển về cả thể chất lẫn tinh thần nên việc buộc họ phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn tại một đất nước có sự khác biệt hoàn toàn về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống với nơi mà họ được sinh ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển tâm, sinh lý bình thường của họ. Những trở ngại nêu trên khi quyết định hình phạt tù có thời hạn có thể làm giảm hoặc mất đi mục đích của các hình phạt đồng thời làm cho các cơ quan có thẩm quyền gặp khó khăn trong công tác của mình.

Thứ hai, chủ trương hiện nay của Nhà nước ta là tiết kiệm cưỡng chế hình sự, tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do, đặc biệt là đối với NCTN phạm tội thì càng phải hạn chế áp dụng hình phạt tù - loại hình phạt có tính cưỡng chế cao nhất và là hình phạt tước tự do duy nhất được áp dụng đối với NCTN phạm tội [53, tr.21]. Tuy nhiên, trong hệ thống hình phạt của Việt Nam hiện nay thì sự cách biệt về mức độ nghiêm khắc giữa hình phạt tù có thời hạn và cải tạo không giam giữ là khá lớn. Có những trường

hợp khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì quá nghiêm khắc đối với NCTN phạm tội, còn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì lại không đủ nghiêm khắc để răn đe, giáo dục hoặc không đủ điều kiện để áp dụng như NCTN không có nơi cư trú rõ ràng.

Bên cạnh đó, căn cứ theo quy định tại Điều 31 BLHS hiện hành và Điều 36 BLHS năm 2015 về điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì hình phạt này chỉ có thể áp dụng đối với người đã thành niên và NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi trở lên, chứ không thể áp dụng đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội. Theo quy định tại Điều 31 BLHS hiện hành và Điều 36 BLHS năm 2015 thì hình phạt này chỉ áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng. Trong khi đó theo quy định tại Điều 12 BLHS hiện hành và Điều 12 BLHS năm 2015 thì NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, trong trường hợp NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội và bị áp dụng hình phạt thì hình phạt mà họ bị áp dụng chỉ có thể là hình phạt tù có thời hạn chứ không thể là các hình phạt khác.

Thứ ba, BLHS Việt Nam hiện hành chỉ có 166 điều luật quy định hình phạt cải tạo không giam giữ trong chế tài xử phạt trên tổng số 276 điều luật của Phần các tội phạm trong khi hình phạt cải tạo không giam giữ có thể áp dụng cho tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều 31 BLHS. Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ có 179 điều luật quy định hình phạt cải tạo không giam giữ trong chế tài xử phạt trên tổng số 313 điều luật của Phần các tội phạm trong khi hình phạt cải tạo không giam giữ có thể áp dụng cho tội ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều 36 BLHS năm 2015. Trên thực tế có những trường hợp có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng vì BLHS không quy định hình phạt này trong chế tài nên đã làm hạn chế đi rất nhiều phạm vi áp dụng của hình

phạt này. Quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS hiện hành và Điều 249 BLHS năm 2015 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có chế tài là “phạt tù từ hai năm đến bảy năm” hoặc “phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”. Trong khi đó khoản 1 Điều 100 BLHS năm 2015 quy định “hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý”

Như vậy, khi NCTN phạm tội được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS hiện hành hoặc Điều 249 BLHS năm 2015 thì về nguyên tắc, Tòa án không thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ mà chỉ có thể phạt tù có thời hạn, mặc dù khoảng cách về mức độ nghiêm khắc giữa hai hình phạt này khá xa. Thực tế cho thấy nếu xét xử chế tài tù giam có thời hạn đối với đối tượng người chưa thành niên tàng trữ số lượng ma túy rất ít nhằm để sử dụng thỏa mãn cơn nghiện thì e rằng Tòa án không thể thực hiện được nguyên tắc đảm bảo có lợi nhất khi xét xử người chưa thành niên phạm tội. Ngoài ra, trong tổng số 145 điều luật của BLHS hiện hành và BLHS năm 2015 có quy định mức cao nhất của khung hình phạt là đến bảy năm tù thì tại khung hình phạt này lại không quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ. Do đó, không thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội nghiêm trọng mà mức cao nhất của khung hình phạt được quy định là đến bảy năm tù.

Việc chỉ quy định hai loại hình phạt là phạt tiền và tù có thời hạn dù sự chênh lệch về mức độ nghiêm khắc giữa hai loại hình phạt này là rất lớn khiến Tòa án không có nhiều lựa chọn trong việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Trong những trường hợp này, nếu NCTN phạm tội không có đủ điều kiện để được áp dụng hình phạt tiền (không có thu nhập hoặc tài sản riêng) thì Tòa án chỉ có thể áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với họ.

Như vậy, chính những bất cập nêu trên là một phần nguyên nhân dẫn đến việc hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội do các cấp Tòa án tại TP HCM thực hiện đa số là hình phạt tù có thời hạn. Những bất cập trong quy định về hình phạt của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành đã thu hẹp phạm vi áp dụng của những loại hình phạt không tước tự do so với hình phạt tù có thời hạn, từ đó dẫn đến thực trạng là Tòa án chỉ có thể áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khi tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm do NCTN thực hiện chưa đến mức cần thiết phải áp dụng hình phạt này.

3.3.3. Bất cập trong quy định về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

Bên cạnh những bất cập về hình phạt thì những quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam vẫn còn một số hạn chế nhất định dẫn đến việc áp dụng pháp luật chưa được thống nhất trên thực tế, cụ thể như sau:

Thứ nhất, bất cập trong quy định pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm một tội. Hiện nay, giới hạn quyết định hình phạt của từng loại hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội đã được quy định tương đối cụ thể. Tuy nhiên, đối với hình phạt tù có thời hạn thì Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 quy định như sau:

“ Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị phạt tù có thời hạn theo quy định sau đây:

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười tám năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;

2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức

hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.”

Quy định này vẫn còn một số điểm bất hợp lý sau đây:

- Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 sử dụng các thuật ngữ là: *"nếu điều luật..."*, *"không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định"*. Như vậy, trong trường hợp một người 15 tuổi thực hiện hành vi cướp tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 133 BLHS hiện hành có khung hình phạt từ bảy năm đến mười lăm năm tù nhưng trong điều luật quy định tại Điều 133 BLHS hiện hành vẫn có quy định hình phạt cao nhất được áp dụng là tù chung thân, tử hình (tại khoản 4 Điều BLHS hiện hành) thì việc quyết định hình phạt sẽ rất dễ nhầm lẫn. Nếu hiểu một cách máy móc thì trong trường hợp này hình phạt được áp dụng là đối với người 15 tuổi thực hiện tội phạm tại khoản 2 Điều 133 BLHS hiện hành sẽ không quá 12 năm tù vì điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân, tử hình mặc dù người này chỉ phạm tội tại khoản 2 Điều 133 BLHS hiện hành với khung hình phạt từ bảy năm đến mười lăm năm tù. Tuy nhiên, nếu quyết định hình phạt như vậy thì đây sẽ không phải là một quyết định chính xác vì trong trường hợp này, Tòa án không được quyết định hình phạt quá một phần hai mức hình phạt tù cao nhất được quy định tại khoản 2 Điều 133 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 (vì người phạm tội bị truy cứu TNHS ở khoản 2 Điều 133 BLHS hiện hành), nghĩa là chỉ được áp dụng hình phạt không quá 7 năm 6 tháng tù. Như vậy, Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 đã có sự bất hợp lý khi sử dụng hai thuật ngữ này.

- Quy định tại Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 chỉ xác định mức hình phạt có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội là *"không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định"*, *"không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định"*. Việc quy định như trên là

không rõ ràng và sẽ dẫn đến việc áp dụng không thống nhất điều luật này khi xác định mức hình phạt tối thiểu để quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Trên thực tế hiện nay có hai cách hiểu khác nhau về quy định này:

+ Cách hiểu thứ nhất: Mức hình phạt mà Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 quy định chỉ được sử dụng để không chế mức hình phạt tối đa có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội, còn mức hình phạt tối thiểu được áp dụng vẫn là mức hình phạt thấp nhất được quy định tại khung hình phạt của điều luật mà NCTN đã vi phạm. Chẳng hạn NCTN 17 tuổi thực hiện hành vi cướp tài sản tại khoản 1 Điều 133 BLHS hiện hành với khung hình phạt từ ba năm đến mười năm tù. Khi áp dụng khoản 1 Điều 74 BLHS hiện hành hoặc Điều 101 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với người này thì mức hình phạt tối đa mà Tòa án có thể quyết định là $\frac{3}{4} \times 10 \text{ năm} = 7 \text{ năm } 6 \text{ tháng}$. Còn mức hình phạt tối thiểu mà Tòa án có thể quyết định đối với người này vẫn là mức thấp nhất của khung hình phạt, tức 3 năm tù;

+ Cách hiểu thứ hai: Mức hình phạt mà Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 quy định được sử dụng để không chế mức hình phạt tối đa và cả mức hình phạt tối thiểu đối với NCTN phạm tội. Chẳng hạn như trường hợp nêu trên, NCTN 17 tuổi thực hiện hành vi cướp tài sản tại khoản 1 Điều 133 BLHS hiện hành với khung hình phạt từ ba năm đến mười năm tù. Khi áp dụng khoản 1 Điều 74 BLHS hiện hành để quyết định hình phạt đối với người này thì mức hình phạt tối đa mà Tòa án có thể quyết định là $\frac{3}{4} \times 10 \text{ năm} = 7 \text{ năm } 6 \text{ tháng}$. Còn mức hình phạt tối thiểu mà Tòa án có thể quyết định đối với người này là $\frac{3}{4} \times 3 \text{ năm} = 2 \text{ năm } 3 \text{ tháng}$.

- Mục 11.2 của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP khi hướng dẫn về trình tự quyết định hình phạt tù đối với NCTN phạm tội tại Điều 74 BLHS hiện hành có quy định: "*Trường hợp theo cách tính được hướng dẫn tại tiểu mục 11.1 mục 11 này, mà mức hình phạt tù được xác định đối với NCTN phạm tội thấp hơn mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn (ba tháng) thì*

cần áp dụng loại hình phạt khác nhẹ hơn đối với họ mà không được quyết định hình phạt tù dưới ba tháng". Như vậy, khi quyết định hình phạt mà mức phạt tù thấp hơn 3 tháng thì Tòa án phải chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Đây là một hướng dẫn trái luật vì muốn chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn thì phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 47 BLHS hiện hành - Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật. Trong trường hợp này, Nghị quyết 01/2006 hướng dẫn chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn mà không cần phải có đủ điều kiện áp dụng điều 47 BLHS hiện hành là không hợp lý. Ngoài ra, việc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn vẫn phải đảm bảo điều kiện áp dụng của hình phạt đó nên đôi khi khó áp dụng. Chẳng hạn, nếu thực hiện cách tính được hướng dẫn tại tiểu mục 11.1 mục 11 của Nghị quyết 01/2006 thì mức hình phạt áp dụng đối với người 15 tuổi phạm tội là 2 tháng tù. Như vậy, căn cứ theo hướng dẫn tại Mục 11.2 của Nghị quyết 01/2006 thì Tòa án phải chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn như cải tạo không giam giữ, phạt tiền hay cảnh cáo. Tuy nhiên, nếu người phạm tội không có đủ điều kiện để áp dụng những loại hình phạt nhẹ hơn này thì Tòa án sẽ không thể lựa chọn được bất kỳ loại hình phạt nào để quyết định.

Như vậy, cần phải xem xét lại những điểm bất hợp lý nêu trên để sửa đổi quy định tại Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 nhằm áp dụng thống nhất điều luật này khi quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội.

Thứ hai, bất cập trong quy định pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội tại Điều 75 BLHS hiện hành. Theo quy định tại Điều 75 BLHS hiện hành thì:

“ Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

1. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này;

2. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội.”

Quy định tại Điều 75 BLHS hiện hành như trên có một số điểm bất hợp lý như sau:

– Có hai cách hiểu khác nhau về cụm từ "tội nặng nhất" và sẽ đưa đến việc quyết định hình phạt khác nhau đối với NCTN phạm nhiều tội.

+ Cách hiểu thứ nhất: "tội nặng nhất" được hiểu là tội danh nặng nhất trong các tội phạm mà NCTN thực hiện. Khi đó, để xác định tội danh nào là tội danh nặng nhất thì phải xác định tội danh có hình phạt nặng nhất theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2000. Chẳng hạn A phạm tội cướp giết tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 136 BLHS hiện hành khi 15 tuổi, sau đó phạm tội cướp tài sản theo khoản 2 Điều 133 BLHS hiện hành khi 19 tuổi. Căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2000 thì Tội cướp tài sản (Điều 133 BLHS) sẽ nặng hơn Tội cướp giết tài sản (Điều 136 BLHS) vì hình phạt nặng nhất của Tội cướp tài sản là hình phạt tử hình còn Tội cướp giết tài sản là hình phạt tù chung thân. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 75 BLHS thì mức hình phạt tối đa được tổng hợp của hai tội phạm trong trường hợp này là: 12 năm (đối với tội cướp giết tài sản) + 15 năm (đối với tội cướp tài sản) = 27 năm (áp dụng như người đã thành niên);

+ Cách hiểu thứ hai: "tội nặng nhất" được hiểu là loại tội phạm nặng nhất trong số các tội phạm mà NCTN thực hiện. Để xác định loại tội phạm nặng nhất trong trường hợp này thì phải dựa theo quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS, tức dựa vào mức cao nhất của khung hình phạt trong số các tội mà NCTN đã phạm. Chẳng hạn như trường hợp nêu trên, A phạm tội cướp giết tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 136 BLHS hiện hành khi 15 tuổi,

sau đó phạm tội cướp tài sản theo khoản 2 Điều 133 BLHS hiện hành khi 19 tuổi. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS thì Tội cướp giạt tài sản khoản 4 Điều 136 BLHS sẽ nặng hơn Tội cướp tài sản tại khoản 2 Điều 133 BLHS vì Tội cướp tài sản tại khoản 2 Điều 133 BLHS là tội phạm rất nghiêm trọng trong khi Tội cướp giạt tài sản tại khoản 4 Điều 136 BLHS là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 75 BLHS hiện hành thì mức hình phạt tối đa được tổng hợp của hai tội phạm trong trường hợp này là: không quá mức hình phạt cao nhất được quy định tại Điều 74 BLHS hiện hành.

– Điều 75 BLHS hiện hành chưa quy định rõ ràng về mức tối đa của hình phạt chung là bao nhiêu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS hiện hành thì: *"hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này"*. Quy định này sẽ dẫn đến hai cách hiểu khác nhau, đó là:

+ Hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 BLHS hiện hành tức là không quá 18 năm tù cho dù người đó phạm tội nặng nhất trong độ tuổi từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi hoặc từ đủ 16 đến chưa đủ 18 tuổi. Nếu theo cách hiểu này thì ở trường hợp nêu trên, mức hình phạt chung được áp dụng đối với người phạm tội cướp giạt tài sản tại khoản 4 Điều 136 BLHS khi 15 tuổi và phạm tội cướp tài sản tại khoản 2 Điều 133 BLHS khi 19 tuổi là không quá 18 năm tù;

+ Hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 BLHS hiện hành là không quá 18 năm tù nếu tội nặng nhất được thực hiện trong độ tuổi từ đủ 16 đến chưa đủ 18 tuổi và không quá 12 năm tù nếu tội nặng nhất được thực hiện trong độ tuổi từ 14 đến chưa đủ 16. Như vậy, nếu theo cách hiểu này thì người phạm tội cướp giạt tài sản tại khoản 4 Điều 136 BLHS khi 15 tuổi và phạm tội cướp tài sản tại khoản 2

Điều 133 BLHS khi 19 tuổi trong trường hợp nêu trên sẽ bị áp dụng hình phạt chung là không quá 12 năm tù.

– Điều 75 BLHS hiện hành không quy định trường hợp tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội mà các tội được thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi. Trên thực tế có thể xảy ra các trường hợp sau:

- + Nhiều tội được thực hiện trong độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi;
- + Nhiều tội được thực hiện trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi;
- + Có tội được thực hiện trong độ tuổi từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi.

Tuy nhiên, Điều 103 BLHS năm 2015 sẽ khắc phục vướng mắc này của BLHS hiện hành khi chính thức có hiệu lực thi hành trong thời gian tới.

Thứ ba, BLHS hiện hành và BLHS năm 2015 chưa có bất kỳ quy định riêng nào về việc tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội. Khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án áp dụng Điều 73 BLHS hiện hành để xác định thời hạn cải tạo không giam giữ là không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định. Tuy nhiên, đây chỉ là quy định về trường hợp NCTN phạm một tội. Đối với trường hợp NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì mức tối đa của hình phạt chung vẫn chưa được quy định.

Thứ tư, BLHS hiện hành và BLHS năm 2015 chỉ quy định về trường hợp quyết định hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội mà chưa có quy định về trường hợp NCTN phạm tội có nhiều bản án. Đây là hai trường hợp hoàn toàn khác biệt nên nguyên tắc quyết định hình phạt phải có sự khác nhau:

– *Phạm nhiều tội* là trường hợp người đã phạm nhiều tội khác nhau được quy định trong luật hình sự mà những tội này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, chưa bị kết án lần nào, nay bị Tòa án đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó. Đối với trường hợp này, NCTN phạm tội bị truy cứu

TNHS một lần về các tội đó, và Tòa án tổng hợp hình phạt chung của các tội mà NCTN đã phạm;

– *Phạm tội có nhiều bản án* là trường hợp một người đang chấp hành một bản án lại bị đưa ra xét xử về một tội phạm khác hoặc một người cùng lúc có nhiều bản án khác nhau đang có hiệu lực.

Như vậy, do các điều luật về trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội tại Chương X của BLHS hiện hành và Chương XII của BLHS năm 2015 không có một quy định riêng biệt về trường hợp tổng hợp hình phạt khi có nhiều bản án nên về nguyên tắc thì Tòa án phải áp dụng quy định chung tại Điều 51 BLHS hiện hành và Điều 56 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt. Tuy nhiên, quy định tại Điều 51 BLHS hiện hành và Điều 56 BLHS năm 2015 khi tổng hợp hình phạt lại xác định hình phạt chung theo Điều 50 BLHS, tức là áp dụng đối với người đã thành niên với hình phạt chung có thể lên đến 30 năm đối với tù có thời hạn và 3 năm đối với cải tạo không giam giữ. Việc quyết định như trên sẽ không đảm bảo được quyền lợi cho NCTN phạm tội cũng như vi phạm các chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước đối với NCTN.

Thứ năm, BLHS hiện hành và BLHS năm 2015 cũng chưa có quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN phạm tội nhiều lần cũng như phạm tội liên tục. Trong những trường hợp phạm tội nhiều lần cũng như phạm tội liên tục, người phạm tội có thể thực hiện tội phạm nhiều lần, trong đó có thể có những lần thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên, có những lần thực hiện hành vi phạm tội khi đã thành niên. Do tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được thực hiện khi người đó chưa thành niên sẽ thấp hơn những hành vi được thực hiện khi đã thành niên nên khi quyết định hình phạt thì Tòa án phải cân nhắc đến những hành vi do người phạm tội thực hiện khi chưa thành niên. Việc không quy định cụ thể về cách thức quyết định hình phạt trong những trường hợp này sẽ ảnh hưởng đến

quyền lợi của NCTN phạm tội khi Tòa án quyết định hình phạt cho họ tương tự như trường hợp người đã thành niên phạm tội.

Thứ sáu, so với BLHS hiện hành, BLHS năm 2015 đã có quy định về biện pháp thay thế xử lý hình sự trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự. Điều 92 BLHS năm 2015 có quy định về điều kiện áp dụng, cụ thể: “Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nếu người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp này”. Tuy nhiên, do BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành và cũng chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành nên người chưa thành niên phạm tội cho đến nay vẫn chưa được hưởng những quy định có lợi này.

3.3.4. Nguyên nhân từ bất cập trong quy định pháp luật tố tụng hình sự

Pháp luật TTHS hiện hành đã giành một số quy định riêng để quy định trình tự, thủ tục tố tụng đối với các vụ án mà người chưa thành niên tham gia. điển hình là Thông tư liên tịch số 01/2011 có nhiều quy định rất tiến bộ và thiết thực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự.

Tuy nhiên, nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm 2003 liên quan đến tục tố tụng hình sự đối với NCTN cho thấy Việt Nam chưa có hệ thống tố tụng hình sự thân thiện với NCTN theo các chuẩn mực Quốc tế; BLTTHS chưa có quy định hệ thống tố tụng trong áp dụng riêng đối với NCTN. Quy trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự có NCTN tham gia tố tụng hầu như không có gì khác so với trình tự, thủ tục tố tụng chung. Từ đó, việc áp dụng BLTTHS hiện hành bộc lộ một số bất cập, hạn chế ảnh hưởng tới việc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội của các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, cụ thể như sau:

Thứ nhất, do không quy định trình tự, thủ tục riêng biệt áp dụng đối với các vụ án NCTN cũng không có cơ quan xét xử dành riêng cho người chưa thành niên.

Thứ hai, BLTTHS hiện hành chưa ghi nhận những nguyên tắc TTHS đối với NCTN như bảo vệ lợi ích tốt nhất cho NCTN phạm tội, bảo vệ quyền riêng tư, không phân biệt đối xử, quyền sống còn, phát triển và được lắng nghe. Điều 307 BLTTHS hiện hành không quy định những trường hợp nào cần xét xử kín đối với NCTN phạm tội.

Điều 306 BLTTHS hiện hành cũng chưa xác định rõ trách nhiệm tham gia tố tụng của đại diện gia đình, nhà trường, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức khác tại các phiên tòa xét xử NCTN.

Điều 305 BLTTHS hiện hành chưa quy định phải đảm bảo sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong vụ án NCTN.

Điều 304 BLTTHS hiện hành không quy định việc giám sát NCTN phạm tội là một biện pháp ngăn chặn áp dụng riêng đối với họ.

Một số nguyên tắc chỉ được ghi nhận rải rác ở TTLT và một số văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật khác, nhưng chưa được luật hóa.

Thứ ba, một số quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn chung chung cho tất cả mọi đối tượng phạm tội dẫn đến trình trạng NCTN phạm tội bị tạm giam trước khi khởi tố, truy tố, xét xử; thời hạn tạm giam kéo dài ... điều này ảnh hưởng rất nhiều đến việc lựa chọn loại hình phạt của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, gây tác động tiêu cực trong việc bảo vệ NCTN do quá trình tố tụng đem lại.

Khắc phục những bất cập trong quy định của BLTTHS hiện hành, BLTTHS năm 2015 đã quy định các thủ tục tố tụng đối với NCTN phạm tội thành một Chương riêng (Chương XVII) gồm 18 Điều (từ Điều 423 đến Điều 430). Đặc biệt, các Điều 419 về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế; Điều 420 về quyền của người đại diện, nhà trường, tổ chức; Điều 422 về

quyền bào chữa; Điều 423 về thủ tục xét xử. Cụ thể, Điều 419 quy định chặt chẽ các căn cứ, điều kiện nhằm hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, tạm giữ, bắt giữ, tạm giữ khẩn cấp đối với NCTN phạm tội; quy định rõ ràng từng trường hợp cụ thể cho NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi.

Điều 420 BLTTHS năm 2015 quy định người đại diện của NCTN dưới 18 tuổi, thầy giáo, cô giáo, đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác khi tham gia phiên tòa có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, phát biểu ý kiến tranh luận, khiếu nại các hành vi tố tụng.

Điều 423 BLTTHS năm 2015 quy định về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm ngoài giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên thì có bổ sung đối tượng là người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi tham gia với tư cách là Hội thẩm. Điều luật này còn quy định trong trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo dưới 18 tuổi, Tòa án có thể xử kín; tạo điều kiện hỗ trợ, tâm lý cho NCTN; việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ; biện pháp tư pháp áp dụng với NCTN phạm tội chỉ có duy nhất biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khi HĐXX thấy không cần thiết phải quyết định hình sự.

Có thể nói, những quy định mới của BLTTHS năm 2015 cũng như BLHS năm 2015 như đã nêu ở phần trên đã có thay đổi cơ bản quan trọng có tính chất định hướng trong quy định xử lý NCTN phạm tội, ghi nhận đầy đủ hơn một số nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội đã được quy định trong Công ước quyền trẻ em và các chuẩn mực Quốc tế khác có liên quan, vừa đảm bảo tăng cường hiệu quả giáo dục, cải tạo, giúp đỡ khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội.

Tuy nhiên, cho đến nay, theo quy định tại Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội lùi hiệu lực thi hành BLTTHS, trừ những quy

định có lợi cho NCTN. Đồng thời, theo quy định tại Điều 423 BLTTHS năm 2015 thì Chánh án TANDTC quy định chi tiết việc xét xử vụ án có người dưới 18 tuổi của Tòa gia đình và NCTN. Theo điểm b Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội giao cho TANDTC hướng dẫn việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015, Nghị quyết 109 của Quốc hội và Nghị quyết 01/2016 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Cho đến nay, TANDTC chưa có Nghị quyết hướng dẫn cụ thể nào, nên việc áp dụng các quy định của BLTTHS 2015 có lợi cho NCTN phạm tội trong giai đoạn hiện nay là rất lúng túng và bị động.

3.3.5. Nguyên nhân từ bất cập trong quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và các văn bản pháp luật khác liên quan đến hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thành niên

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, trên cơ sở kết quả của Đề án cấp Quốc gia về Tòa Gia đình và người chưa thành niên của Tòa án nhân dân tối cao, lần đầu tiên tại các Điều 30, Điều 38, Điều 45 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã quy định về sự ra đời của Tòa gia đình và người chưa thành niên là một Tòa chuyên trách riêng trong cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân cấp cao, TAND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, TAND cấp huyện.

Việc ra đời của Tòa gia đình và người chưa thành niên trong tổ chức bộ máy TAND là dấu ấn quan trọng và là một trong những thành công của tiến trình cải cách Tư pháp, góp phần đảm bảo quyền trẻ em, đặc biệt là trẻ em trong hoạt động tố tụng hình sự, mà Việt Nam đã tham gia Công ước của Liên Hợp quốc.

Bên cạnh đó, tại các điều luật trên cũng quy định căn cứ yêu cầu, thực tế xét xử ở mỗi Tòa án, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc tổ chức các Tòa chuyên trách.

Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Thông tư số 01 ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa gia đình và người chưa thành niên giải quyết các vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi và xem xét áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân.

Ngày 04/4/2016, Tòa chuyên trách Gia đình và người chưa thành niên TAND thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức được ra mắt theo Quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Đây là Tòa gia đình và NCTN đầu tiên và cũng là Tòa gia đình và NCTN duy nhất của hệ thống Tòa án nhân dân cho đến nay. Ngoài phòng xét xử thân thiện, Tòa này còn có phòng tư vấn, hòa giải, phòng trẻ em, phòng trợ giúp y tế.

Tuy nhiên, trên thực tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị dành cho Tòa chuyên trách đặc biệt này còn quá đơn giản và chưa đầy đủ. Tòa chuyên trách gia đình và người chưa thành niên chưa được thành lập tại các TAND quận, huyện. Các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân của Tòa này được điều động từ các Tòa chuyên trách khác, cũng như các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân của các Tòa án quận, huyện được phân công xét xử NCTN phạm tội chưa qua một chương trình tập huấn riêng về kỹ năng giao tiếp, ứng xử, xét xử NCTN. Đồng thời, khi chưa có các quy định về Quy chế phối hợp giữa Tòa án với các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức phúc lợi xã hội, cơ quan y tế, giáo dục ở Trung ương và địa phương thì không thể giải quyết tốt các vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa gia đình và NCTN theo quy định của Luật tổ chức TAND năm 2014.

3.3.6. Nguyên nhân từ hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án tại thành phố Hồ Chí Minh

Bên cạnh những nguyên nhân liên quan đến bất cập trong quy định pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và pháp luật khác, thì hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội vẫn có một số bất cập phát sinh từ

hoạt động tố tụng của TAND, mà trực tiếp là từ những người thực hiện hoạt động quyết định hình phạt. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, trong nhiều trường hợp quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, những người thực hiện hoạt động quyết định hình phạt mà cụ thể là Thẩm phán và Hội thẩm, nhất là Thẩm phán và các Hội thẩm ở các Tòa án quận, huyện do không xem trọng đến mục đích cải tạo, giáo dục cũng như giúp đỡ NCTN nhận ra những khuyết điểm, sai lầm của mình nên khi tuyên án đã quyết định hình phạt đối với NCTN giống như người đã thành niên phạm tội. Việc quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN trong các trường hợp đó là không sai so với quy định của pháp luật nhưng nếu căn cứ vào chính sách nhân đạo cũng như xem xét đến đặc điểm tâm, sinh lý của NCTN và nguyên tắc đảm bảo có lợi nhất cho NCTN phạm tội thì việc quyết định hình phạt như trên lại không phù hợp. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc hầu hết hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội tại TPHCM trong thời gian qua đều là hình phạt tù trong khi những loại hình phạt không tước tự do được áp dụng rất hạn chế;

Thứ hai, NCTN phạm tội là một đối tượng đặc biệt cần được quan tâm khi quyết định hình phạt. NCTN là người chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, chưa có khả năng tự lập hoàn toàn trong các quan hệ xã hội nên khả năng nhận thức và kiểm soát hành vi của họ còn có phần bị hạn chế, dễ bị tác động từ các điều kiện bên ngoài và cũng dễ bị kích động. Nếu phạm tội, phần lớn các em có tâm lý nặng nề, mặc cảm, tự ti, bi quan, chán nản, nhiều lúc tuyệt vọng, có thái độ thờ ơ, bất cần, liêu lĩnh. Thực tế đã chứng minh có nhiều trường hợp sau khi chấp hành xong hình phạt tù thì NCTN lại tiếp tục phạm tội mới, tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Do đó, để hoạt động quyết định hình phạt đạt được mục đích cải tạo, giáo dục, giúp cho NCTN nhận ra được những sai lầm để sửa đổi, Thẩm phán và Hội thẩm tiến hành tố tụng đối với NCTN phạm tội phải là người có những hiểu biết cần

thiết về cận kề về tâm sinh lý của NCTN thì mới có khả năng thuyết phục, cảm hóa NCTN. Tuy nhiên, phần lớn Thẩm phán và Hội thẩm hiện nay chưa qua một khóa đào tạo nào về tâm sinh lý, khoa học giáo dục đối với NCTN hoặc nếu có hiểu biết thì rất hạn chế nên hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội vẫn chưa đạt được hiệu quả cũng như mục đích đã đề ra. Việc quy định về thành phần của hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ mang ý nghĩa hình thức mà ít có ý nghĩa thực tiễn về mặt tâm lý trong việc xét xử bị cáo là NCTN phạm tội.

Thứ ba, do Thẩm phán và Hội thẩm không có nhiều hiểu biết về đặc điểm tâm, sinh lý của NCTN phạm tội nên trong một số trường hợp, họ không phân biệt sự khác nhau về thủ tục tố tụng giữa vụ án NCTN phạm tội và vụ án người đã thành niên thực hiện, từ đó thực hiện nhiều thủ tục tố tụng gây tác động xấu đến tâm, sinh lý của NCTN phạm tội khi quyết định hình phạt. Theo quy định tại Điều 307 BLTTHS hiện hành thì trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể xét xử kín. Tuy nhiên, quy định này gần như không được áp dụng trên thực tế khi hầu hết các vụ án mà NCTN thực hiện đều được xét xử công khai. Đặc biệt hơn, có nơi còn xét xử lưu động những vụ án do NCTN phạm tội tại các xã, phường trên địa bàn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân. Việc áp dụng thủ tục như trên đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của NCTN phạm tội, làm cho NCTN phạm tội bị xét xử hình thành nên tâm lý tiêu cực, mặc cảm, tự ti cũng như tư tưởng bất cần, chống đối. Chính việc làm đó đã khiến cho việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội không những không đạt được mục đích cải tạo, giáo dục mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến xu hướng phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của NCTN. Như vậy, mô hình tố tụng thân thiện đối với NCTN phạm tội tuy đã được nhiều nước xây dựng và áp dụng nhưng hiện nay ở Việt Nam nói

chung và địa bàn TPHCM đến nay mới ở giai đoạn thí điểm thực hiện ở TP HCM mà chưa có quy định chuẩn mực và chính thức.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua những thông số thể hiện những đặc điểm về lượng và chất của THTP do NCTN thực hiện trên địa bàn TPHCM trong thời gian qua, có thể xác định: Diễn biến của THTP do NCTN thực hiện tại TPHCM ngày càng phức tạp khi số lượng NCTN phạm tội đang gia tăng với mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của NCTN gây ra là rất lớn. Tội phạm do NCTN thực hiện tại TPHCM có xu hướng bạo lực cao, tính chất và mức độ rất phức tạp và nguy hiểm với các tội phạm như giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích, cướp giật tài sản luôn chiếm tỷ trọng lớn. Bên cạnh đó, NCTN phạm tội đa số là nam giới với độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi và hầu hết đều thực hiện hành vi tội phạm khi đang ở trong quá trình học tập tại nhà trường.

Trong thực tiễn quyết định hình phạt do TAND các quận, huyện và TAND TPHCM thực hiện đối với NCTN phạm tội trong thời gian qua, có thể thấy được một số kết quả mà các Tòa án này đã đạt được khi việc quyết định hình phạt nhìn chung là đúng quy định của pháp luật và hầu như không có sai sót nào nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN. Đồng thời, các Tòa án đã thực hiện đúng chính sách hình sự của Nhà nước ta là nhân đạo và khoan hồng đối với NCTN nên mức hình phạt được áp dụng thường nằm ở mức thấp nhất hoặc dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng như áp dụng án treo nhằm để giúp cho NCTN không bị cách ly khỏi xã hội mà vẫn có khả năng tự sửa chữa sai lầm.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đã đạt được thì hoạt động quyết định hình phạt do TAND các quận, huyện và TAND TPHCM thực hiện đối với NCTN phạm tội vẫn còn tồn tại một số vướng mắc gồm:

- Trong một số trường hợp, việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là quá nhẹ so với quy định tại khung hình phạt của điều luật mà không có căn cứ;

- Những hình phạt không mang tính tước tự do được áp dụng quá ít so với việc áp dụng hình phạt mang tính tước tự do;

- Không thể áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài.

- Một số trường hợp NCTN phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng do cố ý hoặc rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do vô ý không được áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự.

Do đó, để hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội được thực hiện tốt hơn, đòi hỏi các Tòa án cần phải xác định được những nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh và tồn tại những vướng mắc này nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục.

Các nguyên nhân bất cập được xác định qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm; đó là bất cập trong quy định của pháp luật hình sự hiện hành, bất cập về quy định về hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội; bất cập trong quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội; bất cập trong quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác về Tòa gia đình và người chưa thành niên; nguyên nhân từ hoạt động tiến hành tố tụng của các chủ thể có thẩm quyền nhân danh Nhà nước quyết định hình phạt đối với công dân nhỏ tuổi phạm tội.

CHƯƠNG 4
ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA
THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của TAND các cấp tại TPHCM, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm loại bỏ những nguyên nhân này, góp phần đảm bảo việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM trong giai đoạn sắp tới đúng pháp luật, phù hợp với các nguyên tắc của Công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em và các Công ước Quốc tế khác.

Trong thời gian từ khi BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015 được công bố (ngày 09/12/2015) cho đến nay, việc quyết định hình phạt của NCTN phạm tội của các Hội đồng xét xử tại TAND TPHCM nói riêng và hệ thống TAND nói chung chưa có chiều hướng chuyển biến tích cực. Vẫn có NCTN vừa đủ 16 tuổi phạm tội “Trộm cắp tài sản” lần đầu với giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nhưng vẫn bị xử phạt tù hoặc cho hưởng án treo. Vẫn có NCTN dưới 18 tuổi tàng trữ số lượng nhỏ heroin nhằm thỏa mãn cơn nghiện ngập của mình và bạn bè mà bị xử phạt 5-7 năm tù.

Điển hình là vụ án hai bị cáo Ôn Thành Tân và Nguyễn Hoàng Tuấn trong đó có bị cáo chưa đủ 18 tuổi đã bị TAND quận xét xử sơ thẩm 08 tháng 20 ngày tù (bằng thời gian tạm giam) vì có hành vi cướp giật 01 ổ bánh mì, hai bọc chuối sấy, 01 bịch đậu phộng rang, 03 bịch me trộn đường trị giá 45.000 đồng vì quá đói.

Bản án sơ thẩm đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo hướng xét xử lại một mức hình phạt khác nhẹ hơn tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo. Hậu quả thiệt hại

tinh thần của NCTN đã bị xâm phạm mà không thể bù đắp được. Việc thực hiện những giải pháp hữu hiệu sau đây sẽ đem lại kết quả đảm bảo và nâng cao hiệu quả QĐHP đối với NCTN phạm tội tại TPHCM trong thời gian tới.

4.1. Hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

Thứ nhất, cần phải sửa đổi quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 về những loại hình phạt có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội, cụ thể là phải bổ sung hình phạt trục xuất là một trong những loại hình phạt chính có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài.

Như đã phân tích ở trên, việc Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 quy định chỉ có thể áp dụng bốn loại hình phạt tại điều luật này để quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội đã gây rất nhiều trở ngại trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài. Những trở ngại này có thể làm giảm hoặc mất đi mục đích của các hình phạt đồng thời làm cho các cơ quan có thẩm quyền gặp khó khăn trong công tác của mình.

Việc quy định hình phạt trục xuất sẽ làm đa dạng các biện pháp xử lý hình sự, là cơ sở pháp lý để Tòa án có thể lựa chọn và áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội với mục đích không chỉ nhằm trừng trị mà còn có tác dụng ngăn ngừa một cách triệt để khả năng phạm tội mới của người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Khi áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài, họ có cơ hội quay trở về quốc gia mình mang quốc tịch hoặc quốc gia khác cùng gia đình của họ, từ đó họ có điều kiện học tập, rèn luyện, sinh hoạt bình thường trong gia đình, cộng đồng, xã hội mà bản thân NCTN phạm tội gắn bó từ lâu nên khả năng cải tạo, giáo dục cũng tốt hơn và đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, việc bổ sung thêm hình phạt trục xuất vào nhóm các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội là

người nước ngoài giúp cho Tòa án có thêm sự lựa chọn khi quyết định hình phạt sao cho vẫn đảm bảo công bằng, đúng pháp luật mà giá trị răn đe, giáo dục và ngăn ngừa phạm tội mới vẫn đạt được mà không nhất thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài thì Tòa án sẽ phải cân nhắc tới yếu tố gia đình của bị cáo để quyết định hình phạt cần áp dụng. Gia đình là nơi tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của NCTN, là môi trường sống, cải tạo, giáo dục họ đạt hiệu quả cao nhất. Nếu gia đình, cha mẹ, hoặc người giám hộ của NCTN phạm tội đang sinh sống, làm việc tại Việt Nam thì Tòa án phải cân nhắc để không áp dụng trục xuất đối với NCTN phạm tội nhằm đạt được các mục đích của hình phạt cũng như mục đích phòng ngừa tội phạm.

Như vậy, Điều 71 BLHS hiện hành và Điều 98 BLHS năm 2015 sau khi được sửa đổi sẽ có nội dung như sau:

*“Điều 71. Các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội
NCTN phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với
mỗi tội phạm:*

- 1. Cảnh cáo;*
- 2. Phạt tiền;*
- 3. Cải tạo không giam giữ;*
- 4. Trục xuất, khi người phạm tội là người nước ngoài;*
- 5. Tù có thời hạn.”*

Thứ hai, bổ sung thêm hình phạt "**Buộc lao động công ích**" vào hệ thống hình phạt chính của BLHS Việt Nam. Đây là một loại hình phạt ít nghiêm khắc hơn tù có thời hạn nhưng nghiêm khắc hơn cải tạo không giam giữ.

Hình phạt này sẽ không tước tự do đối với người bị kết án, nhưng buộc họ phải chịu sự giám sát, quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương và gia đình tương tự hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời hình phạt này cũng

buộc người bị kết án phải có những khoảng thời gian lao động công ích phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động công ích không chấp hành một lần tập trung mà sẽ được trải dài theo quá trình chấp hành hình phạt của người bị kết án, có thể là mỗi tuần một ngày lao động hoặc mỗi tháng hai ngày lao động công ích. Việc quy định buộc lao động công ích giúp NCTN nhận thức được ý nghĩa của lao động, cải tạo ý thức của phần lớn tầng lớp thanh thiếu niên hiện nay.

Việc quy định hình phạt "*Buộc lao động công ích*" có thể được áp dụng là hình phạt chính không chỉ dành riêng cho NCTN phạm tội mà cũng có thể áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội. Tuy nhiên, vì việc áp dụng hình phạt này sẽ buộc NCTN phải lao động mà người chưa đủ 15 tuổi thì không thể tham gia vào các quan hệ lao động theo quy định của pháp luật lao động. Do đó, đối với NCTN phạm tội thì hình phạt này chỉ áp dụng cho NCTN phạm tội từ đủ 16 đến chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội. Đây là hình phạt đã được rất nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng như: Mỹ, Anh, Ý, Nga... áp dụng và đạt nhiều hiệu quả trong việc phòng ngừa tội phạm.

Thứ ba, tiếp tục mở rộng khả năng áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội là người từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi.

Như đã phân tích ở trên, theo quy định tại Điều 31 BLHS hiện hành và Điều 36 BLHS năm 2015 thì hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ có thể áp dụng đối với người đã thành niên và NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi trở lên nên dẫn đến trường hợp NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội và bị áp dụng hình phạt thì hình phạt mà họ bị áp dụng chỉ có thể là hình phạt tù có thời hạn chứ không thể là các hình phạt khác. Quy định đã thu hẹp phạm vi hình phạt được áp dụng đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi. Ở vào độ tuổi này thì việc cách ly họ ra khỏi xã hội để chấp hành hình phạt trong trại giam sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường về tinh thần và thể chất của họ. Đối với NCTN phạm tội ở độ tuổi này thì việc được sống cùng gia đình và

chịu sự quản lý giáo dục từ gia đình, nhà trường và xã hội sẽ giúp họ dễ dàng hơn trong việc nhận ra sai lầm và sửa chữa. Chỉ trong một số trường hợp đặc biệt, khi hành vi của người này xâm phạm đến những quan hệ xã hội đặc biệt quan trọng như: an ninh quốc gia, tính mạng con người... và căn cứ vào hoàn cảnh, môi trường xung quanh sẽ không đảm bảo được khả năng tự cải tạo, giáo dục của người đó thì mới cần thiết phải cách ly họ khỏi xã hội trong một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn.

Vì vậy, tác giả kiến nghị Điều 31 BLHS hiện hành và Điều 36 BLHS năm 2015 nên bổ sung nội dung sau đây: *“Cải tạo không giam giữ được áp dụng... đối với người phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý khi người đó từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi nếu không thuộc trường hợp được quy định tại các Chương khác có liên quan”*.

Thứ tư, bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ vào chế tài lựa chọn đối với các tội phạm ít nghiêm trọng, đặc biệt là các chế tài đã là chế tài lựa chọn nhưng không quy định hình phạt cải tạo không giam giữ như Điều 153 BLHS, Điều 155 BLHS, Điều 158 BLHS, Điều 160 BLHS, Điều 164 BLHS, Điều 224 BLHS, Điều 226b BLHS hiện hành và các Điều 188, Điều 190, Điều 195, Điều 196, Điều 202, Điều 286 và Điều 290 BLHS năm 2015.

Việc bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ sẽ giúp Tòa án có thêm lựa chọn về hình phạt khi những điều luật hiện hành chỉ quy định hai loại hình phạt là phạt tiền và tù có thời hạn dù sự chênh lệch rất lớn về mức độ nghiêm khắc giữa hai loại hình phạt này. Bên cạnh đó, việc bổ sung hình phạt này cũng khắc phục tình trạng Tòa án chỉ có thể áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội nếu họ không có đủ điều kiện để được áp dụng hình phạt tiền. Kiến nghị này cũng sẽ góp phần hạn chế được việc áp dụng hình phạt tước tự do đối với NCTN dù tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi do họ thực hiện chưa đến mức phải cách ly họ ra khỏi đời sống xã hội.

Đồng thời, bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ vào những khung hình phạt có quy định mức cao nhất của khung là đến bảy năm tù để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS hiện hành (Điều 9 BLHS năm 2015) và Điều 31 BLHS hiện hành (Điều 36 BLHS năm 2015) cũng như giúp Tòa án có thêm sự lựa chọn về hình phạt khi quyết định hình phạt đối với những tội phạm nghiêm trọng.

Những giải pháp bổ sung về hình phạt nêu trên là nhằm bảo đảm các quyền và lợi ích cho NCTN phạm tội đã được ghi nhận tại Công ước 1966 và Công ước CRC. Đó chính là việc tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do đối với NCTN phạm tội trong trường hợp xét thấy cần thiết bắt họ phải chịu hình phạt nhưng không nhất thiết buộc họ phải chấp hành hình phạt tù. Khi tỉ trọng các hình phạt không tước tự do được tăng lên, nghĩa là khả năng áp dụng các hình phạt này sẽ tăng, làm giảm khả năng áp dụng hình phạt tù đối với NCTN phạm tội. Quy định này sẽ góp phần làm tăng hiệu quả của các quy định về hình phạt hiện hành với việc bảo đảm "*mục tiêu cải huấn can phạm*" quy định tại Điều 14 Công ước 1966 và chỉ áp dụng hình phạt tù đối với trẻ em khi đó là biện pháp cuối cùng và trong thời gian thích hợp ngắn nhất, đảm bảo không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện được quy định tại Điểm b Điều 37 CRC.

4.2. Sửa đổi, bổ sung pháp luật về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên

Thứ nhất, sửa đổi và bổ sung một số nội dung tại Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015. Theo đó, điều luật này cần phải quy định thay đổi về giới hạn tối đa cụ thể về giới hạn tối thiểu của hình phạt tù được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Đồng thời, điều luật phải quy định cụ thể về việc cho phép Tòa án khi thực hiện hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án được quyền quyết định hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, và trong trường hợp đặc biệt có thể dưới mức

tối thiểu của hình phạt tù được quy định tại Điều 33 BLHS hiện hành hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

Như vậy, Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“NCTN phạm tội chỉ bị phạt tù có thời hạn theo quy định sau đây:

1. *Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu khung hình phạt được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức cao nhất và không thấp hơn một phần hai mức tối thiểu mức phạt tù mà khung hình phạt quy định;*

2. *Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu khung hình phạt được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá chín năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần ba mức cao nhất và không thấp hơn một phần tư mức tối thiểu mức phạt tù mà khung hình phạt quy định;*

3. *Trong trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Tòa án có thể áp dụng mức phạt tù dưới mức tối thiểu của khung hình phạt được áp dụng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án được quyết định hình phạt tù dưới mức tối thiểu quy định tại Điều 33 BLHS hiện hành và Điều 38 BLHS năm 2015 hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn”.*

Những quy định được sửa đổi, bổ sung như trên sẽ góp phần bảo đảm quyền lợi cho NCTN phạm tội, bảo đảm cho họ được hưởng mức hình phạt thấp hơn so với người đã thành niên phạm tội tương ứng, tạo điều kiện cần và đủ về căn cứ pháp lý để Tòa án có thể quyết định hình phạt nhẹ hơn chế tài, áp dụng các hình phạt không tước tự do - các hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù

đối với họ .. Đây là những quyền con người của NCTN phạm tội đã được ghi nhận tại Công ước 1966 và CRC.

Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định mức hình phạt tù tối thiểu được áp dụng đối với NCTN phạm tội tại Điều 74 BLHS hiện hành và Điều 101 BLHS năm 2015 không làm hạn chế khả năng áp dụng các quy định khác của BLHS có lợi cho NCTN phạm tội như áp dụng Điều 47 BLHS hiện hành và Điều 54 BLHS về xử phạt dưới mức khởi điểm, Điều 60 BLHS về án treo... Quy định này là một quy định bổ sung dành riêng cho NCTN phạm tội nhằm tạo căn cứ pháp lý cho Tòa án áp dụng hình phạt nhẹ hơn chế tài khi chưa đủ căn cứ áp dụng Điều 47 BLHS hiện hành và Điều 54 BLHS năm 2015. Hay nói cách khác, khi không áp dụng điều 47 BLHS hiện hành hoặc Điều 54 BLHS năm 2015 mà chỉ cần áp dụng riêng quy định bổ sung này thì Tòa án cũng đã có thể quyết định hình phạt nhẹ hơn chế tài hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Nếu có thêm căn cứ áp dụng Điều 47 BLHS hiện hành thì Tòa án hoàn toàn có thể áp dụng mà không mâu thuẫn với quy định bổ sung tại Điều 74 BLHS hiện hành hoặc Điều 101 BLHS năm 2015 này. Do đó, đây là một quy định bổ sung có lợi cho NCTN phạm tội khi Tòa án quyết định hình phạt.

Thứ hai, bổ sung quy định về tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội.

Hiện nay, đối với trường hợp NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì hình phạt chung được xác định tối đa là bao nhiêu vẫn chưa được quy định. Đối với trường hợp này thì điều luật cần quy định mức giới hạn cao nhất cho việc tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ là không quá 2 năm. Vì đây là quy định về tổng hợp hình phạt đối với NCTN nên không thể lấy mức tối đa của hình phạt cải tạo không giam giữ là ba năm theo Điều 31 BLHS hiện hành như áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội. Việc bổ sung như trên sẽ đảm bảo được chính sách

khoan hồng của Nhà nước đối với NCTN phạm tội so với người đã thành niên phạm tội. Không thể căn cứ vào mức giới hạn hình phạt không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định làm hình phạt chung vì nếu như vậy là đã đồng nhất trường hợp NCTN phạm một tội và NCTN phạm nhiều tội.

Với những sự sửa đổi, bổ sung tại phần quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, BLHS sẽ càng bảo đảm các quyền của NCTN phạm tội đã được ghi nhận tại điểm b Điều 37 CRC là *"chỉ áp dụng hình phạt tù đối với trẻ em khi đó là biện pháp cuối cùng và trong thời gian thích hợp ngắn nhất"* cũng như bảo đảm nguyên tắc *"trong các vụ án liên quan đến NCTN cần căn cứ vào tuổi của họ"* được quy định tại khoản 4 Điều 14 Công ước 1966 và khoản 1 Điều 41 CRC. Sự bảo đảm các quyền này được thể hiện thông qua việc xác định cụ thể giới hạn tối thiểu của hình phạt có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội để bảo đảm họ có thể được áp dụng những mức hình phạt thấp nhất; đồng thời làm rõ các thuật ngữ, bổ sung các thiếu sót tại Điều 74, Điều 75 BLHS hiện hành và bổ sung trường hợp tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ để bảo đảm cho việc quyết định hình phạt phù hợp với mức tuổi của bị cáo trong những trường hợp khác nhau, tránh nhầm lẫn và tạo sự thuận lợi cho việc áp dụng luật trong thực tiễn xét xử.

Thứ ba, bổ sung điều luật quy định về cách thức tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN có nhiều bản án.

Hiện nay, các quy định đối với NCTN phạm tội tại Chương X BLHS hiện hành và Chương XXII không có một quy định riêng biệt về trường hợp tổng hợp hình phạt khi có nhiều bản án nên về nguyên tắc, Tòa án phải áp dụng quy định chung tại Điều 51 BLHS hiện hành, tức là áp dụng như đối với người đã thành niên với hình phạt chung có thể lên đến 30 năm đối với tù có thời hạn và 03 năm đối với cải tạo không giam giữ. Việc áp dụng như trên sẽ gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích của NCTN. Do đó, cần phải xây dựng một điều luật quy định về cách thức tổng hợp hình phạt trong trường hợp

NCTN có nhiều bản án nhằm cụ thể hóa mức hình phạt tối đa khi tổng hợp hình phạt trong trường hợp này. Nội dung điều luật được xây dựng cụ thể như sau:

Điều...: Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án

"Trong trường hợp có nhiều bản án thì Tòa án thực hiện quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), nhưng hình phạt chung không được vượt quá quy định tại Điều 75 BLHS này".

Thứ tư, bổ sung điều luật quy định về việc quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN phạm tội nhiều lần, tội liên tục.

Trong những trường hợp phạm tội nhiều lần, tội liên tục, người phạm tội có thể thực hiện tội phạm nhiều lần, trong đó có thể có những lần thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên, có những lần thực hiện hành vi phạm tội khi đã thành niên. Do tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được thực hiện khi bị cáo chưa thành niên sẽ thấp hơn những hành vi được thực hiện khi đã thành niên, nên khi quyết định hình phạt, Tòa án phải cân nhắc đến những hành vi do bị cáo thực hiện khi chưa thành niên. Đây cũng sẽ là một quy định góp phần bảo đảm quyền lợi của NCTN phạm tội thông qua việc bảo đảm yêu cầu phân hóa trách nhiệm theo độ tuổi được quy định tại khoản 4 Điều 14 Công ước 1966, khoản 1 Điều 41 CRC. Nội dung điều luật này được xây dựng như sau:

Điều...: Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội nhiều lần, tội liên tục

"Khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội nhiều lần, phạm tội liên tục thì Tòa án phải xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của những hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi để làm căn cứ quyết định hình phạt".

4.3. Ban hành Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nói chung và bị cáo người chưa thành niên nói riêng theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015.

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần nhanh chóng ban hành Nghị quyết hướng dẫn về thực hiện các nguyên tắc có lợi cho bị cáo nói chung và bị cáo là NCTN nói riêng theo BLHS năm 2015 và những nội dung có lợi theo BLTTHS năm 2015, theo hướng:

a) Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của BLHS năm 2015 nhằm khắc phục những bất cập về các mức định lượng, mức hình phạt trong các khung của một số điều luật

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định về mức định lượng trong các khung của một số điều luật nhằm bảo đảm sự nối tiếp giữa các mức định lượng trong các khung, tránh chồng chéo, trùng lặp, gây khó khăn cho việc xử lý tội phạm

BLHS mới cần điều chỉnh các quy định về mức định lượng tại các khoản của 14 điều luật của BLHS, trong đó, có 02 điều liên quan đến mức định lượng về tỷ lệ thương tích, tổn hại cho sức khỏe (Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và Điều 227. Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên) và 12 điều luật liên quan đến các mức định lượng khác thuộc cấu thành một số tội phạm về kinh tế, môi trường, ma túy, xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và một số tội khác ⁽¹⁾ nhằm bảo đảm sự nối tiếp, không trùng mức định lượng giữa các khung. Đặc biệt, cần điều chỉnh mức định lượng về chất ma túy tại các khoản của các điều luật để tránh trùng lặp và phù hợp với thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử từ trước đến nay, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.

¹ Các Điều 217, 232, 235, 244, 249, 250, 251, 252, 305, 326, 359, 369 của BLHS năm 2015

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về mức hình phạt trong các khung của một số điều luật để bảo đảm sự phân hóa rõ, hợp lý mức độ trách nhiệm giữa các trường hợp phạm tội khác nhau

BLHS mới điều chỉnh mức phạt trong các khung hình phạt tại 10 điều luật liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134) và một số tội xâm phạm an toàn giao thông và trật tự công cộng⁽²⁾ nhằm bảo đảm phân hóa chính sách xử lý đối với từng trường hợp phạm tội. Nội dung sửa đổi, bổ sung này chủ yếu tập trung vào một số tội xâm phạm an toàn giao thông và trật tự công cộng nhằm bảo đảm phân hóa hợp lý mức độ trách nhiệm hình sự giữa trường hợp phạm tội đã gây ra hậu quả với trường hợp phạm tội có khả năng gây ra hậu quả (khoản 4 các Điều 260, 261; khoản 4, khoản 5 các Điều 267, 268, 272, 273 và khoản 5 Điều 278).

b) Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của BLHS năm 2015 liên quan đến yếu tố cấu thành của một số tội phạm để phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm

BLHS mới cần có những sửa đổi, bổ sung liên quan đến cấu thành của một số tội phạm quy định tại 33 điều luật của BLHS năm 2015⁽³⁾ để phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Cụ thể:

- Bổ sung hành vi “cướp phá tài sản” vào cấu thành tội bạo loạn (Điều 112) để xử lý đối với hành vi phạm tội này mà theo BLHS năm 1999 thì đây là hành vi cấu thành tội hoạt động phi.

- Bổ sung yếu tố “bỏ trốn” vào cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175) như quy định của BLHS năm 1999, tạo thêm cơ sở pháp lý để ngăn chặn sớm việc người phạm tội bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài

² Các Điều 260, 261, 267, 268, 272, 273, 278, 295, 307 của BLHS năm 2015

³ Các Điều 112, 175, 232, 233, 234, 243, 248, 249, 250, 251, 252, 254, 260, 261, 267, 268, 272, 273, 278, 292, 295, 306, 307, 310, 311, 337, 344, 378, 386, 387, 388, 390, 410 của BLHS năm 2015

sản, gây khó khăn cho việc xử lý vụ án, nhất là vấn đề hoàn trả tài sản cho người bị hại.

- Bổ sung các chất ma túy mới phát hiện vào cấu thành các tội phạm về ma túy (các Điều 248, 249, 250, 251, 252) để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống ma túy.

- Sửa đổi, bổ sung cấu thành giảm nhẹ của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông (các Điều 260, 261, 267, 268, 272, 273, 278) theo hướng giới hạn phạm vi xử lý hình sự đối với trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả như BLHS năm 1999, theo đó, chỉ xử lý hình sự đối với trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại khoản 3 của các điều này (tức là hậu quả đặc biệt nghiêm trọng).

- Sửa đổi, bổ sung cấu thành tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông (Điều 292) theo hướng thu hẹp cấu thành tội phạm này, theo đó, một người có thể bị xử lý hình sự về tội này khi có hành vi cung cấp 01 trong 05 dịch vụ được liệt kê trong điều luật⁽⁴⁾ mà không có giấy phép theo quy định của pháp luật và thu lợi bất chính từ 100 triệu đồng trở lên. Đặc biệt, BLHS mới cần loại bỏ tình tiết "*Các loại dịch vụ khác trên mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định của pháp luật*" ra khỏi cấu thành tội phạm này.

- Bổ sung thêm các hành vi chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước vào cấu thành tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước (Điều 337) để bao quát hết hành vi phạm tội và phù hợp với tên tội danh.

- Bổ sung vào cấu thành tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù (Điều 378), tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử (Điều 386) và

⁴ (1) Kinh doanh vàng hoặc ngoại hối trên tài khoản; (2) sản giao dịch thương mại điện tử; (3) kinh doanh đa cấp; (4) trung gian thanh toán; (5) trò chơi điện tử trên mạng;

tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù (Điều 387) thêm đối tượng bị xâm hại là “*người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp*” cho đầy đủ và phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Bỏ hành vi “tổ chức sử dụng chất ma túy” và sửa đổi hành vi “cưỡng đoạt tài sản” trong cấu thành tội vi phạm quy định về giam giữ (Điều 388) cho phù hợp hơn.

c) Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản thuộc Phần Những quy định chung của BLHS năm 2015

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến người chưa thành niên phạm tội

BLHS mới cần sửa đổi, bổ sung 02 điều (12 và 92) trực tiếp liên quan đến người chưa thành niên. Cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 của BLHS theo hướng tiếp tục kế thừa chủ trương thu hẹp phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Khoản 2 Điều 12 của BLHS năm 2015 đã kế thừa chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc xử lý hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội được ghi nhận trong BLHS năm 1999, đồng thời, cụ thể hóa thêm một bước theo hướng thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với đối tượng này. Tuy nhiên, cũng có 03 trường hợp đã mở rộng phạm vi trách nhiệm theo hướng nghiêm khắc hơn so với quy định của BLHS năm 1999, theo đó người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự cả đối với tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng thuộc 03 tội danh: (i) cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; (ii) hiếp dâm; (iii) bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Như vậy, nhìn trong tổng thể chính sách xử lý hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì quy định này chưa thật sự phản ánh rõ xu hướng tiếp tục nhân đạo hóa đối với đối

tượng này.

BLHS mới cần điều chỉnh quy định này theo hướng kế thừa quan điểm của BLHS năm 1999 là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, đồng thời, chỉ giới hạn trong một số tội danh cụ thể được liệt kê tại khoản 2 Điều 12 của BLHS năm 2015 nhằm bảo đảm tính nhất quán trong chủ trương nhân đạo hóa chính sách hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Do đó, đối với 03 tội kể trên, dự thảo Luật quy định chỉ xử lý hình sự khi phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 92 của BLHS theo hướng bổ sung điều kiện để quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng, theo đó, ngoài điều kiện phải có sự đồng ý của người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ thì còn phải có thêm điều kiện là người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý việc áp dụng biện pháp này và có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự để bảo đảm tính khả thi của việc áp dụng biện pháp này. Cùng với việc sửa đổi, bổ sung Điều 92 cũng cần sửa đổi, bổ sung Điều 94 để khẳng định rõ biện pháp hòa giải tại cộng đồng được thực hiện sau khi có quyết định miễn trách nhiệm hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Điều 54 của BLHS năm 2015 về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhằm tạo linh hoạt trong việc áp dụng quy định này, đồng thời phù hợp với thực tiễn

Theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của BLHS năm 2015 về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng thì trong trường hợp có đủ điều kiện để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án quyết định

chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

Để bảo đảm linh hoạt hơn cho Tòa án lựa chọn quyết định hình phạt trong từng trường hợp cụ thể, đồng thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cần sửa đổi, bổ sung theo hướng trong trường hợp này thì Tòa án có thể lựa chọn một trong hai khả năng hoặc là quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc quyết định chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

4.4. Ban hành Nghị quyết Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý thay thế xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội

Áp dụng ngay các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội khi BLHS năm 2015 chính thức có hiệu lực pháp luật gồm có: khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục tại cơ quan, tổ chức. Cụ thể, các đối tượng NCTN phạm tội nếu thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác và thuộc một trong các trường hợp sau đây thì được áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự:

Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, có vai trò đồng phạm không đáng kể trong vụ án thì được Tòa án xem xét áp dụng biện pháp khiển trách.

Người bị khiển trách phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế nơi làm việc, trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu, tham gia các chương trình học tập, dạy nghề, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương, tham gia lao động với hình thức phù hợp; trường hợp NCTN nghiện rượu, nghiện ma túy thì buộc phải cai nghiện.

- Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý xâm hại sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, hoặc NCTN từ đủ 14

tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý thì được Tòa án xem xét áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng.

Người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ xin lỗi người bị hại, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ như người được áp dụng biện pháp khiển trách.

- Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý thì có thể được Tòa án áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Thời hạn giám sát, giáo dục từ 06 tháng đến 02 năm, kể từ ngày ra quyết định áp dụng biện pháp này.

4.5. Áp dụng những quy định mới có lợi của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cho người chưa thành niên phạm tội

Áp dụng ngay những quy định mới có lợi cho NCTN vi phạm pháp luật, trong thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; với một số điểm chính như sau:

- Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế: Điều 419 BLTTHS 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định chặt chẽ các căn cứ, điều kiện nhằm hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội, đó là (i) chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp áp giải trong trường hợp thật cần thiết. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả (*thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng 2/3 thời hạn tạm giam đối với người đủ tuổi 18 trở lên*) và (ii) căn cứ, điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam:

+ Người đủ từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ có thể bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS 2015 nếu có căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và các căn cứ tạm giam quy định tại các điều 110, 111, 112 và điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 119 BLTTHS 2015.

+ Người đủ từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và các căn cứ tạm giam quy định tại các điều 110, 111, 112 và các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 119 BLTTHS 2015.

+ Bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù đến 02 năm thì cũng có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam thì người ra các lệnh trên phải thông báo cho người đại diện của họ biết.

- Về thủ tục lấy lời khai, hỏi cung, đối chất: nhằm bảo đảm các thủ tục lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng; hỏi cung bị can; đối chất người chưa thành niên được đúng quy định pháp luật, tránh bị xâm hại, Điều 421 BLTTHS 2015 quy định thủ tục lấy lời khai, hỏi cung, đối chất người chưa thành niên như sau (i) khi lấy lời khai, hỏi cung người dưới 18 tuổi thì phải thông báo trước thời gian, địa điểm cho người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ biết. Việc lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, hỏi cung bị

can phải có mặt người bào chữa hoặc đại diện của họ. Việc lấy lời khai người bị hại, người làm chứng phải có người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ tham dự. Người bào chữa, người đại diện có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can là người dưới 18 tuổi nếu được Điều tra viên, Kiểm sát viên đồng ý. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa, người đại diện có thể hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; (ii) thời gian lấy lời khai, hỏi cung người dưới 18 tuổi không quá 02 lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp: lấy lời khai trong vụ án có nhiều tình tiết phức tạp; hỏi cung bị can phạm tội có tổ chức; để truy bắt người phạm tội khác đang bỏ trốn; ngăn chặn người khác phạm tội; để truy tìm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc vật chứng khác của vụ án; hoặc vụ án có nhiều tình tiết phức tạp và (iii) chỉ tiến hành đối chất giữa bị hại là người dưới 18 tuổi với bị can, bị cáo để làm sáng tỏ tình tiết của vụ án trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án.

- Về quyền bào chữa: Nhằm đảm bảo sự cụ thể, chặt chẽ về thủ tục, trình tự bào chữa đối với người chưa thành niên, Điều 422 BLTTHS 2015 quy định rõ việc bào chữa như sau: Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. Nếu họ không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì các Cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa.

- Về thủ tục xét xử (Điều 423): thành phần HĐXX sơ thẩm, ngoài giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên thì có bổ sung đối tượng là người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi tham gia với tư cách là Hội thẩm. Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể xử kín. Nhằm đảm bảo sự khách quan, tạo điều kiện trợ giúp tốt hơn về

mặt tâm lý cho người dưới 18 tuổi thì phiên tòa phải có mặt người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt...

Việc xét hỏi, tranh luận với bị cáo, bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ; phòng xử án được bố trí thân thiện, phù hợp.... Vụ án có bị hại, người làm chứng dưới 18 tuổi, HĐXX phải hạn chế việc tiếp xúc giữa bị hại, người làm chứng với bị cáo khi bị hại, người làm chứng trình bày lời khai. Chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hỏi bị hại, người làm chứng.

Biện pháp tư pháp, đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ có duy nhất biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt, HĐXX áp dụng biện pháp này.

4.6. Tuyển chọn, ban hành án lệ về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn, lấy ý kiến của Hội đồng tư vấn án lệ, các nhà khoa học pháp lý ra Nghị quyết về án lệ đối với một số trường hợp đặc biệt NCTN phạm tội (hiếp dâm trẻ em và giao cấu với trẻ em)

Thực hiện tiến trình Cải cách tư pháp của Nhà nước Việt Nam, Đảng ta đã khẳng định sự cần thiết phải sớm nghiên cứu để sử dụng án lệ trong hoạt động xét xử. Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã xác định “Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm...”

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Tòa án nhân dân tối cao đã tiến hành nhiều Hội thảo khoa học trong và ngoài phạm vi hệ thống Tòa án về các nội dung liên quan đến án lệ.

Tại quyết định số 74/QĐ-TANDTC ngày 31/10/2012, đề án “Phát triển

án lệ của Tòa án nhân dân tối cao” chính thức được phê duyệt. Lần đầu tiên trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ lựa chọn quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu và áp dụng trong xét xử.

Ngày 06/4/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số 220/QĐ-TANDTC cùng với việc công bố 06 án lệ đầu tiên của Việt Nam. Đây có thể xem như một dấu mốc khá quan trọng của tiến trình cải cách tư pháp nước nhà.

Ở nhiều Quốc gia có áp dụng án lệ (kể cả những Quốc gia theo truyền thống thông luật (Common Law) và những Quốc gia theo truyền thống Luật dân sự (Civil Law) thì đều có chung nhận thức án lệ là những phán quyết của Tòa án về một vụ việc cụ thể, có giá trị tạo lập những quy tắc hoặc căn cứ pháp lý cho việc giải quyết các vụ việc tương tự trong tương lai. Khi một bản án được xác định là án lệ thì không phải toàn bộ nội dung của bản án đó bắt buộc phải tuân theo trong xét xử mà chỉ những nội dung chứa đựng những lập luận để giải thích về những vấn đề, sự kiện pháp lý, chỉ ra những quy tắc hoặc quy phạm pháp luật cần áp dụng hoặc là lý do để Tòa án đưa ra phán quyết mới có giá trị áp dụng để giải quyết những vụ án tương tự trong tương lai nhằm đảm bảo nguyên tắc các vụ án giống nhau phải được xét xử và phán quyết như nhau.

Tác giả thấy rằng, áp dụng án lệ chính là phương thức hiệu quả để khắc phục các khiếm khuyết của pháp luật, đảm bảo việc áp dụng thống nhất trong xét xử, tạo tính ổn định, minh bạch và tiên liệu được trong các phán quyết của Tòa án, qua đó có tác dụng hướng dẫn các hành vi ứng xử không chỉ đối với các bên trong vụ án, mà còn đối với cộng đồng xã hội. Nếu vụ án người chưa thành niên cướp bánh mì vì đói ở thành phố Hồ Chí Minh mà Hội đồng xét xử

phúc thẩm đã miễn trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn làm án lệ thì chính sách hình sự nhân đạo nói chung của Đảng, Nhà nước và đối với người chưa thành niên nói riêng mới thực sự có giá trị trên thực tế; mới đảm bảo thực hiện nghiêm túc Công ước Quốc tế về quyền trẻ em của Liên Hợp quốc mà Việt Nam đã tham gia.

4.7. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thành niên

Thứ nhất, cần phân định rõ thẩm quyền Tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên phạm tội

Từ thực tiễn NCTN phạm tội hiện nay cũng như hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội vẫn chưa đạt hiệu quả như mong đợi, việc thành lập Tòa án chuyên trách đối với NCTN phạm tội là một yêu cầu rất cần thiết cần phải thực hiện vì những lý do sau đây:

– Việc thành lập Tòa án này sẽ giúp cho các chính sách hình sự nhân đạo và mục đích giáo dục khi áp dụng hình phạt của Nhà nước ta đối với NCTN phạm tội sẽ được đảm bảo. Cho dù NCTN phạm tội như thế nào đi chăng nữa thì mục đích của việc quyết định hình phạt là phải giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội.

– Bên cạnh đó, việc thành lập Tòa án dành cho NCTN còn góp phần nâng cao hiệu quả của công tác xét xử đối với NCTN, giúp việc quyết định hình phạt đạt được hiệu quả cao. Để đạt được mục đích này thì chỉ có Tòa án chuyên trách với đội ngũ những người tiến hành tố tụng chuyên trách về NCTN, có sự hiểu biết cặn kẽ về những đặc điểm của NCTN phạm tội thì mới có thể có thể làm được. Những người tiến hành tố tụng này sau khi được trải qua những công tác tập huấn cũng như tham gia những lớp học tâm lý về NCTN sẽ có khả năng cảm hóa, giáo dục, thuyết phục được họ, giúp họ nhận ra những sai lầm, khuyết điểm của mình để sửa chữa và như vậy thì việc quyết định hình phạt của Tòa án mới đạt được các mục đích đề ra.

– Ngoài ra, việc thành lập Tòa án dành cho NCTN cùng với trình tự, thủ tục tố tụng riêng biệt sẽ góp phần bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN, góp phần hạn chế đi những sai sót trong quá trình tố tụng khi nhiều người tiến hành tố tụng vẫn không có sự phân biệt về thủ tục tố tụng đối với những vụ án do NCTN thực hiện và những vụ án do người đã thành niên thực hiện. Đồng thời, việc thành lập Tòa án này sẽ thúc đẩy được việc hình thành một đội ngũ những người tiến hành tố tụng chuyên trách, có những kiến thức về tâm, sinh lý của NCTN, có các phương pháp tiếp cận cũng như các kỹ năng phù hợp đối với hoạt động tư pháp đối với NCTN.

– Mô hình tổ chức Tòa án dành cho NCTN đã được nhiều quốc gia tiên bộ trên thế giới áp dụng, trong đó có những quốc gia mà đặc điểm tâm, sinh lý của NCTN cũng tương tự Việt Nam như: Thái Lan, Nhật Bản... và đã đạt được nhiều hiệu quả, trong đó có hiệu quả về phòng ngừa tội phạm.

Từ những lý do nêu trên, có thể thấy được việc thành lập Tòa án dành cho NCTN là việc làm cần thiết phải thực hiện của ngành Tòa án hiện nay. Lần đầu tiên trong lịch sử, Luật tổ chức TAND năm 2014 đã quy định hệ thống Tòa án Việt Nam có Tòa gia đình và NCTN. Tuy nhiên, tùy thuộc vào khả năng của từng địa phương khác nhau trên phạm vi cả nước mà việc thành lập Tòa án này sẽ được tiến hành từng bước theo trình tự từ những địa phương có tình hình tội phạm do NCTP thực hiện phức tạp nhất cho đến những địa phương mà tình hình tội phạm do NCTP thực hiện vẫn còn tương đối hạn chế và không quá phức tạp. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong hai trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội lớn nhất cả nước với tình hình tội phạm do NCTP thực hiện rất phức tạp nên đã là địa phương đầu tiên thành lập Tòa án cho NCTN phạm tội.

Trên cơ sở nghiên cứu về việc xây dựng Tòa án cho NCTN của một số quốc gia trên thế giới, tác giả đề xuất một số nội dung về chức năng, mô hình tổ chức cũng như thẩm quyền xét xử của Tòa án này như sau:

– Thứ hai, là về chức năng của Tòa án NCTN. Tòa án có chức năng xét xử kín các vụ án hình sự có liên quan đến NCTN. Đồng thời, Tòa án sẽ không áp dụng một cách nghiêm ngặt các thủ tục tố tụng hình sự khi giải quyết các vụ án có liên quan đến NCTN. Bên cạnh đó, Tòa án sẽ có bộ phận kiểm tra và xét nghiệm các đặc điểm về thể chất cũng như tâm sinh lý của NCTN. Cuối cùng, Tòa án sẽ xem xét đầy đủ các yếu tố cả về pháp lý và xã hội khi quyết định hình phạt hay áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội.

Về thẩm quyền xét xử của Tòa án NCTN: Tòa án NCTN sẽ có thẩm quyền xem xét thụ lý và giải quyết tất cả các vụ án hình sự mà bị cáo là NCTN phạm tội. Đối với những vụ án hình sự có nhiều bị cáo, trong đó có bị cáo là NCTN, có bị cáo là người đã thành niên thì cần phải xem xét tách vụ án. Nếu vụ án tách được thì bị cáo là người đã thành niên sẽ xét xử theo thủ tục thông thường còn bị cáo là NCTN sẽ được xét xử theo thủ tục đặc biệt. Tuy nhiên, nếu vụ án không tách được thì Tòa án NCTN sẽ xét xử toàn bộ vụ án nhằm đảm bảo các thủ tục tố tụng đặc biệt đối với các bị cáo là NCTN.

Để hoàn thiện mô hình về Tòa án đối với NCTN phạm tội cần phải có một lộ trình lâu dài nhưng với tình hình hiện nay thì cần nhanh chóng triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội, hướng việc áp dụng hình phạt là nhằm cải tạo, giáo dục NCTN trở thành những người có ích cho xã hội.

Do hệ thống Tòa án hiện nay chưa có đội ngũ những người tiến hành tố tụng chuyên trách để giải quyết những vụ án có bị cáo là NCTN nên ngành Tòa án cần lựa chọn một số Thẩm phán và Hội thẩm có năng lực, được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm để tiến hành tố tụng các vụ án có bị cáo là NCTN. Những người được lựa chọn này sẽ được tổ chức đào tạo các khóa học về những đặc điểm tâm lý của NCTN, các kỹ năng tiếp cận, trao đổi với NCTN,

các kỹ năng về công tác giáo dục cũng như các kỹ năng xét xử chuyên biệt đối với NCTN phạm tội.

Thứ ba, nhanh chóng có kế hoạch tập huấn cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân nghiêm túc thực hiện các điều khoản liên quan đến hệ thống tư pháp dành riêng cho người chưa thành niên của Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em. Trong đó, có 05 nguyên tắc chung mà Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em yêu cầu các Quốc gia thành viên phải tuân thủ khi xây dựng chính sách, luật pháp và thực thi pháp luật liên quan đến bất cứ trẻ em nào dưới 18 tuổi.

- + Lợi ích tốt nhất của trẻ em
- + Nguyên tắc không phân biệt đối xử
- + Quyền sống, sinh tồn và phát triển
- + Quyền được lắng nghe của trẻ em
- + Nhân phẩm của trẻ em.

Trong đó, có nguyên tắc “*việc áp dụng hình phạt tù đối với NCTN phạm tội như là một giải pháp cuối cùng mà không có lựa chọn nào khác phù hợp*”.

4.8. Nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự trong điều tra, truy tố và xét xử người chưa thành niên phạm tội

Nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự trong hoạt động điều tra và truy tố đối với NCTN phạm tội là một trong những giải pháp rất quan trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì NCTN thường phải trải qua các giai đoạn tố tụng điều tra và truy tố kéo dài trong khi giai đoạn xét xử thì thường diễn ra trong khoảng thời gian ngắn nên hiệu quả của hoạt động điều tra và hoạt động thực hành quyền công tố giữ vai trò quan trọng đối với sự phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng của NCTN. Thái độ và xử sự của người tiến hành tố tụng, thủ tục tố tụng có tác động rất lớn đến tâm lý của NCTN. Nếu được tôn trọng và đối xử công bằng thì thường các em phản ứng theo khuynh

hướng ăn năn, hối cải, nhận ra làm lỗi và chịu trách nhiệm về hành vi sai trái của mình. Ngược lại nếu bị đối xử bất công thì dẫn đến khuynh hướng phản uất, phản kháng cực đoan, không còn tin tưởng vào người lớn, vào tính nghiêm minh của pháp luật do người tiến hành tố tụng thực thi, tâm lý này khiến các em có phản ứng bất cần, bất hợp tác dẫn đến mục đích cải tạo, giáo dục của việc áp dụng hình phạt sẽ không đạt được. Do đó, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao hiệu quả của những hoạt động này.

4.9. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên chuyên giải quyết các vụ án người chưa thành niên

Đào tạo đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên vừa nắm vững chuyên môn vừa am hiểu đặc điểm tâm lý của tuổi vị thành niên là một việc làm rất cần thiết bởi phần lớn NCTN phạm tội có tâm lý nặng nề, mặc cảm, tự ti, bi quan, chán nản, nhiều lúc tuyệt vọng, có thái độ thờ ơ, bất cần, liêu lĩnh. Những đặc điểm ấy gây nhiều khó khăn trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, cải tạo NCTN. Trong khi đó, có một thực tế là đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên hiện nay đều không phải là những cán bộ chuyên trách để điều tra, truy tố với riêng đối tượng NCTN. Nếu họ cũng chưa qua một khóa đào tạo nào về tâm sinh lý, khoa học giáo dục đối với NCTN hoặc có hiểu biết cũng rất hạn chế thì chắc chắn sẽ không đảm bảo thực hiện tốt quy trình điều tra, truy tố, xét xử NCTN phạm tội mà chính sách hình sự đã quy định dành riêng cho NCTN phạm tội.

4.10. Áp dụng mô hình tố tụng tư pháp thân thiện đối với người chưa thành niên

Áp dụng mô hình tư pháp thân thiện đối với NCTN là một giải pháp không thể thiếu. Từ cách sắp xếp, trang trí phòng điều tra đối với NCTN phạm tội theo hướng thân thiện hơn. Đến khi tiếp xúc với NCTN phạm tội thì điều tra viên nên mặc thường phục để tạo cảm giác gần gũi. Đồng thời, khi thực hiện hoạt động xét xử thì nên cho phép NCTN ngồi cạnh cha mẹ hoặc

luật sư của mình để giảm bớt cảm giác lo sợ cho NCTN. Cuối cùng, việc giải thích về hành vi phạm tội của NCTN phải được diễn đạt bằng các ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu để NCTN hiểu rõ những sai lầm của mình vì có nhiều trường hợp, NCTN phạm tội có trình độ văn hóa rất thấp nên không hiểu rõ về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Trên thực tế, các điều tra viên nữ, các kiểm sát viên nữ, các thẩm phán nữ thường nhẹ nhàng, ân cần hơn các điều tra viên nam, các kiểm sát viên nam, các thẩm phán nam khi thực hiện các hành vi tố tụng đối với NCTN phạm tội.

4.11. Tăng cường hoạt động cải tạo, giáo dục từ gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương

Tăng cường và nâng cao hoạt động cải tạo, giáo dục từ gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương đối với NCTN phạm tội bị áp dụng các hình phạt không tước tự do hoặc được hưởng án treo. Trường hợp NCTN phạm tội bị áp dụng các loại hình phạt, biện pháp nêu trên thì gia đình và nhà trường cần phải có sự giúp đỡ NCTN nhận thức được những sai lầm để sửa chữa. Chính quyền địa phương cần phải có những chính sách riêng, giúp NCTN phạm tội không bị tự ti, mặc cảm và có tư tưởng sống bị cách ly khỏi xã hội. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục người bị kết án có trách nhiệm phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục tạo điều kiện để người đó được lao động, học tập, hòa nhập vào cuộc sống chung tại địa bàn dân cư, phối hợp với nhà trường, cơ quan tổ chức hữu quan khác và gia đình giáo dục, cảm hóa giúp họ sửa chữa lỗi lầm. Chính quyền thành phố phải có trách nhiệm yêu cầu NCTN phạm tội thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình, có biện pháp ngăn ngừa giáo dục kịp thời khi người đó có biểu hiện tiêu cực và thông báo cho cơ quan bảo vệ pháp luật có thẩm quyền để xử lý khi cần thiết. Lực lượng cảnh sát khu vực, công an xã, phường, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn nơi NCTN phạm tội cư trú có trách nhiệm phối hợp với gia đình, nhà trường trong việc giám sát, giáo dục, giúp đỡ người đó tiến bộ.

4.12. Mở rộng hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật miễn phí (thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam) cho người chưa thành niên

Trung tâm tư vấn pháp luật cho NCTN là tổ chức xã hội - nghề nghiệp do Trung ương Hội luật gia Việt Nam thành lập vào năm 2013. Trong đó, Trung tâm có phạm vi hoạt động tư vấn pháp luật miễn phí, cử luật sư tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho NCTN phạm tội ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng phạm tội đặc biệt này theo quy định của BLTTHS.

Trong thời gian 02 năm vừa qua, đã có rất nhiều lượt phạm nhân là NCTN được tư vấn, giáo dục pháp luật bởi Trung tâm này trong các Trại giam của nhiều tỉnh, thành phố, đạt được nhiều kết quả khả quan. Tuy nhiên, hoạt động của Trung tâm mới chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc và Đà Nẵng, chưa có Chi nhánh tại các tỉnh Nam Bộ nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Do đó, cần kiến nghị Trung tâm mở rộng hoạt động, mở Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh trong những năm sắp tới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trong thời gian qua, hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân đối với NCTN phạm tội tại TPHCM tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn còn tồn tại những vướng mắc, hạn chế cần phải khắc phục. Có hai nhóm nguyên nhân dẫn đến thực trạng nêu trên, bao gồm nhóm nguyên nhân liên quan đến những bất cập còn tồn tại trong quy định pháp luật hình sự về hình phạt và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội cũng như nhóm nguyên nhân liên quan đến những bất cập trong hoạt động quyết định hình phạt của các cấp Tòa án trên địa bàn TPHCM.

Bộ luật hình sự năm 2015 đã bổ sung nhiều quy định mới có lợi cho NCTN phạm tội và chuẩn bị phạm tội, đã quy định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội. Tuy nhiên, một số quy định của BLHS hiện hành cũng như BLHS năm 2015 còn chưa đầy đủ, bất cập như không có

hình phạt trực xuất dành cho NCTN nước ngoài phạm tội; chưa quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm tội tại nhiều bản án. Bộ luật hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 09/12/2015 nhưng Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội đã lùi thời gian có hiệu lực của BLHS năm 2015 cũng như BLTTHS năm 2015, Pháp lệnh về tổ chức điều tra hình sự, Pháp lệnh về tạm giữ, tạm giam.

Bên cạnh việc áp dụng Nghị quyết 109/2015/QH13, các cơ quan tiến hành tố tụng còn phải áp dụng khoản 3 Điều 7 của BLHS, Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về những quy định có lợi cho NCTN phạm tội.

Mặc dù vậy, các hướng dẫn vẫn chưa đầy đủ, có trường hợp hướng dẫn gây bất lợi cho NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội. Trong thời gian hiện tại, các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân rất lúng túng khi áp dụng BLHS hiện hành và những quy định mới có lợi của BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 nói chung và cho NCTN phạm tội nói riêng.

Trên cơ sở xác định được những bất cập đó, tác giả đề xuất những giải pháp cụ thể như sau nhằm đảm bảo quyết định hình phạt khi xét xử NCTN phạm tội

Thứ nhất, ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của BLTTHS năm 2015 hiện hành về biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội tại Điều 31, Điều 71 BLHS hiện hành cũng như các điều luật tương ứng của BLHS năm 2015. Đồng thời, tác giả đề xuất bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số tội phạm tại Phần các tội phạm BLHS cũng như bổ sung hình phạt “Buộc lao động công ích” vào hệ thống hình phạt Việt Nam.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung các quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại Điều 74 và Điều 75 BLHS hiện hành và các điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng các điều luật này. Đồng thời, tác giả bổ sung một số nội dung liên quan đến tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN niên phạm tội cũng như đề xuất cách thức quyết định hình phạt đối với trường hợp NCTN phạm tội có nhiều bản án, phạm tội nhiều lần, tội liên tục.

Thứ tư, tăng cường cơ sở vật chất và các điều kiện khác cho Tòa án gia đình và NCTN nhằm đảm bảo tối đa các quyền và lợi ích cho NCTN khi Tòa án xét xử và quyết định hình phạt. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra quan điểm riêng về mô hình tổ chức cũng như thẩm quyền xét xử của Tòa án này tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ năm, lựa chọn ban hành án lệ về việc quyết định hình phạt không giam giữ đối với NCTN phạm tội.

Cuối cùng, tác giả đề xuất một số giải pháp khác để nâng cao hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội bao gồm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử đối với NCTN phạm tội và giải pháp tăng cường và nâng cao hoạt động cải tạo, giáo dục từ gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương đối với NCTN phạm tội bị áp dụng các hình phạt không tước tự do hoặc được hưởng án treo. Trong đó, quan trọng nhất là thực hiện những quy định mới của BLTTHS năm 2015 nhằm đảm bảo việc xử lý NCTN phạm tội được khách quan, chính xác, nhân đạo, phù hợp với các chuẩn mực Quốc tế.

Với những giải pháp nêu trên, tác giả mong muốn góp phần đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM, đảm bảo được mục đích giáo dục họ trở thành những người có ích cho xã hội.

KẾT LUẬN

Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là việc HDXX các cấp căn cứ vào quy định tại Phần chung và phần các tội phạm của BLHS và những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác lựa chọn một hình phạt tương ứng cho người đã được xác định phạm một tội hay nhiều tội cụ thể ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi và không được Tòa án áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự.

Hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là một vấn đề rộng, liên quan đến việc đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN phạm tội, nhất là tại địa bàn phức tạp như TPHCM. Đây là vấn đề quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn nhưng chưa được quan tâm và nghiên cứu sâu sắc.

Trong suốt 28 năm công tác tại Tòa án các cấp và 19 năm làm Thẩm phán, điều mà tác giả trăn trở nhất, không yên tâm nhất, muốn đề xuất hoàn thiện nhiều nhất là hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội; đặc biệt là đối tượng NCTN phạm tội từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi. Thật sự trăn trở khi rất nhiều NCTN phạm tội bị bắt tạm giam trong quá trình điều tra, truy tố, trước khi xét xử. Thật sự không yên tâm khi những hình phạt không mang tính tước tự do được Tòa án áp dụng quá ít so với việc áp dụng những hình phạt mang tính tước tự do đối với NCTN phạm tội. Thật sự muốn hoàn chỉnh các quy định về hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại Tòa chuyên trách Gia đình và NCTN. Khi chưa có các văn bản hướng dẫn về việc áp dụng các quy định về các biện pháp thay thế xử lý hình sự nên cho đến nay vẫn chỉ dừng lại ở quy định của BLHS mà chưa được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng trên thực tế, quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN, trẻ em phạm tội chưa được bảo vệ đầy đủ.

Vì vậy, tác giả đã quyết định chọn đề tài: ***“Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài nghiên cứu ở cấp độ Tiến sĩ nhằm để giải quyết các vấn đề lý luận và thực

tiền liên quan đến hoạt động này. Với khả năng vẫn còn hạn chế, tác giả đã cố gắng nghiên cứu và đạt được một số kết quả: (1) Luận án đã góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận liên quan đến khái niệm NCTN và khái niệm NCTN phạm tội trên cơ sở phân tích quy định của các Điều ước quốc tế cũng như quy định pháp luật hình sự Việt Nam; làm rõ những đặc điểm cơ bản của NCTN phạm tội; phân tích rõ những vấn đề lý luận chung về quyết định hình phạt cũng như quy định pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội; (2) Luận án đã phân tích rõ các thông số về diễn biến của tình hình tội phạm do NCTN thực hiện tại TPHCM; xác định những thành công đã đạt được cũng như những vướng mắc còn tồn tại qua việc đánh giá về thực tiễn quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân tại TPHCM đối với NCTN phạm tội; xác định nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc còn tồn tại trong thực tiễn quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân tại TPHCM đối với NCTN phạm tội và (3) đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội cũng như đảm bảo và nâng cao hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM.

Kết quả nghiên cứu của luận án được thể hiện ở một số nội dung sau đây:

Tại Chương 2, tác giả đã nêu và phân tích khái niệm chung về NCTN phạm tội. Tác giả đã phân tích khái niệm NCTN phạm tội theo pháp luật quốc tế, được quy định trong các văn bản như Quy tắc 2.1 mục a của Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp Quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do thông qua ngày 14/12/1990, hướng dẫn Riyadh của Liên Hợp Quốc về việc phòng ngừa NCTN phạm tội năm 1990, Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/11/1989. Sau đó, tác giả đã phân tích khái niệm NCTN phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành. Cuối cùng, dựa trên những quy định đã đưa ra, trên cơ sở khắc phục những hạn chế còn tồn tại, tác giả đưa ra định nghĩa về NCTN

phạm tội như sau: Người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

Đồng thời, tác giả cũng nêu ra và phân tích năm đặc điểm cơ bản về tâm sinh lý và thể chất của NCTN, ảnh hưởng đến hành vi của họ khi thực hiện tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án cần phải căn nhắc các đặc điểm nêu trên của họ để lựa chọn loại hình phạt với mức hình phạt hợp lý nhằm giúp họ nhận ra những sai lầm, khuyết điểm của mình. Việc quyết định hình phạt đối với NCTN cần thực hiện theo hướng giúp đỡ, giáo dục và tạo điều kiện để họ sửa chữa những sai lầm, trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Tiếp theo, tác giả xây dựng định nghĩa về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội theo nghĩa rộng phù hợp với chính sách hình sự Việt Nam giai đoạn hiện nay. Nêu và phân tích các căn cứ và cách thức quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội.

Cuối cùng, tác giả phân tích quy định pháp luật hình sự hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Ở nội dung này, trước tiên, tác giả tiến hành phân tích sáu nguyên tắc được áp dụng riêng biệt khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội quy định tại Điều 69 BLHS hiện hành. Sau đó, tác giả phân tích các quy định về hình phạt đối với NCTN phạm tội, bao gồm hai nội dung là: những hình phạt không áp dụng đối với NCTN phạm tội và những hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Những hình phạt không áp dụng đối với NCTN phạm tội gồm: tử hình, tù chung thân, phạt tiền (đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi) và hình phạt bổ sung. Những hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội gồm: cảnh cáo, phạt tiền (đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi), cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Sau cùng, tác giả phân tích các quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội. Trong phần này, tác giả phân tích các điều kiện áp dụng

hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn đối với NCTN phạm tội với những đặc điểm riêng biệt so với người đã thành niên cũng như xác định mức hình phạt tối đa của những loại hình phạt này có thể áp dụng đối với NCTN. Đồng thời, tác giả cũng nêu ra và phân tích quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội.

Tại Chương 3, tác giả đã nêu và phân tích tình hình tội phạm do NCTN thực hiện tại TPHCM. Ở nội dung này, tác giả tiến hành phân tích các thông số về thực trạng, cơ cấu, động thái và tính chất của tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn TPHCM. Trên cơ sở phân tích các thông số này, tác giả đưa ra các đánh giá về đặc điểm của tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn TPHCM như sau:

- + Số lượng NCTN phạm tội ngày càng gia tăng. Nếu như năm 2007 chỉ có tổng cộng 585 NCTN phạm tội bị xét xử trên toàn địa bàn TPHCM thì đến năm 2011 có tới 788 NCTN phạm tội bị xét xử với tỷ lệ gia tăng là 134,7% sau 05 năm;

- + Tội phạm do NCTN thực hiện có xu hướng bạo lực cao, tính chất và mức độ rất phức tạp, nguy hiểm với các tội phạm như giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích, cướp giật tài sản luôn chiếm tỷ trọng lớn;

- + Người chưa thành niên phạm tội đa số là nam giới với độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi và hầu hết đều thực hiện hành vi tội phạm khi đang ở trong quá trình học tập tại nhà trường;

- + Thiệt hại do hành vi phạm tội của NCTN gây ra là rất lớn, bao gồm cả thiệt hại về thể chất (tính mạng, sức khỏe con người), thiệt hại về vật chất (tài sản) và cả thiệt hại phi vật chất (nhân phẩm con người, an toàn, trật tự công cộng...).

Sau đó, tác giả đã đánh giá hoạt động xét xử và quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của các cấp Tòa án trên địa bàn TPHCM, từ đó đưa ra những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế cần phải khắc phục.

Đầu tiên, tác giả đánh giá một số kết quả đã đạt được trong hoạt động quyết định hình phạt đối với do NCTN phạm tội tại TPHCM, gồm:

Thứ nhất, hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTN phạm tội trong thời gian qua tại TPHCM nhìn chung là đúng quy định của pháp luật, hầu như không phát hiện thấy sai sót ảnh hưởng nghiêm trọng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN. Việc áp dụng hình phạt và các quy tắc quyết định hình phạt đối với NCTN của Tòa án đều đúng với các căn cứ được quy định trong pháp luật hình sự.

Thứ hai, khi quyết định hình phạt đối với NCTN thì Tòa án cũng đã thực hiện đúng chính sách hình sự của Nhà nước ta là nhân đạo và khoan hồng đối với NCTN nên mức hình phạt được áp dụng thường nằm ở mức thấp nhất hoặc dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Thứ ba, trong việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án đã chú trọng đến khả năng tự cải tạo, giáo dục của người phạm tội cũng như mở rộng việc giúp đỡ người phạm tội sửa chữa sai lầm cho gia đình và xã hội. Vì vậy, trong nhiều trường hợp, Tòa án đã áp dụng án treo nhằm để giúp cho NCTN không bị cách ly khỏi xã hội mà vẫn có khả năng tự cải tạo mình. Theo số liệu thống kê nêu trên thì trong tổng số 3671 bị cáo là NCTN bị xét xử thì có đến 745 bị cáo được cho hưởng án treo, chiếm tỷ lệ 20,3%. Đối với hình phạt không tước tự do của người phạm tội như hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đã được Tòa án áp dụng đối với NCTN phạm tội dù số lượng bị cáo được áp dụng là tương đối ít (có 09/3671 trường hợp được áp dụng, chiếm tỷ lệ 0,2%).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của các cấp Tòa án trên địa bàn

TPHCM vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần phải khắc phục, cụ thể như sau:

Thứ nhất, trong một số trường hợp, việc quyết định hình phạt của TAND tại TPHCM đối với NCTN phạm tội là quá nhẹ so với quy định tại khung hình phạt của điều luật. Tuy mức hình phạt mà Tòa án tuyên đối với bị cáo trong những trường hợp này nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước nhưng việc quyết định mức hình phạt như các trường hợp sau đây là không đúng với căn cứ được quy định trong pháp luật hình sự.

Thứ hai, những hình phạt không mang tính tước tự do được áp dụng quá ít so với việc áp dụng hình phạt mang tính tước tự do. Điều 71 BLHS hiện hành (Điều 98 BLHS năm 2015) quy định về bốn loại hình phạt chính có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Trong những loại hình phạt này thì chỉ có hình phạt tù có thời hạn là mang tính tước tự do, cách ly người phạm tội ra khỏi cộng đồng xã hội còn ba loại hình phạt còn lại không hạn chế sự tự do của người phạm tội. Tuy nhiên, trong 05 năm qua, chỉ có 09 trường hợp áp dụng hình phạt không mang tính tước tự do và đều là hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong khi đó, có đến 3662 trường hợp NCTN phạm tội bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Tuy trong những trường hợp đó, có 745 bị cáo được cho hưởng án treo nhưng sự chênh lệch trong việc áp dụng các loại hình phạt này là quá lớn. Hai loại hình phạt là hình phạt cảnh cáo và hình phạt tiền tuy được quy định trong pháp luật hình sự nhưng Tòa án lại không áp dụng trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TPHCM.

Thứ ba, không thể áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài. Đây là vướng mắc không chỉ tồn tại trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội trên địa bàn TPHCM mà còn tồn tại các địa phương khác trên cả nước. Điều 71 BLHS hiện hành (Điều 98 BLHS năm 2015) khi quy định về các hình phạt được áp dụng đối với NCTN phạm tội đã sử dụng thuật ngữ như sau: "*NCTN phạm tội chỉ bị áp dụng một*

trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm...". Việc sử dụng thuật ngữ này khẳng định ngoài bốn hình phạt được quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành (Điều 98 BLHS năm 2015) thì Tòa án không có quyền áp dụng bất cứ một hình phạt nào khác đối với NCTN phạm tội. Vì vậy, trong trường hợp Tòa án muốn áp dụng hình phạt trục xuất khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài thì sẽ không áp dụng được vì không có căn cứ pháp lý. Nếu Tòa án áp dụng hình phạt trục xuất với tư cách là hình phạt chính thì sẽ vi phạm quy định tại Điều 71 BLHS hiện hành (Điều 98 BLHS năm 2015), còn áp dụng hình phạt trục xuất với tư cách là hình phạt bổ sung thì sẽ vi phạm nguyên tắc tại khoản 5 Điều 69 BLHS hiện hành (Điều 91 BLHS năm 2015).

Phần cuối Chương 3, tác giả nêu và phân tích những nguyên nhân bất cập dẫn đến hạn chế hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TP HCM. Trong phần này, tác giả phân tích hai nhóm nguyên nhân: Nguyên nhân từ bất cập trong quy định pháp luật hình sự hiện hành và nguyên nhân từ hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án tại TP HCM.

Tại Chương 4, tác giả đề xuất một số giải pháp kiến nghị nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại TP HCM, gồm:

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định về hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội tại Điều 31, Điều 71 BLHS hiện hành và các điều luật tương ứng của BLHS năm 2015. Theo đó, Điều 71 BLHS hiện hành sẽ bổ sung thêm hình phạt trục xuất có thể áp dụng đối với NCTN phạm tội là người nước ngoài. Điều 31 BLHS hiện hành sẽ sửa đổi theo hướng mở rộng khả năng áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội là người từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi. Đồng thời, tác giả đề xuất bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số tội phạm tại Phần các tội phạm

BLHS cũng như bổ sung hình phạt “Buộc lao động công ích” vào hệ thống hình phạt Việt Nam.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội tại Điều 74 và Điều 75 BLHS hiện hành và các điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng các điều luật này. Theo đó, Điều 74 BLHS cần phải quy định cụ thể về giới hạn tối thiểu của hình phạt tù được áp dụng đối với NCTN phạm tội. Đồng thời, điều luật phải quy định cụ thể về việc cho phép Tòa án khi thực hiện hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội thì Tòa án được quyền quyết định hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, và trong trường hợp đặc biệt có thể dưới mức tối thiểu của hình phạt tù được quy định tại Điều 33 BLHS hiện hành hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Bên cạnh đó, cần quy định rõ thuật ngữ sử dụng tại Điều 75 BLHS hiện hành là dùng để chỉ tội danh nặng nhất hay loại tội phạm nặng nhất mà NCTN đã phạm cũng như quy định rõ ràng về mức tối đa của hình phạt chung tại Điều 75 BLHS hiện hành là bao nhiêu.

Thứ ba, tác giả bổ sung một số nội dung liên quan đến tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN niên phạm tội cũng như đề xuất cách thức quyết định hình phạt đối với trường hợp NCTN phạm tội có nhiều bản án, phạm tội nhiều lần, tội liên tục.

Thứ tư, đề xuất ban hành Nghị quyết hướng dẫn thẩm quyền và các hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan quyết định hình phạt tại Tòa gia đình và NCTN nhằm bảo đảm các quyền và lợi ích cho NCTN khi Tòa án xét xử và quyết định hình phạt. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra quan điểm cụ thể về chức năng, mô hình tổ chức cũng như thẩm quyền xét xử của Tòa án này.

Thứ năm, đề xuất ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự và thủ tục áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự tại từng cấp Tòa án.

Cuối cùng, tác giả đề xuất một số giải pháp khác để nâng cao hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội bao gồm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử đối với NCTN phạm tội và giải pháp tăng cường và nâng cao hoạt động cải tạo, giáo dục từ gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương đối với NCTN phạm tội bị áp dụng các hình phạt không tước tự do hoặc được hưởng án treo; chọn và ban hành án lệ trong việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội.

Với những nội dung nghiên cứu nêu trên, tác giả mong muốn sẽ đóng góp một phần công sức trong việc hoàn thiện những quy định pháp luật hình sự liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội và nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội của hệ thống Tòa án.

Trong quá trình soạn thảo Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật hình sự năm 2015, nhiều ý kiến đóng góp của tác giả đã được Ban soạn thảo chấp nhận. Các luật nêu trên chứa đựng nhiều nội dung mới có tính chất đột phá thay đổi cơ bản chính sách hình sự xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, phù hợp với nguyên tắc “mục tiêu cải huấn can phạm” quy định tại Công ước 1966 và Công ước năm 1989 (CRC) của Liên Hợp quốc. Đó là các quy định về việc thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên trong hệ thống Tòa án Việt Nam, về việc mở rộng các hình phạt chính không phải là hình phạt tù, là các biện pháp thay thế xử lý hình sự, là mô hình tố tụng thân thiện...

Đối với các kiến nghị chưa được chấp thuận, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu, lý giải, kiến nghị các cơ

quan có thẩm quyền tiếp tục xem xét, sửa đổi, bổ sung trong những năm tới. Đó là việc không áp dụng hình phạt tù giam đối với NCTN dưới 16 tuổi phạm tội; đó là giảm mức hình phạt cao nhất khi xét xử NCTN phạm tội đang quy định trong BLHS hiện hành và BLHS năm 2015...

Nói tóm lại, dù ở Thành phố Hồ Chí Minh trung tâm phát triển kinh tế chính trị, văn hóa xã hội của Việt Nam hay ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới thì tình trạng NCTN phạm tội thường xuyên xảy ra ở các mức độ khác nhau. Do đó, NCTN là các chủ thể tham gia vào các thủ tục tố tụng của Tòa án, điều này có nghĩa là NCTN trực tiếp tham gia các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự mà vào thời điểm NCTN vốn rất dễ bị tổn thương rất cần được hướng dẫn và giúp đỡ, rất cần được tạo cơ hội tránh mắc phải những sai phạm mới trong tương lai để lớn lên trở thành những người có trách nhiệm. Từ đó, một hoạt động mà các quốc gia trên toàn cầu đang nỗ lực thực hiện là tìm mọi cách đảm bảo hệ thống pháp luật liên quan đến NCTN phạm tội tuân thủ theo đúng luật quốc tế về quyền con người nói chung, đảm bảo quyền của NCTN khi bị xét xử và tuyên án. Một chương trình hòa nhập cộng đồng phù hợp, một nguyên tắc áp dụng xử lý theo hướng không giam giữ để tránh các thủ tục xét xử chính thức và chuyển sang giam giữ chỉ là biện pháp cuối cùng và nếu có chỉ áp dụng trong một khoảng thời gian ngắn nhất chắc chắn sẽ đem lại nhiều lợi ích và hiệu quả tích cực trong việc giáo dục, cải tạo, hướng dẫn NCTN vi phạm pháp luật trở thành người tốt, người có ích cho xã hội và cộng đồng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Hà Anh (2006), *Chế tài Hình sự đối với trường hợp trẻ em và NCTN phạm tội*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Phạm Văn Beo (2010), *Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Vũ Ngọc Bình (1997), *Tư pháp với NCTN và quyền trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Lao động Thương binh và xã hội, UNICEF (2009), *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp, UNDP (2012), *Báo cáo rà soát các quy định của pháp luật Việt Nam về một Số quyền dân sự, chính trị*", Hà Nội.
6. Lê Cẩm (1998), *Hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Lê Cẩm, Phạm Mạnh Hùng, Trịnh Tiên Việt (2005), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
8. Lê Cẩm (2007), *Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. Lê Văn Cẩm (2010), *Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự - Ý nghĩa của việc nghiên cứu*, Tạp chí khoa học ĐH Quốc gia Hà Nội, Số 26 /2010, Hà Nội, tr147 – 154.
10. Chính phủ Việt Nam, UNICEF (2010), *Báo cáo phân tích tình hình trẻ em ở Việt Nam 2010*, Hà Nội.

11. Chính Phủ (2000), Nghị định 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ
12. Chính Phủ (2001), Nghị định 54/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất
13. Trần Văn Dũng (2000), *Quyết định hình phạt cho NCTN phạm nhiều tội*, Tạp chí Luật Học số 05/2000, Hà Nội, tr 10 – 17.
14. Trần Văn Dũng (2003), *Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 10/2003, Hà Nội, tr 25 – 32.
15. Trần Văn Dũng (2008), *Chế định thẩm phán NCTN trong Luật hình sự và luật tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp*, Tạp chí Luật học, Số 05/2008, Hà Nội, tr 14 – 20.
16. Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Tập 1)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Đại học Luật TPHCM (2013), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam Phần chung*, Nxb Hồng Đức, TPHCM.
18. Bùi Thị Thanh Hải (2001), *Quyết định hình phạt theo Bộ Luật Hình sự 1999*, Luận văn cử nhân Luật học, Hà Nội.
19. Nguyễn Minh Hải (2009), *Về nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 16/2009, Hà Nội, tr 20 – 28.
20. Hoàng Hùng Hải (2000), *Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền con người trong xét xử hình sự ở nước ta*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Hà Nội.
21. Nguyễn Quang Hiền (2007), *Bảo vệ quyền con người trong Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Ánh Hồng (2012), *Biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam và vấn đề bảo vệ quyền con người*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 3 (70)/2012, TPHCM, tr24 - 30.

23. Nguyễn Công Hồng, Nguyễn Văn Hoàn (2006), *Bảo vệ quyền của NCTN trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
24. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Luật Hình sự Việt Nam – sự phát triển trong 20 năm đổi mới và các định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Luật Học số 01/2007, Hà Nội, tr 15 – 23.
25. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1986), Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05/1/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự.
26. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự.
27. Lê Vũ Huy (2011), *Bảo đảm quyền con người của NCTN phạm tội bằng các quy định về hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học.
28. Liên Hợp Quốc (1948), *Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế*.
29. Liên Hợp Quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*.
30. Liên Hợp Quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*.
31. Liên Hợp Quốc (1985), *Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về hoạt động tư pháp đối với NCTN*.
32. Liên Hợp Quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*.
33. Liên Hợp Quốc (1990), *Các hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về phòng ngừa phạm pháp ở NCTN*.
34. Liên Hợp Quốc (1990), *Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về bảo vệ NCTN bị tước tự do*.
35. Liên Hợp Quốc (1997), *Các hướng dẫn hành động về trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự*.

36. Đặng Vũ Cảnh Linh (2003), *NCTN và chính sách đối với NCTN*, Nxb Lao động - xã hội, TP HCM.
37. Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.
38. Dương Tuyết Miên (2009), *Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Luật Học số 04/2009, Hà Nội, tr 23 – 30.
39. Đoàn Tấn Minh (2009), *Cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về NCTN phạm tội trong Luật Hình sự năm 1999*, Tạp chí Kiểm Sát số 20/2009, Hà Nội, tr 21 – 30.
40. Lê Thị Nga (2005), *Quyền trẻ em - Nhìn từ góc độ những nguy cơ đối với trẻ em đường phố*, Tạp chí Gia đình và trẻ em, Số 10/2005, TP HCM, tr 38 – 4
41. Lê Thị Nga (2007), *Quyền của trẻ em trong pháp luật*, Tạp chí Dân số và phát triển, Số 5 (74)/2007, TP HCM, tr 21 - 25.
42. Lê Thị Nga (2007), *Hoàn thiện thủ tục tố tụng hình sự đối với NCTN phạm tội*” Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 24(102)/2007, Hà Nội, tr 44 - 49.
43. Nguyễn Thị Tố Nga (2011), *Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với NCTN phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, TP HCM.
44. Đặng Thanh Nga (2008), *Một số đặc điểm tâm lý của NCTN phạm tội*, Tạp chí Luật học, Số 1/2008, Hà Nội, tr 25 – 31.
45. Đào Thị Nga (1997), *Quyết định hình phạt đối với NCTN*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.
46. Lê Duy Ninh (2003), *Quyết định hình phạt trong những trường hợp đặc biệt và thực tiễn áp dụng tại TP HCM*, Luận văn thạc sĩ Luật học, TP HCM.

47. Ngô Hoàng Oanh (2011), *Tình hình tội phạm NCTN, thực trạng, nguyên nhân và các giải pháp*, *Tạp chí Khoa học pháp lý số 3/2011, TPHCM, tr 12 – 20.*
48. Nguyễn Khắc Quang (2012), *Quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt*, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 4 (288)/2012, Hà Nội, tr52 - 56.*
49. Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu tội phạm và hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đinh Văn Quế (2009), *Thực tiễn áp dụng pháp luật Hình sự - lý luận và thực tiễn*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
51. Đinh Văn Quế (2003), *Quyết định hình phạt tù đối với NCTN phạm tội*, *Tạp chí Tòa án Nhân dân số 05/2003, Hà Nội, tr 11 – 20.*
52. Đinh Văn Quế (2005), *Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ Luật Hình sự năm 1999*, *Tạp chí Tòa án Nhân dân số 16/2005, Hà Nội, tr 23 – 31.*
53. Quốc Hội, Bộ luật Hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, 2011.
54. Quốc Hội, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, 2010.
55. Quốc Hội, Bộ luật Hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, 2016.
56. Quốc Hội, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, 2016.
57. Quốc Hội, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Nxb Chính trị quốc gia, 2016.
58. Quốc Hội, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, Nxb Chính trị quốc gia, 2016.
59. Quốc Hội, Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.
60. Quốc Hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13; Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số

- 99/2015/QH13; Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016.
61. Quốc Hội, Bộ Luật Dân sự, Nxb Chính trị quốc gia, 2010.
 62. Quốc Hội , Bộ Luật Lao động, Nxb Chính trị quốc gia, 2013.
 63. Quốc Hội, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Nxb Chính trị quốc gia, 2009.
 64. Phan Thị Thanh Tâm (2011), *Chính sách hình sự đối với NCTN phạm tội*, Nxb Hồng Đức, TP HCM.
 65. Đặng Thị Thanh Thảo (2011), *Quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội*, Luận văn cử nhân Luật học, TP HCM.
 66. Quách Hữu Thái (2010), *Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 06/2010, Hà Nội, tr 24 – 33.
 67. Phạm Văn Thiệu (2011), *Sửa đổi, bổ sung quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội.* , Tạp chí Tòa án Nhân dân số 06/2011, Hà Nội, tr 14 – 21.
 68. Phạm Văn Thiệu (2008), *Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có án treo và NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 05/2008, Hà Nội, tr 10 – 18.
 69. Vũ Thị Thúy (2010), *Bàn về việc áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTN phạm tội trong luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 21/2010, Hà Nội, tr 24 – 32.
 70. Nguyễn Mạnh Tiến (2010), *Bàn về quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 21/2010, Hà Nội, tr 27 – 34.
 71. Trịnh Quốc Toàn (2008), *Hoàn thiện hình phạt tử hình, tù có thời hạn và phạt tiền theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 09/2008, Hà Nội, tr 12 – 22.

72. Nguyễn Đức Tuất (2010), *Quyết định hình phạt thế nào khi NCTN chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 01/2010, Hà Nội, tr 15 – 23.
73. Trần Quang Tiệp (2004), *Bảo vệ quyền con người trong Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội.
74. Phạm Văn Tinh (2012), *Quyền con người về mặt tư pháp hình sự*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 6 (290)/2012, Hà Nội, tr 65 - 71. ”
75. Nguyễn Hữu Thế Trạch (2011), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thiết lập tòa án NCTN*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 4/2011, TPHCM, tr20 - 26.
76. Tòa án nhân dân tối cao (2001), Công văn số 81/2001/TANDTC giải đáp các vấn đề nghiệp vụ.
77. Tòa án nhân dân TPHCM - Thống kê hoạt động xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân TPHCM các năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014.
78. Tòa án nhân dân TPHCM, Thống kê hoạt động xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện tại TPHCM các năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014.
79. Tòa án nhân dân các Quận, Huyện và Tòa án nhân dân TPHCM, Các bản án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm xét xử các năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014.
80. Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về quyền con người, Hội luật sư quốc tế (2009), *Quyền con người trong quản lý tư pháp*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
81. Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển (2000), *Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp NCTN*, Hà Nội.
82. Viện ngôn ngữ học (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.

83. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1998), *Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp NCTN Việt Nam*, Nxb Bộ Tư pháp, Hà Nội.
84. Trịnh Tiên Việt (2010), *Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với NCTN phạm tội*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số 13/2010, số 14/2010, Hà Nội.
85. Võ Khánh Vinh (1996), *Tội phạm học, luật Hình sự, luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Võ Khánh Vinh (2001), *Một số ý kiến về chính sách hình sự đối với NCTN phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 1999*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 04/2001, Hà Nội, tr 20 – 29.
87. Quách Thành Vinh (2011), *Mấy vấn đề áp dụng pháp luật đối với NCTN phạm tội bị xử phạt tù*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 6(03)/2011, Hà Nội, tr10 - 15.
88. *Vụ Pháp chế, Bộ Công an (2004), Những quy định của pháp luật Việt Nam đối với NCTN vi phạm pháp luật*", Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
89. *Vụ pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2005), Quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
90. *Vụ pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2006), Bảo vệ quyền của NCTN trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
91. *Vụ pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2009), Thuật ngữ tư pháp NCTN*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
92. *Vụ pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2010), Luật Tư pháp và phúc lợi NCTN năm 2006 của nước Cộng hòa Philippin*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
93. *Vụ pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2010), Luật Tư pháp NCTN năm 2005 của Nhà nước độc lập Papua New Guinea*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

94. Nguyễn Thị Trúc Vương (2001), *Trách nhiệm hình sự của NCTN phạm tội theo luật Hình sự Việt Nam*. Luận văn cử nhân Luật học, TP HCM.
95. Lê Tường Vy (2007), *Căn cứ quyết định hình phạt theo pháp luật Hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, TP HCM.
96. Trường Cán bộ Tòa án, *Công tác xét xử của Tòa án nhân dân tối cao đối với trẻ em vi phạm pháp luật*, Hà Nội, 2000;
97. Tòa án nhân dân tối cao, *Đề án thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên Việt Nam*, Hà Nội, 2013;
98. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Đề án góp ý Dự thảo sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội*, Hà Nội, 2015.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

99. Barry C. Feld (1999), *Bad kids (Race and the transformation of Juvenile Court)*, Oxford University Press, Inc, pp. 23 – 27.
100. Carolyn Hamiltol (2011), *Guidance for Legislative Reform on Juvenile Justice*, Children's Legal Central and United Nations Children's Fund (Unicef), New York, pp. 48 - 53.
101. Cristina Rechea Alberola (2003), *Esther Fernández Molina, Report of The Spanish Juvenile Justice System*, Criminology Research Centre, University of Castilla-La Mancha, Alabaceto(Spain), pp 123 - 135.
102. Christopher McCrudden (2008), *Human Dignity and Judicial Interpretation of Human Rights*, The European Journal of International Law Vol.19 no.4/2008, pp.53 – 58.

103. Frieder Dunkel (2006), *Juvenile justice systems in Europe - current situation, reform developments and good practices*, pp. 127 – 150.
104. Franklin E. Jimring (2005), *American juvenile Justice*, Oxford University Press, pp 12 - 25.
105. Harry Adams (2008), *Justice for Children: Autonomy Development and the State*, University of New York Press, pp. 77 - 89.
106. M.Hager (2000), *The Rule of law, A Lexicon for Policy Makers*, Mansfield Center for Pacific Affairs, pp. 31 - 37.
107. John. E. B, Myers (2006), *Child protect in America: Past, Present and Future*, Oxford University Press, pp.38 - 67.
108. K.W. Lidstone (2011), *Human rights in the English criminal trial - Human rights in criminal procedure*, United Kingdom National Committee of Comparative Law, pp.46 - 52.
109. Leora Krygier (2009), *Juvenile Court: A Judge's Guide for young adults and Their Parents*, The Scarecrow Press, Inc, pp. 146 - 150.
110. Maharukh Adenwalla (2006), *Child Protection and Juvenile Justice system for juvenile in conflict with law*, Mumbai, Inconpaper, pp. 35 - 40.
111. Neil Andrews (2009), *Principle of Criminal procedure*, CSICL - Cambridge study in international and comparative law, pp.21 – 27.
112. Nicholas Bala, Michale Kim Zapf, R.James Williams, Robin Volg, Joseph p. Hornick (2004), *Canadian Child Welfare Law: Children, Famillies and the State*, Thompson Educational Publishing, Inc. Toronto, pp.57 - 64.
113. Nicholas Bala (2004), *Canada's Juvenile Justice Law and Children Rights, Conference on making Children's Rights Work: National and International Perspectives*, International Beaureau for Children Rights, pp. 87 - 92.

114. Stephan Gardbaum (2008), *Human Right as International Constitutional Rights*, *The European Journal of International Law* Vol.19 no.4/2008, pp. 21 – 26.
115. Stephanos Stavros (1992), *The guarantees for accused persons under Article 6 of the European Convention on Human Rights*, Inc. Martinus, pp 120 - 134.
116. United Nations (2009), *Handbook for Professionals And Policymakers on Justice Matters Involving Child Victims and Witnessed of Crime*, Criminal Justice Handbook Series New York, pp. 54 – 71.
117. Unicef (2007), *Protecting the world's children: Impact of the Convention of the Rights of the Child in Diverse Legal Systems*, Cambridge, pp.12 - 17.
118. Unicef, East Asia And Pacific Regional Office (EAPRO) (2007), *Justice for Children: Detention as a Last Resort (Innovative Initiatives in the East Asia and Pacific Region)*, pp. 44 - 50.
119. Unicef (2009), *The Development of Juvenile Justice Systems in Eastern Europe and Central Asia: Lessons from Albania, Azerbaijan, Kazakhstan, Turkey and Ukraina*, pp. 65 - 79.
120. United Nation Office On Drugs and Crime (UNODC) (2009), *Justice in Matters Invoving Child Victim And Witnesses of Crime: Model Law and Related Commentary*, Printed in Oxtraylia, V08-58962, 4/2009, pp. 87 – 93.